

PHẦN MỞ ĐẦU

1.Lý do chọn đề tài:

Việt Nam đất nước thân yêu, tuy thật nhỏ bé nhưng lại tiềm ẩn bên trong những vẻ đẹp diệu kì mà tạo hóa, thiên nhiên đã ban tặng. Dọc theo chiều dài của đất nước, đi tới đâu chúng ta cũng thấy tự hào và trân trọng. Em yêu Vịnh Hạ Long, 2 lần được công nhận là di sản thế giới. Em yêu Hà Nội thủ đô ngàn năm văn hiến. Em yêu Huế mộng mơ và thơ mộng... Và em yêu quê hương em, một Trà Cổ bình yên và lãng mạn. Trà Cổ không phải là nơi em sinh ra cũng không phải là nơi em lớn lên, nhưng quê hương cha ông để lại đã cho em những ấn tượng kỉ niệm thật sâu sắc.

“Từ Trà cổ rừng dương đến Cà mau rừng đước”

Tổ hữu đã viết câu thơ này thể hiện Trà Cổ-nơi địa đầu của Tổ quốc, nơi đặt nét bút đầu tiên vẽ lên bản đồ Việt nam. Tạo hóa đã ban tặng cho Trà Cổ một hình thể thật đẹp, một bán đảo ba mặt là nước biển, ngày ngày sóng biển vỗ về những dải cát mịn màng óng ánh. Bãi biển Trà Cổ trải dài tới 17km, không khí trong lành, khí hậu mát mẻ. Trà Cổ không chỉ đẹp bởi vẻ đẹp tự nhiên mà còn đẹp bởi những nét văn hóa truyền thống. Xung quanh đường biển là hệ thống các di tích lịch sử như đình làng, chùa, đền và nhà thờ. Tất cả đều có lịch sử lâu đời trang nghiêm và cổ kính.

Chính vì vậy mà Trà Cổ rất thích hợp cho các loại hình du lịch nghỉ ngơi, tắm biển, thể thao dưới nước kết hợp tham quan di tích và lễ hội. Thế nhưng hiện nay, do chưa được khai thác hợp lý và qui mô nên lượng khách đến với trà cổ còn rất ít và chưa tạo ra được nguồn thu lớn cho địa phương. Là người con của mảnh đất này lại là một sinh viên văn hóa du lịch, đã từ lâu em mong muốn vận dụng những kiến thức mình đã học suốt 4 năm qua, góp phần nhỏ bé tìm hiểu về tiềm năng du lịch Trà Cổ và qua đó đưa ra một số giải pháp để thu hút nhiều hơn nữa khách du lịch đến với Trà Cổ từ đó

thúc đẩy du lịch phát triển một cách bền vững. Chính vì vậy em chọn đề tài **“Tiềm năng và một số giải pháp phát triển du lịch Trà Cổ”**.

2.Mục đích nghiên cứu:

Tìm hiểu tiềm năng tại Trà cổ nhằm khai thác các tiềm năng đó để phục vụ ngày càng có hiệu quả hơn cho sự phát triển du lịch của Trà Cổ nói riêng và đất nước nói chung.

3.Đối tượng:

Nghiên cứu các tiềm năng của Trà Cổ để phục vụ cho phát triển du lịch.

4.Nhiệm vụ:

Tìm hiểu về cơ sở lý luận về du lịch và tài nguyên du lịch.

Tìm hiểu tiềm năng và thực trạng hoạt động du lịch trà cổ.

Đề ra một số giải pháp để khai thác có hiệu quả tiềm năng của Trà Cổ phục vụ cho phát triển du lịch.

5.Phạm vi nghiên cứu:

Bãi biển Trà Cổ và các di tích văn hóa tại Trà Cổ đã được khai thác phục vụ cho du lịch.

6.Phương pháp nghiên cứu:

Em đã sử dụng một số phương pháp nghiên cứu:

- Phương pháp duy vật lịch sử, duy vật biện chứng.
- Phương pháp tập hợp, phân tích.
- Phương pháp quan sát, khảo sát thực địa.
- Phương pháp phỏng vấn.
- Phương pháp thống kê.

7.Cấu trúc của khóa luận:

Khóa luận gồm:

-PHẦN MỞ ĐẦU

-PHẦN NỘI DUNG gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về du lịch và tài nguyên du lịch.

Chương 2: Tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch Trà cổ.

Chương 3: Một số giải pháp phát triển hiệu quả và bền vững du lịch Trà cổ.

- PHẦN KẾT LUẬN

TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHỤ LỤC

PHẦN NỘI DUNG

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ DU LỊCH, TÀI NGUYÊN DU LỊCH

1. Khái niệm về du lịch

Ngày nay trên phạm vi thế giới du lịch đã trở thành một nhu cầu không thể thiếu được trong đời sống văn hóa-xã hội của mỗi một người dân và du lịch đã trở thành một ngành kinh tế quan trọng của nhiều nước trên thế giới. Ở các chuyến du lịch trong và ngoài nước con người không chỉ dừng lại ở việc nghỉ ngơi, giải trí mà còn nhằm thỏa mãn cả nhu cầu to lớn về mặt tinh thần.

Thuật ngữ du lịch trở nên rất thông dụng. Nó bắt nguồn từ tiếng pháp: “tour” nghĩa là đi vòng quanh, cuộc dạo chơi, còn “touriste” là người dạo chơi. Du lịch gắn liền với việc nghỉ ngơi giải trí nhằm phục hồi nâng cao sức khỏe và khả năng lao động của con người, nhưng trước hết liên quan mật thiết đến sự di chuyển của họ.

Trong vòng 6 thập kỉ qua kể từ khi thành lập Hiệp hội quốc tế các tổ chức du lịch IUOTO (International of Union Official Travel Organization) năm 1925 tại Hà Lan, khái niệm du lịch luôn được tranh luận. Đầu tiên du lịch được hiểu là việc đi lại của từng cá nhân hoặc một nhóm người rời khỏi chỗ ở của mình trong thời gian ngắn đến các vùng xung quanh để nghỉ ngơi giải trí hay chữa bệnh. Ngày nay người ta đã thống nhất rằng về cơ bản, tất cả các hoạt động di chuyển của con người từ trong hay ngoài nước, trừ việc đi cư trú chính trị, tìm việc làm hoặc xâm lược đều mang ý nghĩa du lịch.

Như vậy du lịch là một khái niệm bao hàm nội dung kép, một mặt nó mang ý nghĩa thông thường của từ: việc đi lại của con người với mục đích nghỉ ngơi giải trí... Mặt khác du lịch được nhìn nhận dưới một góc độ khác như là hoạt động gắn chặt với những kết quả kinh tế (sản xuất tiêu thụ) do chính nó tạo ra.

Năm 1979, Đại hội của tổ chức du lịch thế giới(WTO) đã thông qua hiến chương du lịch và chọn ngày 27/9 làm ngày du lịch thế giới với các chủ đề cho từng năm gắn du lịch với việc tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc vì nền Hòa bình và tình hữu nghị trên toàn thế giới.

Do hoàn cảnh (thời gian,khu vực) khác nhau, dưới mỗi góc độ nghiên cứu khác nhau, mỗi người có một cách hiểu về du lịch khác nhau. Đúng như một chuyên gia du lịch đã nhận định: “đối với du lịch có bao nhiêu tác giả nghiên cứu thì có bấy nhiêu định nghĩa” (Robert Lanquar,Kinh tế du lịch).

Du lịch có thể được hiểu là:

(1) Sự di chuyển và lưu trú qua đêm tạm thời trong thời gian rảnh rỗi của cá nhân hay tập thể ngoài nơi cư trú nhằm mục đích phục hồi sức khỏe, nâng cao tai chỗ nhận thức về thế giới xung quanh có hoặc không kèm theo việc tiêu thụ một số giá trị tự nhiên kinh tế, văn hóa và dịch vụ do các cơ sở chuyên nghiệp cung ứng.

(2) Một lĩnh vực kinh doanh các dịch vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu nảy sinh trong quá trình di chuyển và lưu trú qua đêm tạm thời trong thời gian rảnh rỗi của cá nhân hay tập thể ngoài nơi cư trú với mục đích phục hồi sức khỏe nâng cao nhận thức về thế giới xung quanh. [14,(7)].

Khái niệm du lịch có thể được xác định như sau:

“Du lịch là một dạng hoạt động của dân cư trong thời gian rảnh rỗi liên quan với sự di chuyển và lưu trú tạm thời bên ngoài nơi cư trú thường xuyên nhằm nghỉ ngơi, chữa bệnh phát triển thể chất và tinh thần, nâng cao trình độ nhận thức văn hóa hoặc hoạt động thể thao, kèm theo việc tiêu thụ những giá trị về tự nhiên, kinh tế và văn hóa xã hội”.(I.I.Pirogionic,1985).

* Tổ chức du lịch thế giới WTO định nghĩa du lịch gồm những loại hình:

- + Du lịch quốc tế (International Tourism) gồm:
 - Du lịch vào trong nước (Inbound Tourism)
 - Du lịch ra ngoài nước (Outbound Tourism)

+ Du lịch của trong nước (Internal Tourism)

- Du lịch nội địa (Domestic Tourism)

- Du lịch quốc gia (National Tourism)

* Định nghĩa theo quan niệm của W.McIntosh (mỹ) gồm 4 thành phần:

- Du khách.

- Các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm hay dịch vụ cho du khách.

- Chính quyền tại địa điểm du lịch.

- Dân cư địa phương.

Từ các thành phần trên du lịch được hiểu là : “Tổng số các hiện tượng và mối quan hệ nảy sinh từ tác động qua lại giữa du khách, các nhà cung ứng chính quyền và cộng đồng địa phương trong quá trình thu hút và tiếp đón du khách”.

* Theo luật du lịch Việt Nam: “Du lịch là hoạt động của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm thỏa mãn nhu cầu tham quan giải trí nghỉ dưỡng trong khoảng thời gian nhất định”(điều 4)

2.Vai trò của du lịch

2.1. Đối với kinh tế

Du lịch có vai trò vô cùng quan trọng đối với hầu hết các lĩnh vực đặc biệt là kinh tế. Khi du lịch phát triển sẽ góp phần đẩy mạnh sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế, cơ cấu lao động, cơ cấu về mặt lãnh thổ. Như vậy, du lịch được coi là cơ sở quan trọng để thúc đẩy sự phát triển kinh tế, là nguồn thu ngoại tệ lớn của nhiều nước.

Tổ chức du lịch thế giới có trụ sở tại Madrid (Tây Ban Nha) ngày 24/1/2006 cho biết kinh tế toàn cầu phục hồi, lượng khách du lịch năm nay trên thế giới sẽ tăng 4-5% sau khi đạt con số kỷ lục 808 triệu người năm 2005. Tổ chức du lịch thế giới dự báo số lượng khách du lịch toàn cầu sẽ tăng 1,6 tỷ người vào năm 2020.

Trong phạm vi quốc gia thì hoạt động du lịch làm xáo trộn hoạt động luân chuyển tiền tệ, hàng hóa. Cán cân thu chi được thực

hiện giữa các vùng có trình độ kinh tế khác nhau, có tác dụng điều hòa nguồn vốn từ vùng kinh tế phát triển sang vùng kinh tế kém phát triển hơn, kích thích sự tăng trưởng ở vùng sâu, vùng xa. Hơn nữa du lịch góp phần thúc đẩy các ngành kinh tế khác cùng phát triển. Ngành du lịch là một yếu tố của hệ thống kinh tế chung. Để đáp ứng được yêu cầu trọn vẹn về sản phẩm du lịch cho các đối tượng khách khác nhau thì ngành du lịch phải sử dụng nhiều sản phẩm và dịch vụ của nhiều lĩnh vực sản xuất khác nhau trong hệ thống kinh tế chung. Từ mối quan hệ trực tiếp của ngành du lịch với các lĩnh vực sản xuất trong nền kinh tế có thể rút ra nhận xét: Du lịch làm thay đổi hoạt động của nền kinh tế. Khi du lịch phát triển và số lượng du khách ngày càng tăng lên thì cần phải có sự hỗ trợ của các ngành công nghiệp, nông nghiệp, mạng lưới giao thông vận tải, thông tin liên lạc...và nhờ vào đó thúc đẩy các ngành phát triển.

Du lịch góp phần quan trọng làm tăng thu nhập quốc dân của một vùng lãnh thổ, quốc gia nhất là du lịch quốc tế. Kinh tế du lịch gây biến đổi lớn trong cơ cấu của cán cân thu chi của đất nước của vùng du lịch. Đối với du lịch quốc tế, việc khách mang ngoại tệ đến đổi và tiêu thụ ở khu du lịch đã làm tăng tổng số ngoại tệ trong cán cân thu – chi và của đất nước. Còn với du lịch nội địa thì việc tiêu tiền của dân vùng du lịch cũng gây biến động trong cán cân thu – chi của nhân dân theo vùng.

Du lịch cũng có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của ngành công nghiệp, nông nghiệp và các ngành kinh tế khác trong nền kinh tế quốc dân. Ngoài ra du lịch phát triển còn đánh thức một số ngành thủ công cổ truyền, khôi phục và phát triển các làng nghề thủ công: làng gốm, làng dệt...

Mặt khác, du lịch quốc tế phát triển sẽ thúc đẩy sự phát triển của hoạt động ngoại thương xuất nhập khẩu. Xuất khẩu theo đường du lịch có lợi hơn nhiều so với xuất khẩu ngoại thương. Trước hết phần lớn đối tượng mua bán trong du lịch quốc tế là các dịch vụ (lưu trú, ăn uống...) do vậy

xuất khẩu bằng du lịch là xuất khẩu đa số dịch vụ đó là điều mà xuất khẩu ngoại thương không thực hiện được. Ngoài ra có những mặt hàng rất khó xuất khẩu theo đường ngoại thương hoặc nếu có muốn xuất khẩu chúng thì phải đầu tư nhiều cho việc đóng gói, bảo quản và vận chuyển như: hàng ăn uống, hoa quả, rau xanh thì đó lại là đối tượng mà du lịch xuất khẩu được mà chi phí lại thấp.

Việc xuất khẩu bằng du lịch quốc tế luôn đảm bảo thực hiện hiệu quả lớn hơn nhiều so với việc xuất khẩu theo đường ngoại thương. Hàng hóa trong du lịch luôn xuất với giá bán lẻ nên luôn đảm bảo giá cao hơn so với giá xuất theo đường ngoại thương là giá bán buôn. Ngoài ra xuất khẩu bằng du lịch quốc tế không tốn chi phí vận chuyển quốc tế, chi phí bảo quản và đóng gói như ngoại thương. Do đặc điểm tiêu dùng du lịch là khách phải tự vận động đến nơi có hàng hóa, dịch vụ chứ không phải đưa hàng hóa tới khách nên tiết kiệm được nhiều thời gian và tăng nhanh vòng quay của vốn.

Hơn thế nữa, du lịch phát triển tạo ra công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động, làm thay đổi bộ mặt kinh tế - xã hội ở những vùng du lịch phát triển. Thông thường tài nguyên du lịch tự nhiên thường có nhiều ở những vùng xa xôi, vùng ven biển hay nhiều vùng hẻo lánh khác. Để khai thác đưa những tài nguyên này vào sử dụng đòi hỏi phải có sự đầu tư về mọi mặt: giao thông, kinh tế, văn hóa, xã hội. Do đó góp phần thay đổi bộ mặt của những vùng đó và cũng vì vậy mà góp phần làm giảm sự tập trung dân cư căng thẳng ở những vùng trung tâm.

Du lịch quốc tế còn là phương tiện tuyên truyền và quảng cáo không mất tiền cho đất nước du lịch. Khi khách đến du lịch và trở về nước họ sẽ tuyên truyền và giới thiệu về đất nước họ đã đến cho bạn bè, người thân của họ. Đây là cách tiếp thị, kêu gọi đầu tư từ nước ngoài rất hữu hiệu.

Sự phát triển du lịch quốc tế còn có ý nghĩa quan trọng trong việc mở rộng và củng cố các mối quan hệ quốc tế theo các hướng: kí kết hợp đồng

trao đổi khách giữa các nước, các tổ chức và các công ty du lịch, tham gia vào các tổ chức quốc tế về du lịch.

Qua phân tích trên cho ta thấy được du lịch có tác dụng tích cực làm thay đổi bộ mặt kinh tế khu vực. Nhiều nước trên thế giới coi du lịch là cứu cánh để mong muốn vực dậy nền kinh tế ốm yếu và què quặt của mình. Người Pháp gọi du lịch là con gà đẻ trứng vàng cũng chính vì các tác động này.

Như vậy có thể nói du lịch ngày càng góp phần to lớn vào việc phát triển kinh tế của mỗi quốc gia và trở thành nhu cầu không thể thiếu của người dân. Du lịch đã trở nên phổ biến và hiệu quả kinh tế của nó mang lại là không hề nhỏ.

Bên cạnh những tích cực nêu trên, ở một góc độ nào đó du lịch cũng có tác động tiêu cực đến kinh tế. Tại những địa phương du lịch phát triển sẽ tập trung một lượng lớn khách du lịch có nhu cầu tiêu dung cao. Điều này dẫn đến giá cả hàng hoá tăng cao hay tình trạng lạm phát cục bộ. Từ đó làm ảnh hưởng đến sinh hoạt và tiêu dùng của người dân địa phương, họ không có khả năng chi tiêu cho nhu cầu tiêu dung hàng ngày nhất là những người mà thu nhập của họ không liên quan đến du lịch. Như vậy, có nên chăng áp dụng chính sách 2 giá đối với các doanh nghiệp kinh doanh du lịch để người đời sống người dân địa phương được cân bằng và ổn định.

2.2. Đối với xã hội

Du lịch có vai trò giữ gìn phục hồi sức khỏe và tăng cường sức sống cho người dân. Trong một chừng mực nào đó du lịch có tác dụng hạn chế bệnh tật, kéo dài tuổi thọ và khả năng lao động của con người. Theo các công trình nghiên cứu về y sinh học của Crivosev, Dorin 1981, nhờ chế độ nghỉ ngơi và du lịch tối ưu, bệnh tật của cư dân giảm trung bình 30%. Đặc biệt đối với một số bệnh phổ biến cho thấy du lịch có tác dụng rõ rệt. Bệnh tim mạch giảm 50%, bệnh thần kinh giảm 30%, bệnh đường tiêu hóa giảm 20%. Một số khu điều dưỡng khẳng định rằng nước khoáng của

những vùng này có thể chữa được những bệnh lao phổi, bệnh scorbut do thiếu vitamin C, các vết loét, ung nhọt, chảy máu lợi...

Khi đi du lịch mọi người có điều kiện tiếp xúc với nhau, gần gũi nhau hơn. Những đức tính tốt như hay giúp đỡ chân thành mới có điều kiện được thể hiện rõ nét. Du lịch là điều kiện để mọi người xích lại gần nhau hơn. Như vậy qua du lịch mọi người hiểu nhau hơn, tăng thêm tình đoàn kết cộng đồng.

Du lịch còn có tác dụng giáo dục tinh thần yêu nước, khơi dậy lòng tự hào dân tộc. Khi đi tham quan du lịch tại các di tích lịch sử, các công trình văn hóa của dân tộc, được nghe hướng dẫn viên giải thích cặn kẽ, du khách sẽ cảm nhận được những giá trị to lớn của di tích đó và thấy yêu, tự hào về đất nước của mình hơn.

Du lịch góp phần nâng cao dân trí cho khách. Mỗi chuyến du lịch thường để lại cho du khách một số kinh nghiệm, tăng thêm hiểu biết và vốn sống. Hiểu biết thêm về lịch sử, khám phá mới về địa lý, phong tục tập quán, tôn giáo tín ngưỡng...chính là kết quả mà du khách thu được sau mỗi chuyến du lịch. Và để phục vụ cho nhu cầu nâng cao nhận thức văn hóa trong chuyến đi của du khách đã thúc đẩy các nhà cung cấp chú ý đầu tư cho việc khôi phục, duy trì các di tích, lễ hội, sản phẩm làng nghề...góp phần cho việc khôi phục và phát triển truyền thống văn hóa dân tộc.

Du lịch phát triển tạo ra công ăn việc làm cho người dân, giảm bớt nạn thất nghiệp và tạo ra thu nhập cho họ làm đời sống tinh thần của con người thêm phong phú hơn. Các nghiên cứu thực tiễn đã chỉ ra rằng, một chỗ làm trực tiếp trong du lịch có thể tạo ra 1 đến 3 chỗ làm gián tiếp và chỗ làm thặng dư. Du lịch là lĩnh vực nhiều lao động, trong vài năm đầu thập kỷ 90, du lịch thu hút 6% lực lượng lao động Châu Âu làm việc trực tiếp trong các doanh nghiệp du lịch, 80% số lao động này làm việc trong các khách sạn, nhà nghỉ, và cửa hàng ăn uống, 20% còn lại làm việc trong các công ty, đại lý lữ hành, văn phòng thông tin du lịch và các cơ sở giải trí

du lịch khác (Theo bài giảng Cơ sở kinh tế du lịch của Tiến sĩ Vũ Mạnh Hà và Tiến sĩ Tạ Đức Khánh).

Ở Việt Nam, hoạt động du lịch đã tạo ra việc làm cho hơn 234.000 lao động trực tiếp và khoảng 510.000 lao động gián tiếp của nhiều tầng lớp dân cư đặc biệt là thanh niên mới lập nghiệp và phụ nữ (www.nhandan.com.vn).

Du lịch góp phần mở rộng giao lưu giữa các vùng miền trong nước và nước ngoài, giao lưu văn hóa, nâng cao dân trí, bảo đảm an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội. Thông qua du lịch con người có ý thức hơn với việc bảo vệ môi trường tự nhiên, môi trường sống. Có ấn tượng và cảm xúc mới, thỏa mãn được trí tò mò đồng thời mở mang được kiến thức, đáp ứng lòng ham hiểu biết.

Trong thời gian đi du lịch, khách thường sử dụng các dịch vụ, hàng hóa và tiếp xúc với dân địa phương. Thông qua sự giao tiếp đó, văn hóa của khách du lịch và người bản xứ được trau dồi và nâng cao. Du lịch tạo khả năng cho con người mở mang hiểu biết lẫn nhau, hiểu biết về lịch sử, phong tục tập quán, chế độ xã hội, kinh tế...Du lịch còn làm giàu và phong phú thêm khả năng thẩm mỹ của con người.

Tuy nhiên, như đã biết, bản chất của hoạt động du lịch là giao lưu, tiếp xúc giữa các cá thể, giữa các cộng đồng dân cư khác nhau. Và vì thế, vô tình sẽ tạo ra những kẻ hở gây ảnh hưởng tiêu cực đến xã hội. Du lịch mang tính mở, giao tiếp rộng nên sẽ tạo điều kiện cho các tệ nạn xã hội du nhập một cách nhanh chóng. Nạn nghiện hút, mại dâm, trộm cắp đã có từ lâu nhưng không thể phủ nhận rằng hoạt động du lịch làm các tệ nạn này gia tăng đáng kể. Ngày nay, vẫn còn những khách du lịch muốn tìm của lạ ở nơi đến du lịch, vẫn còn những kẻ cò mồi muốn làm giàu bằng cách lợi dụng cơ thể của phụ nữ làm nạn mại dâm tăng lên. Vì vậy du lịch có thể là môi trường tốt để kẻ ham hưởng lạc và kẻ trục lợi gặp nhau.

Bên cạnh đó, du lịch cũng ảnh hưởng đến tệ nạn nghiện hút. Vẫn tồn tại những khách du lịch lợi dụng chuyến đi của mình để tham gia hoạt động vận chuyển, buôn bán ma túy trái phép, làm tệ nạn này ngày một gia tăng.

Khách du lịch, theo nhìn nhận của người dân là giàu sang, lắm tiền, ăn mặc đẹp, đúng mốt. Điều này làm những người bản chất không tốt trở lên tham lam dẫn đến hành nghề trộm cướp, ăn xin làm mất đi mỹ quan và ấn tượng xấu với khách du lịch. Đồng thời, lối suy nghĩ hạn hẹp của một số người không hiểu sự khác nhau giữa các nền văn hoá mà vận dụng không đúng lối cách ăn mặc của khách nước ngoài trở lên lỗ bịch gây phản cảm. Sự khác biệt về không gian, văn hoá, chính trị cũng có thể dẫn đến hiểu lầm, hiềm khích tạo ra căng thẳng giữa chủ và khách.

Như vậy, du lịch cũng tác động không ít tiêu cực đến xã hội. Đặc biệt trong điều kiện phát triển hiện nay, những tiêu cực này càng không thể tránh khỏi và rất khó kiểm soát. Nó phụ thuộc rất nhiều vào thái độ của người dân và những người quản lý.

2.3. Đối với chính trị

Chức năng chính trị của du lịch được thể hiện ở vai trò to lớn của nó như một nhân tố củng cố hòa bình, đẩy mạnh các mối giao lưu quốc tế, mở rộng sự hiểu biết giữa các dân tộc. Khi du khách vào một đất nước để đi du lịch thì hiển nhiên giữa hai nước đã có sự hợp tác có thể về giao lưu kinh tế, văn hóa, các thỏa thuận, các hợp đồng được ký kết và mặc dù trước đây các nước này có thể là thù địch của nhau. Như vậy du lịch góp phần dần dần xóa bỏ những hiềm khích, củng cố nền hòa bình thế giới.

Các chuyến thăm gần đây của các cựu chiến binh Pháp, Mỹ đến chiến trường ở Việt Nam làm tăng mối thiện cảm giữa nhân dân ta và họ. Được tiếp xúc với những người dân vô tội, được trực tiếp gặp gỡ những người mà trước đây họ coi là kẻ thù, họ đã hiểu rằng cuộc chiến tranh của

họ là phi nghĩa. Những thành viên này sau khi về nước đã trở thành những tuyên truyền viên tích cực, vun đắp cho tình hữu nghị giữa hai nước.

Mặt khác mỗi dân tộc, mỗi quốc gia đều có những nét riêng biệt về tự nhiên, lịch sử văn hóa...Việc tìm hiểu những mặt này làm cho du khách quý trọng lịch sử, văn hóa của nước đến du lịch. Đồng thời nó giáo dục lòng mến khách, trách nhiệm của chủ nhà đối với khách du lịch sẽ tạo nên sự hiểu biết, tình hữu nghị giữa các dân tộc.

Du lịch đã được coi là “giấy thông hành của hòa bình”. Thông qua du lịch quốc tế, con người thể hiện nguyện vọng nóng bỏng của mình là được sống, được lao động trong hòa bình hữu nghị và hợp tác.

Tất nhiên, bên cạnh những tích cực này không thể tránh được những tiêu cực về mặt an ninh trật tự - an toàn xã hội. Du lịch chính là con đường mà các thế lực phản động thường hay sử dụng để tuyên truyền, kích động. Đội lốt là khách du lịch, một số kẻ đã thâm nhập vào nước để móc nối, xây dựng cơ sở cho những cuộc phản động. Bên cạnh đó, du lịch cũng là môi trường để các điệp viên nước ngoài tìm hiểu hệ thống chính quyền chính trị của đất nước du lịch.

2.4. Đối với sinh thái:

Chức năng sinh thái của du lịch thể hiện trong việc tạo nên môi trường sống ổn định về mặt sinh thái. Việc tiếp xúc, tắm mình trong thiên nhiên, được cảm nhận một cách trực tiếp sự hùng vĩ, trong lành tươi mát và nên thơ của cảnh quan tự nhiên có ý nghĩa to lớn đối với khách. Nó tạo điều kiện cho họ hiểu biết thêm sâu sắc về tự nhiên, thấy được giá trị của thiên nhiên đối với đời sống con người. Điều này có nghĩa là bằng thực tiễn phong phú, du lịch sẽ góp phần tích cực vào sự nghiệp giáo dục môi trường, một vấn đề mà toàn thế giới đang hết sức quan tâm.

Nhu cầu nghỉ ngơi tại các khu vực có nhiều cảnh quan thiên nhiên đã kích thích việc tôn tạo, bảo vệ môi trường. Để đáp ứng nhu cầu du lịch phải dành những khoảng đất đai có môi trường ít bị xâm phạm, xây dựng

các công viên bao quanh thành phố, thi hành các biện pháp bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước, không khí nhằm tạo lên môi trường sống phù hợp với nhu cầu của khách. Mặt khác, đẩy mạnh các hoạt động du lịch làm tăng mức tập trung người vào vùng du lịch. Việc đó đòi hỏi phải tối ưu hóa quá trình sử dụng tự nhiên. Để gia tăng thu nhập từ du khách phải có chính sách marketing, chính sách tu bổ bảo vệ tự nhiên để điểm du lịch ngày càng hấp dẫn du khách.

Giữa xã hội và môi trường trong lĩnh vực du lịch có mối quan hệ chặt chẽ. Một mặt xã hội cần đảm bảo sự phát triển tối ưu của du lịch nhưng mặt khác lại phải bảo vệ môi trường tự nhiên khỏi tác động của việc xây dựng cơ sở vật chất phục vụ cho du lịch. Như vậy, du lịch và bảo vệ môi trường là những hoạt động gắn gũi và liên quan đến nhau.

3. Tài nguyên du lịch.

3.1. khái niệm về tài nguyên du lịch

Du lịch là một ngành có định hướng tài nguyên rõ rệt. Tài nguyên du lịch có ảnh hưởng trực tiếp đến tổ chức lãnh thổ, đến việc hình thành chuyên môn hóa các vùng du lịch và hiệu quả kinh tế của hoạt động dịch vụ.

Trong cuốn địa lý du lịch có định nghĩa về tài nguyên du lịch như sau: “ Tài nguyên du lịch là tổng thể tự nhiên và văn hóa lịch sử cung các thành phần của chúng góp phần khôi phục và phát triển thể lực và trí lực của con người, khả năng lao động và sức khỏe của họ, những tài nguyên này được sử dụng cho trực tiếp và gián tiếp, cho việc sản xuất dịch vụ du lịch”.

Luật du lịch của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam (2005) giải thích: “Tài nguyên du lịch là cảnh quan thiên nhiên, yếu tố tự nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, công trình lao động sáng tạo của con người và các giá trị nhân văn khác có thể sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu

du lịch, là yếu tố cơ bản để hình thành các khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch” (điều 4).

3.2. Đặc điểm của tài nguyên du lịch:

- Khối lượng các tài nguyên và diện tích phân bố các tài nguyên là cơ sở cần thiết để xác định khả năng khai thác và tiềm năng của hệ thống lãnh thổ nghỉ ngơi du lịch.

- Thời gian có thể khai thác: như thời kì khí hậu thích hợp, mùa tắm.

- Tính bất biến về lãnh thổ của đa số tài nguyên tạo lên lực hút cơ sở hạ tầng và dòng du lịch tới nơi tập trung các loại tài nguyên đó.

- Vốn đầu tư tương đối thấp và giá thành chi phí sản xuất không cao cho phép xây dựng tương đối nhanh chóng cơ sở hạ tầng và mang lại hiệu quả kinh tế – xã hội cũng như khả năng sử dụng độc lập các loại tài nguyên.

- Tài nguyên du lịch có khả năng sử dụng nhiều lần nếu như tuân theo các quy định về sử dụng tài nguyên một cách hợp lý và thực hiện các biện pháp để bảo vệ chung.

3.3. Vai trò của tài nguyên du lịch

- Tài nguyên du lịch (TNDL) là yếu tố cơ bản để tạo thành các sản phẩm du lịch. Trong các hệ thống lãnh thổ du lịch, TNDL là những phân hệ giữ vai trò quan trọng và quyết định sự phát triển du lịch của hệ thống lãnh thổ du lịch. Đặc biệt, TNDL có mối quan hệ chặt chẽ với các phân hệ khác và với môi trường kinh tế – xã hội. Do vậy TNDL là một nhân tố quan trọng hàng đầu tạo nên sản phẩm du lịch. TNDL là yếu tố quan trọng mang tính quyết định để tạo nên quy mô, số lượng, chất lượng sản phẩm du lịch và hiệu quả của hoạt động du lịch. Số lượng, chất lượng, sự kết hợp giữa các loại tài nguyên cùng sự phân bố của TNDL là yếu tố quan trọng hấp dẫn khách du lịch và có mối quan hệ chặt chẽ, ảnh hưởng đến việc đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, kết cấu hạ tầng, nguồn nhân lực du lịch.

- TNDL là mục đích chuyến đi của du khách và tạo nh điều kiện thuận lợi để đáp ứng nhu cầu của họ trong chuyến đi. Hoạt động du lịch có phát triển hay không, hiệu quả kinh doanh cao hay thấp là phụ thuộc vào yếu tố cầu du lịch, đặc biệt là khách du lịch. Du khách có quyết định thực hiện các chuyến đi du lịch hay không là phụ thuộc vào các giá trị của TNDL nơi đến. Do vậy, mỗi địa phương, mỗi quốc gia muốn phát triển du lịch đạt được hiệu quả cao, hấp dẫn khách cần quan tâm đầu tư cao cho việc bảo tồn, tôn tạo và phát triển TNDL cùng công tác xúc tiến phát triển du lịch .

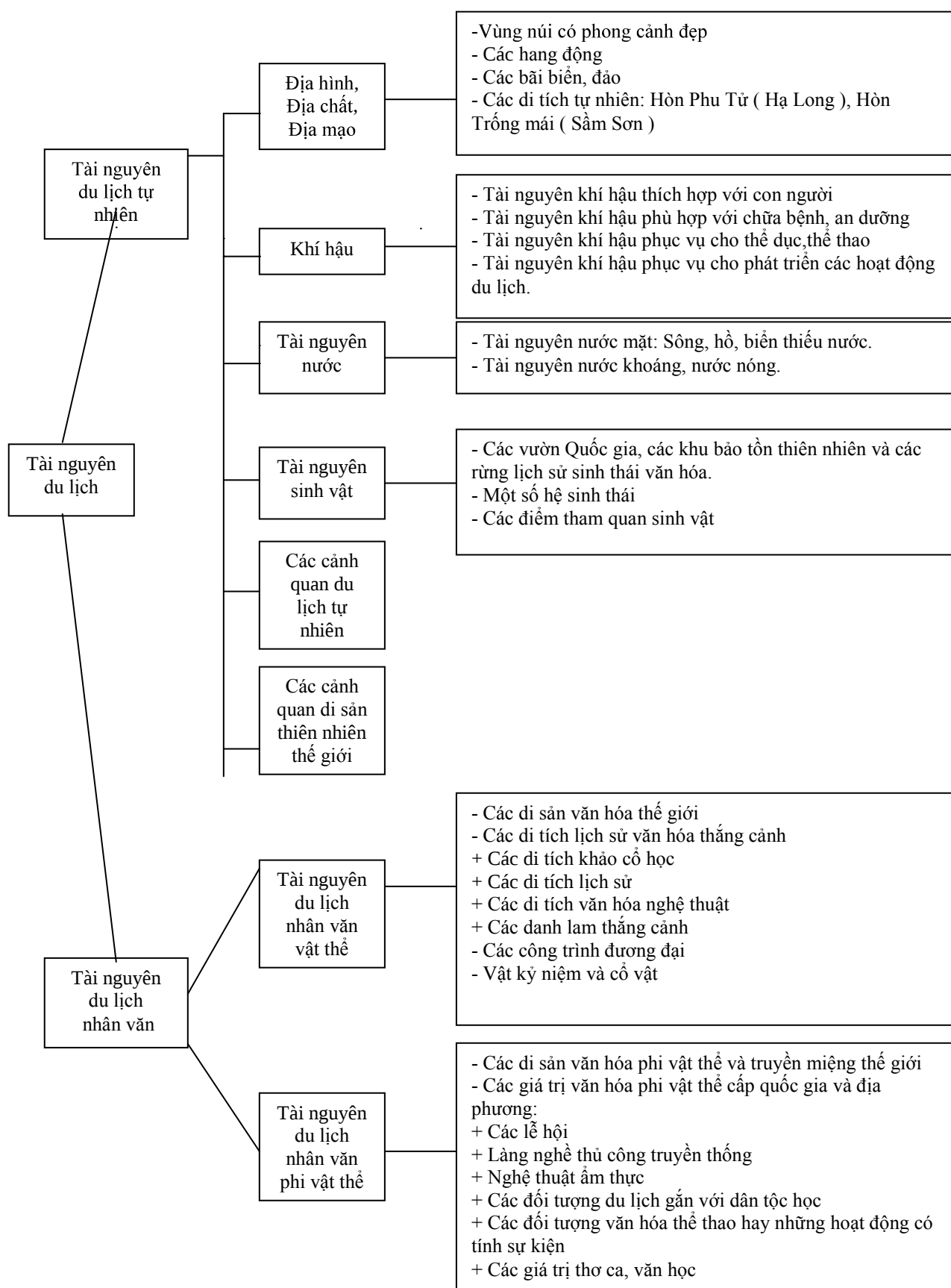
- TNDL là cơ sở quan trọng để phát triển các loại hình du lịch. Để đáp ứng nhu cầu đa dạng phong phú và ngày càng cao của khách du lịch thì các doanh nghiệp, các địa phương, các quốc gia cần phát triển nhiều loại hình du lịch. Các loại hình du lịch ra đời đều phải dựa trên cơ sở của TNDL.

- TNDL là một bộ phận cấu thành quan trọng của lãnh thổ du lịch. Các phân hệ của hệ thống lãnh thổ du lịch gồm: Khách du lịch, TNDL, cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, đội ngũ cán bộ nhân viên và bộ máy tổ chức điều hành quản lý du lịch. Hệ thống lãnh thổ du lịch được tổ chức phân chia theo nhiều cấp phân vị khác nhau và dù ở cấp phân vị nào thì TNDL luôn là những phân hệ quan trọng bậc nhất, mang tính chất quyết định trong việc tổ chức phát triển du lịch và là yếu tố cơ bản của hệ thống lãnh thổ du lịch.

Hiệu quả phát triển du lịch của hệ thống lãnh thổ du lịch phụ thuộc rất nhiều vào TNDL. Vì vậy trong quá trình phát triển du lịch, mỗi doanh nghiệp, địa phương và mỗi quốc gia khi tiến hành qui hoạch phát triển du lịch, xây dựng các chiến lược, chính sách phát triển du lịch cần phải điều tra, đánh giá xác thực nguồn TNDL, đồng thời cần thực thi các chính sách, chiến lược, giải pháp quản lý, bảo vệ, tôn tạo, phát triển và khai thác nguồn TNDL hợp lý, đúng đắn và hiệu quả theo quan điểm phát triển du lịch bền vững.

3.4. Phân loại tài nguyên du lịch:

SƠ ĐỒ PHÂN LOẠI TÀI NGUYÊN DU LỊCH



Tài nguyên du lịch có thể chia làm 2 loại: Tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn.

3.4.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên:

Khái niệm về tài nguyên du lịch tự nhiên:

Theo PGS.TS. Nguyễn Minh Tuệ cùng các tác giả trong cuốn địa lý du lịch: “ Tài nguyên du lịch địa phương là các đối tượng và hiện tượng trong môi trường tự nhiên bao quanh chúng ta”.

Theo Th.S Bùi Thị Hải Yến trong đề tài *TÀI NGUYÊN DU LỊCH BẮC NINH VỚI SỰ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG*: “ Tài nguyên du lịch tự nhiên là các thành phần và các tổng thể tài nguyên trực tiếp hoặc gián tiếp được khai thác sử dụng để tạo ra sản phẩm du lịch, phục vụ cho mục đích phát triển du lịch”. Các tài nguyên du lịch tự nhiên luôn gắn liền với các điều kiện tự nhiên, điều kiện lịch sử văn hóa, kinh tế – xã hội. Nó thường được khai thác với các tài nguyên nhân văn.

Theo khoản 1 (Điều 13 chương 2) Luật du lịch Việt Nam năm 2005 “ Tài nguyên du lịch tự nhiên gồm các yếu tố địa chất, địa hình, địa mạo, khí hậu, thủy văn, cảnh quan thiên nhiên đang được khai thác hoặc có thể sử dụng phục vụ mục đích du lịch”.

3.4.1.1. Địa hình:

Đây là yếu tố có ý nghĩa rất lớn với việc hình thành các tuyến, tour du lịch. Các đơn vị hình thái của địa hình bao gồm:

+ Địa hình đồng bằng khá đơn điệu về ngoại hình. Tuy nhiên sự kết hợp giữa đồng bằng với tài nguyên nước như sông, kênh rạch, ao hồ, tài nguyên sinh vật đã tạo nên những phong cảnh thủy mặc, yên ả, thanh bình. Thêm vào nữa đồng bằng là nơi thuận lợi cho cư trú của dân cư nông nghiệp, là điều kiện quan trọng để hình thành nên các nền văn minh, văn hóa, là nơi bảo tồn, lưu giữ nhiều giá trị văn hóa của loài người cũng như của nhiều quốc gia. Do vậy địa hình đồng bằng của nhiều quốc gia trên thế

giới đã và đang được phát triển nhiều loại hình du lịch như du lịch sinh thái nhân văn, du lịch văn hóa, du lịch thể thao, nghỉ dưỡng.

+ Địa hình đồi núi, cao nguyên thường tạo ra những không gian kỳ vĩ, sinh động và thơ mộng. Núi và cao nguyên là dạng địa hình có nhiều điều kiện thuận lợi cho phát triển du lịch. Do khí hậu có sự phân hóa theo chiều cao nên cứ lên cao 1000m nhiệt độ thường hạ từ 5 – 6 °C, vì thế nhiều vùng núi cao trên 1000m có phong cảnh đẹp như thác nước, sông suối, rừng cây ở nước ta cũng như nhiều nước trên thế giới đã trở thành những điểm du lịch hấp dẫn du khách. Loại địa hình này thuận lợi cho phát triển du lịch tham quan, nghỉ dưỡng.

* Các dạng địa hình thuận lợi cho phát triển du lịch: Có nhiều dạng địa hình đặc biệt có giá trị lớn cho việc khai thác phát triển các hoạt động du lịch, đó là:

+ Kiểu địa hình Karst: Karst là kiểu địa hình được tạo thành do quá trình kiến tạo của vỏ trái đất (đứt gãy, tạo sơn, sụt lún) kết hợp với các quá trình ngoại lực chủ yếu là sự lưu thông của nước trong các loại đá dễ bị hòa tan. Dạng địa hình này được hình thành ở Việt Nam chủ yếu là trong địa hình đá vôi.

Địa hình Karst gồm các kiểu chủ yếu như: hang động Karst, cánh đồng Karst, phễu Karst, sông hồ Karst, Karst ngập nước (vịnh Hạ Long, Bái Tử Long, Cát Bà...).

Ở Việt Nam có các hang động như Phong nha, Thiên Đường (nằm trong Di sản thiên nhiên thế giới Vườn Quốc Gia Phong Nha – Kẻ Bàng), hang Thiên Cung ở Vịnh Hạ Long cũng được đánh giá là một trong những hang động đẹp và kỳ vĩ của thế giới.

+ Kiểu địa hình ven bờ và đảo: Kiểu địa hình ven bờ hấp dẫn khách du lịch là các bãi cát ven biển, hồ, sông. Trong đó đặc biệt là các bãi cát ven biển, đảo thường được gọi là các bãi biển.

.

3.4.1.2. Khí hậu:

Khí hậu là một tài nguyên sớm được khai thác để quy hoạch phát triển du lịch. Từ thế kỷ XVIII đến những năm đầu thế kỷ XX đã có nhiều dự án quy hoạch phát triển du lịch ở trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Các điều kiện của tài nguyên khí hậu khai thác phục vụ cho các mục đích phát triển du lịch khá đa dạng như: tài nguyên khí hậu thích hợp với sức khỏe của con người; tài nguyên khí hậu phục vụ cho việc chữa bệnh an dưỡng; tài nguyên khí hậu phục vụ cho các hoạt động thể thao mùa đông; tài nguyên khí hậu thích hợp cho du lịch tắm biển, lặn biển và thể thao biển...

Hạng	Ý nghĩa	Nhiệt độ TB năm (t ⁰)	Nhiệt độ TB tháng (t ⁰)	Biên độ nhiệt của nhiệt độ TB năm	Lượng mưa năm (mm)
1	Thích nghi	18 – 24	24 - 27	<6 ⁰	1250 - 1990
2	Khá thích nghi	24 - 27	27 - 29	6 – 8 ⁰	1990 - 2550
3	Nóng	27 - 29	29 - 32	8 – 14 ⁰	>2550
4	Rất nóng	29 - 32	32 - 35	14 – 19 ⁰	<1250
5	Không thích nghi	>32	>35	>19 ⁰	<650

Nguồn: báo cáo tóm tắt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam
thời kỳ 1995 – 2010, tr40. Tổng cục du lịch

Những điều kiện khí hậu thuận lợi cho việc triển khai các hoạt động du lịch và hấp dẫn du khách được coi là tài nguyên du lịch như: có nhiều ngày thời tiết tốt, số ngày mưa ít, nhiều ánh nắng, tốc độ gió không quá lớn, độ ẩm không quá cao cũng không quá thấp, không có hoặc ít thiên tai hoặc những diễn biến đặc biệt. Bên cạnh những điều kiện thuận lợi cho phát triển du lịch của khí hậu, ở các địa phương, các quốc gia trong nhiều thời kỳ trong năm còn có những yếu tố khí hậu không thuận lợi cho việc

triển khai các hoạt động du lịch như (những thời kỳ mưa nhiều, nhiệt độ, độ ẩm quá cao hoặc quá thấp, tốc độ gió lớn, có nhiều thiên tai). Để khắc phục được tính mùa vụ, những hạn chế của khí hậu với hoạt động du lịch cần phải nghiên cứu đánh giá cả những điều kiện thuận lợi và không thuận lợi để có những định hướng và giải pháp khai thác có hiệu quả các điều kiện thuận lợi, hạn chế những tác động tiêu cực của khí hậu đối với hoạt động du lịch.

3.4.1.3. Tài nguyên nước:

Nước được coi là tài nguyên quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch nói chung và để phát triển nhiều loại hình du lịch. Các loại tài nguyên nước sau đây đã được khai thác là tài nguyên du lịch: nước mặt và các điểm nước khoáng, suối nước nóng. Nước mặt đã tạo lên những phong cảnh nên thơ, hữu tình. Các thác nước cũng tạo nơi có phong cảnh đẹp và hấp dẫn du khách có thể triển khai các hoạt động du lịch tham quan và thể thao mạo hiểm.

3.4.1.4. Tài nguyên sinh vật:

Tài nguyên sinh vật bao gồm toàn bộ các loài thực vật, động vật sống trên lục địa và dưới nước vốn có sẵn trong tự nhiên và do con người thuần dưỡng chăm sóc lai tạo.

Tài nguyên sinh vật góp phần cùng các loại tài nguyên khác tạo nên phong cảnh đẹp, hấp dẫn, vừa có ý nghĩa bảo vệ môi trường như: bảo tồn các nguồn gen, che phủ cho mặt đất, hạn chế hiện tượng xói mòn, xâm thực, rửa trôi, lở đất, sụt đất, lũ quét, lở trượt băng tuyết ở các miền núi... Tài nguyên sinh vật là nguồn cung cấp nhiều loại dược liệu cho việc phát triển loại hình du lịch chữa bệnh và an dưỡng; cung cấp nguồn thực phẩm cho du khách. Vì vậy tài nguyên sinh vật có ý nghĩa cho nhiều loại hình du lịch như: du lịch chữa bệnh, nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, đi bộ, leo núi, lặn biển, tham quan, nghiên cứu, cùng với tài nguyên nước và địa hình góp phần phát triển du lịch sông nước và miệt vườn.

3.4.2. Tài nguyên du lịch nhân văn(TNDLNV):

TNDLNV là tài nguyên có nguồn gốc nhân tạo do con người sáng tạo ra. Tuy nhiên chỉ có những tài nguyên nhân văn có sức hấp dẫn du khách và có thể khai thác phát triển du lịch để tạo ra hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường mới được gọi là TNDLNV.

3.4.2.1. Di tích lịch sử văn hóa:

Di tích lịch sử văn hóa là tài sản quý giá của mỗi địa phương, mỗi dân tộc, mỗi đất nước và của cả nhân loại. Nó là bằng chứng trung thành, xác thực, cụ thể nhất về đặc điểm văn hóa của mỗi nước. Ở đó chứa đựng những gì thuộc về truyền thống tốt đẹp, những tinh hoa, trí tuệ tài năng của con người, góp phần vào việc phát triển khoa học nhân văn, khoa học lịch sử. Đó chính là bộ mặt quá khứ của mỗi dân tộc, mỗi đất nước.

* Định nghĩa: Theo PGS.TS.Nguyễn Minh Tuệ cùng các tác giả trong cuốn địa lý du lịch: “Di tích lịch sử văn hóa là những không gian vật chất cụ thể , khách quan trong đó chứa đựng các giá trị điển hình lịch sử, do tập thể hoặc cá nhân con người hoạt động sáng tạo ra trong lịch sử để lại”.

* Phân loại:

- Di tích văn hóa khảo cổ: Là những địa điểm ẩn giấu ,ột bộ phận giá trị văn hóa, thuộc về lịch sử loài người chưa có văn tự và thời gian nào đó trong lịch sử cổ đại. Đa số các di tích văn hóa khảo cổ được phân thành di chỉ cư trú và di chỉ mộ táng.

Trong lịch sử cổ đại, do nhiều nguyên nhân như thiên tai, núi lửa, lũ lụt, do sự thay đổi của lịch sử, do thời gian, nhiều đô thị cổ và các di tích kiến trúc nghệ thuật từng vang bóng một thời bị vùi sâu dưới các lớp đất đá. Sau này nhiều đô thị cổ và di tích kiến trúc nghệ thuật đã được các nhà khảo cổ học nghiên cứu và khai quật như thành Toroa thuộc lãnh địa của Hy Lạp cổ đại, kinh đô Naga của Nhật Bản. Ở Việt Nam các nhà khảo cổ học cũng tìm được nhiều dấu tích, các công trình kiến trúc và cổ vật quý

minh chứng cho đô thị, kinh thành cổ như: tòa thành Luy Lâu (Thuận Thành – Bắc Ninh), nền cung điện thời Đinh và Tiền Lê ở Cổ đô Hoa Lư...

- Các di tích lịch sử: mỗi địa phương mỗi quốc gia đều có quá trình lịch sử, xây dựng, bảo vệ địa phương và đất nước riêng, được ghi dấu bằng các di tích lịch sử.

Những di tích lịch sử là những địa điểm, những công trình kỷ niệm, những vật kỷ niệm, những cổ vật ghi dấu những sự kiện lịch sử, những cuộc chiến đấu, những danh nhân, anh hùng dân tộc của một thời kỳ nào đó trong quá trình lịch sử của mỗi địa phương mỗi quốc gia.

- Các di tích kiến trúc nghệ thuật: bao gồm các công trình kiến trúc có giá trị cao về kỹ thuật xây dựng cũng như mỹ thuật trang trí, hoặc các tác phẩm nghệ thuật điêu khắc, các bức bích họa, các công trình kiến trúc. Ngoài ra trong các di tích này còn chứa đựng nhiều cổ vật, bảo vật quốc gia, vật kỷ niệm và những giá trị văn hóa phi vật thể như truyền thống văn hóa, truyền thuyết, các giá trị lịch sử, tâm linh, tôn giáo...

3.4.2.2. Các lễ hội:

Lễ hội là một hình thức sinh hoạt văn hóa tập thể của nhân dân sau thời gian lao động vất vả. Lễ hội là dịp để con người bày tỏ lòng nhớ ơn tổ tiên, những người có công với địa phương với đất nước, có liên quan đến những nghi lễ, tín ngưỡng, ôn lại những giá trị văn hóa, nghệ thuật truyền thống hoặc hướng về một sự kiện lịch sử - văn hóa, kinh tế trọng đại của địa phương, của đất nước hoặc là những hoạt động vui chơi, giải trí, là dịp để tăng thêm tinh thần đoàn kết cộng đồng.

Như vậy lễ hội là loại hình sinh hoạt văn hóa truyền thống có sức lôi cuốn đông người tham gia và trở thành nhu cầu trong đời sống tinh thần của nhân dân và là tài nguyên du lịch để hấp dẫn du khách.

Lễ hội là tài nguyên nhân văn quý giá, là quốc hồn, quốc túy của mỗi dân tộc. Lễ hội góp phần cùng các tài nguyên nhân văn khác tạo ra những giá trị văn hóa đa dạng, phong phú, đặc sắc của mỗi vùng đất, mỗi

quốc gia. Mỗi quốc gia trên thế giới đều có những lễ hội độc đáo, đặc biệt là những nước đang phát triển, đang trong quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa mới bước vào quá trình toàn cầu hóa nên còn bảo tồn được nhiều lễ hội truyền thống đặc sắc có giá trị hấp dẫn cao đối với du khách.

Các lễ hội là tài nguyên nhân văn quý giá phục vụ cho mục đích phát triển du lịch bao gồm các: lễ hội truyền thống và lễ hội hiện đại có quy mô lớn còn bảo tồn được giá trị văn hóa lịch sử truyền thống phong phú, đa dạng, đặc sắc.

3.4.2.3. Các đối tượng gắn với dân tộc học:

Tài nguyên du lịch gắn với văn hóa các tộc người gồm những điều kiện sinh sống, sản xuất, phương thức sản xuất, kiến trúc, trang trí nhà ở, nghề thủ công truyền thống, văn hóa nghệ thuật, văn hóa ẩm thực, lễ hội, các phong tục, tập quán với những sắc thái riêng của các tộc người trên những địa bàn sinh sống của họ.

Ở những nước công nghiệp phát triển, quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa diễn ra trong thời gian dài, nền văn minh công nghiệp phát triển làm nhiều truyền thống văn hóa độc đáo của các tộc người bị pha tạp, mai một. Trong khi ở nhiều nước đang phát triển trong đó có Việt Nam, nhiều giá trị văn hóa truyền thống, đặc sắc gắn với các tộc người vẫn còn được bảo tồn và đã tạo thành tài nguyên tạo ra sức hấp dẫn lớn đối với du khách nhất là khách du lịch quốc tế.

Vì vậy nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt là các nước đang phát triển như một số nước Châu Phi, các nước Nam Á, các nước Đông Nam Á, Trung Quốc đã có các chính sách quan tâm đầu tư, bảo tồn, khai thác các giá trị văn hóa đặc sắc gắn với các tộc người tạo ra sản phẩm du lịch độc đáo hấp dẫn khách du lịch.

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, có 54 dân tộc, trong đó có tới 53 tộc người thiểu số sống chủ yếu ở các vùng miền núi, cao nguyên, đồng bằng Sông Cửu Long và đồng bằng duyên hải Nam Trng Bộ. Nhiều tộc

người vẫn giữ được giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc, tạo ra sức hấp dẫn lớn đối với du khách. Hiện nay nhiều loại hình tham quan các bảo tàng, di tích, nghiên cứu văn hóa và sinh thái gắn với việc khai thác và bảo tồn những giá trị văn hóa tộc người đã và đang được triển khai phát triển ở nước ta.

3.4.2.4. Các đối tượng văn hóa thể thao và hoạt động nhận thức khác:

Các đối tượng văn hóa cũng thu hút khách du lịch với mục đích thăm quan, nghiên cứu. Đó là thông tin của các viện khoa học, các trường đại học, các thư viện lớn và nổi tiếng, các thành phố có triển lãm nghệ thuật, các trung tâm thường xuyên tổ chức các liên hoan âm nhạc, sân khấu, điện ảnh, các cuộc thi đấu thể thao quốc tế, các thành tựu kinh tế của đất nước hoặc của vùng...

Các đối tượng văn hóa thể thao không chỉ thu hút khách với mục đích du lịch tham quan, nghiên cứu mà còn thu hút đa số khách du lịch với mục đích khác, ở các lĩnh vực khác và từ nơi khác đến. Tất cả khách du lịch có trình độ văn hóa từ trung bình trở lên đều có thể thưởng thức được các giá trị văn hóa của đất nước mà họ đến thăm. Do vậy tất cả các thành phố có đối tượng văn hóa hoặc tổ chức nhiều hoạt động văn hóa - thể thao đều được nhiều khách tới thăm và trở thành những trung tâm du lịch – văn hóa.

4. Cơ sở hạ tầng_cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch:

Là toàn bộ phương tiện vật chất tham gia vào việc tạo ra hàng hóa và dịch vụ nhằm đáp ứng mọi nhu cầu của khách du lịch.

4.1. Cơ sở phục vụ các hoạt động trung gian:

+ Nhiệm vụ của các cơ sở trung gian: là cung cấp thông tin và tuyên truyền quảng cáo.

+ Hoạt động:

- Hoạt động tổ chức: tổ chức các chuyến đi du lịch cho khách du lịch.

- Hoạt động trung gian: bán các hàng hóa, dịch vụ của các nhà cung cấp.

- Các hoạt động khác: tài chính ngân hàng, giấy tờ, thủ tục, thương mại...

+ Cơ sở: văn phòng, điện thoại, fax, máy photo...

4.2. Cơ sở phục vụ cho giao thông vận tải:

+ Nhiệm vụ: giúp cho khách vượt qua các khoảng cách về không gian. Đảm bảo an toàn về tài sản và tính mạng cho khách. Đưa khách đi đúng chặng, đúng tuyến.

+ Các phương tiện giao thông vận tải: ô tô, tàu thủy, tàu hỏa, máy bay...

+ Điều kiện cơ sở hạ tầng: đường, nhà ga, sân bay, bến cảng...

+ Các phương tiện và cơ sở khác như là phòng bán vé, toa ăn ngủ...

4.3. Cơ sở phục vụ lưu trú và ăn uống:

+ Bao gồm các công trình kiến trúc đặc biệt nhằm đảm bảo nơi ăn ngủ, giải trí cho khách du lịch. Đặc biệt các cơ sở ăn uống một phần phục vụ khách du lịch, một phần phục vụ cư dân sở tại.

+ Cơ sở hạ tầng bao gồm các khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng, bar, các khu vui chơi giải trí...

4.4. Mạng lưới các cửa hàng thương nghiệp:

+ Mục đích: đáp ứng các nhu cầu về hàng hóa của khách du lịch bằng việc bán các hàng hóa đặc trưng cho du lịch. Bao gồm hàng thực phẩm và các loại hàng hóa khác, mạng lưới này cũng phục vụ cả cho dân cư địa phương.

+ Bao gồm: hệ thống các cửa hàng bán thực phẩm, hoa quả, đồ lưu niệm, quần áo. Các cửa hàng này có thể được bố trí trong khách sạn hoặc các đầu mối giao thông.

4.5. Cơ sở thể thao:

Mục đích là tạo cho kỳ nghỉ của khách trở lên tích cực hơn, sảng khoái hơn và khỏe mạnh hơn. Nó bao gồm các công trình thể thao, các phòng tập, các thiết bị chuyên dùng cho thể thao như bể bơi, sân vận động...

4.6. Cơ sở y tế:

Với mục đích là phục vụ cho du lịch chữa bệnh và cung cấp các dịch vụ bổ sung được đặt trong khách sạn hoặc gần các trung tâm thương mại lớn.

4.7. Các công trình phục vụ cho hoạt động thông tin văn hóa:

- Mục đích: Nâng cao, mở rộng kiến thức văn hóa xã hội cho khách du lịch, tạo điều kiện giao tiếp xã hội, tuyên truyền về truyền thống và thành tựu văn hóa của dân tộc.

- Bao gồm: Trung tâm thông tin, phòng chiếu phim, nhà hát, triển lãm, bảo tàng... Đây là yếu tố mang ý nghĩa thứ yếu trong quá trình phục vụ du lịch nhưng cũng giúp khách du lịch sử dụng quỹ thời gian rỗi một cách tích cực và có ý nghĩa hơn.

4.8. Cơ sở phục vụ cho các dịch vụ bổ sung:

- Mục đích: Đây là các công trình giúp khách du lịch sử dụng triệt để hơn tài nguyên du lịch, tạo ra những tiện nghi khi họ đi lại và lưu trú du lịch bao gồm: trạm xăng dầu, in ấn, giặt là, xưởng sửa chữa, tiệm cắt tóc...

- các công trình xây dựng chủ yếu phục vụ cho nhân dân địa phương nhưng cũng góp phần làm lên tính đồng bộ của dịch vụ du lịch.

5. Xu hướng phát triển du lịch hiện nay.

5.1. Gia tăng nhanh chóng về mặt số lượng:

Trong điều kiện hiện nay, số lượng khách du lịch trong nước và nước ngoài phát triển nhanh chóng. Đó là do những nguyên nhân sau:

- Do điều kiện sống của nhân dân được cải thiện thể hiện ở việc tăng thu nhập, có thời gian rỗi, các ngành y tế, văn hóa, giáo dục phát triển.

- Giáo dục là yếu tố kích thích đi du lịch. Khi trình độ nhận thức được nâng cao thì nhu cầu đi du lịch tăng lên rõ rệt.
- Sự tập trung dân cư vào các thành phố, sự gia tăng dân số, tăng mật độ dân cư, kéo dài tuổi thọ...đều liên quan mật thiết với sự phát triển du lịch

5.2. Xã hội hóa thành phần du khách:

Từ sau Đại chiến thế giới thứ 2, cơ cấu thành phần du khách có nhiều thay đổi. Du lịch không còn là đặc quyền của tầng lớp trên mà xu thế quần chúng hóa thành phần du lịch trở lên phổ biến. Du khách hiện nay thuộc nhiều thành phần xã hội, nghề nghiệp, tuổi tác, tôn giáo, dân tộc...

5.3. Mở rộng địa bàn:

Hoạt động du lịch hiện nay diễn ra khắp mọi nơi có tiềm năng và sức hấp dẫn với du khách. Từ vùng biển tới miền núi, từ nông thôn ra thành thị. Trước đây hướng du lịch theo hương Bắc – Nam tức là vùng biển đóng vai trò chủ đạo. Ngày nay vùng biển vẫn là điểm đến hấp dẫn và thu hút được nhiều du khách đến tham quan và tắm biển. Trong thế kỷ 21 này du lịch sẽ tiến sang hướng Đông – Tây, thuộc các nước Châu Á Thái Bình Dương.

5.4. Kéo dài thời vụ du lịch:

Một trong những đặc điểm của du lịch là mang tính thời vụ rõ nét, phụ thuộc vào tự nhiên. Ngày nay với trình độ khoa học kỹ thuật và khả năng kinh tế, con người đang khắc phục dần những mặt hạn chế của tự nhiên. Do tính thời vụ là yếu tố bất lợi trong kinh doanh du lịch, nên con người đã tìm mọi cách hạn chế ảnh hưởng của nó như mở rộng loại hình du lịch. Việc kéo dài thời vụ du lịch đã góp phần làm tăng số lượng khách trong những năm gần đây.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1:

Trên đây là những vấn đề lý luận chung về du lịch, tài nguyên du lịch và xu hướng phát triển du lịch hiện nay.

Với việc đưa ra những khái niệm của các nhà nghiên cứu, các kết quả nghiên cứu của các tổ chức các học giả nhằm đưa ra được sự tổng hợp bao quát trong phạm vi nghiên cứu của đề tài.

Những lý luận chung, cơ bản sẽ giúp cho hoạt động tìm hiểu đề tài được thêm phần phong phú và có định hướng đúng đắn trong cách tiếp cận nguồn tài nguyên du lịch cho việc khai thác phát triển du lịch hiện nay.

Nghiên cứu đưa ra khái niệm về du lịch và tài nguyên du lịch sẽ giúp ích cho việc có cái nhìn tổng quát về toàn bộ giá trị tài nguyên và hoạt động du lịch trên địa bàn nghiên cứu, phục vụ công tác nghiên cứu đề tài một cách tích cực.

Trước những thay đổi trong thời kì hội nhập, việc đưa ra những lý luận chung về xu thế phát triển du lịch hiện nay trong đề tài sẽ giúp đề tài đi đúng hướng trong việc xây dựng những giải pháp phát triển phù hợp cho địa bàn nghiên cứu và những định hướng cho tương lai, nhằm nắm bắt được cơ hội, thúc đẩy sự phát triển của du lịch và hạn chế những tác động không mong muốn trong phát triển quy hoạch và lựa chọn loại hình du lịch để khai thác và phát triển.

Chương 2: TIỀM NĂNG VÀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TRÀ CỔ

1. Tiềm năng du lịch Trà Cổ.

1.1. Vài nét về thành phố Móng Cái và Trà Cổ

1.1.1. Khái quát về thành phố Móng Cái:

Thành phố Móng Cái nằm ở phía Đông Bắc tỉnh Quảng Ninh, với diện tích tự nhiên 520km², 85% là đất liền, 15% là hải đảo, đồi núi chiếm 71% diện tích. Dân số gần 8 vạn người với 17 đơn vị hành chính (7 phường, 10 xã) được thành lập theo nghị định số 03/NĐ – CP ngày 24/9/2008 của chính phủ; có trên 72km đường biên giới quốc gia, tiếp giáp với nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, có 5 dân tộc anh em cùng chung sống: Kinh, Dao, Tày, Hoa, Sán Dìu. Từ trước tới nay Móng Cái luôn có vị trí chiến lược quan trọng của tỉnh Quảng Ninh và cả nước về chính trị, kinh tế, quốc phòng - an ninh, đối ngoại.

Móng Cái có nhiều tiềm năng để phát triển một nền kinh tế tổng hợp với mũi nhọn là thương mại, du lịch – dịch vụ. Móng Cái có cửa khẩu quốc tế Bắc Luân và một số cửa khẩu tiểu ngạch như: Vạn Gia, Ka Long, Lục Lâm; quốc lộ 18A nối liền với Hạ Long và cả nước; có cảng nước sâu quốc gia Vạn Gia cho tàu 1 vạn tấn và các cảng thủy nội địa; có bãi biển Trà Cổ dài 17km với phong cảnh tự nhiên vào loại đẹp nhất Việt Nam; mũi Sa Vĩ – điểm khởi đầu hình chữ S trên bản đồ Việt Nam từ lâu trở nên nổi tiếng và một số hồ nước có phong cảnh hữu tình mở ra nhiều triển vọng lớn để phát triển du lịch.

Móng Cái là mảnh đất lịch sử có truyền thống lịch sử văn hóa từ lâu đời; có 3 di tích lịch sử được xếp hạng cấp quốc gia: Đình Trà Cổ, chùa Vạn Linh Khánh, chùa Xuân Lan, cùng với các danh thắng khác tạo lên một quần thể du lịch độc đáo, đa dạng mà ít nơi có thể sánh kịp. Lịch sử của nhân dân Móng Cái là lịch sử đấu tranh anh hùng bền bỉ, dẻo dai, kiên cường để chinh phục thiên nhiên, chiến thắng kẻ thù nhất là khi có sự lãnh

đạo của Đảng. Ngày 2/8/1954 lá cờ đỏ sao vàng của quần chúng cách mạng đã tung bay trên cột cờ đỉnh thành Tổ Sơn, Móng Cái hoàn toàn được giải phóng. Trong 50 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân các dân tộc thành phố Móng Cái đã có nhiều đóng góp xứng đáng vào cuộc đấu tranh bảo vệ tổ quốc và xây dựng xã hội chủ nghĩa. Được Đảng nhà nước tặng thưởng danh hiệu: Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới và nhiều huân huy chương cao quý khác.

Trong những năm qua Móng Cái đã đạt được rất nhiều thành tựu và thành tựu nổi bật nhất của kinh tế Móng Cái là duy trì tốc độ tăng trưởng nhanh và tương đối bền vững. Tổng kim ngạch xuất khẩu qua địa bàn những năm qua bình quân đạt hơn 500 triệu USD/ năm (giai đoạn 2001 – 2005), tăng hơn 40% so với so với bình quân giai đoạn 1996 – 2000 và giai đoạn 2006 – 2008 đạt bình quân 2 tỷ USD hàng năm trong đó năm 2008 đạt 4,1 tỷ USD, chiếm 20% tổng kim ngạch hàng hóa 2 chiều của 2 nước Việt Nam – Trung Quốc. Về du lịch giai đoạn 2001 – 2005, mỗi năm có khoảng 2 – 3 triệu lượt khách qua cửa khẩu tham quan du lịch, làm ăn buôn bán và tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư. Tuy nhiên, từ năm 2005 trở lại đây khách du lịch Trung Quốc tham quan Móng Cái và nối tour vào các tuyến trong giảm đi do Trung Quốc thay đổi chính sách nhập cảnh. Dịch vụ du lịch có bước phát triển mạnh, đặc biệt trong 5 năm qua (2004 – 2008), mỗi năm trên địa bàn có thêm 30 - 40 khách sạn, nhà nghỉ. Dịch vụ giải trí được đầu tư nhiều, dịch vụ ngân hàng phát triển mạnh mẽ. Đầu tư trong và ngoài nước đạt nhiều thành tựu.

Công tác quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội luôn được đảm bảo, tạo môi trường thuận lợi cho kích tế – xã hội phát triển. Đời sống vật chất tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện và nâng cao. Giai đoạn 2001 – 2005, GDP bình quân đầu người đạt 1.000 USD/ năm và đến năm 2008 đạt 1.700 USD/ người/ năm.

Thực hiện đường lối chính sách “mở cửa” của Đảng và Nhà nước, Thành phố Móng Cái đã và đang phát huy tốt được tiềm năng lợi thế để phát triển. Với lợi thế về vị trí địa lý, giao thông thủy bộ, các lợi thế về phát triển các ngành dịch vụ, nông – lâm – ngư – nghiệp. Lợi thế của Móng Cái đã và đang có sức thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Hiện nay, Móng Cái đã là một trong những trung tâm kinh tế của tỉnh Quảng Ninh, có vị trí quan trọng trong trục kinh tế trọng điểm Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh; Cửa khẩu Móng Cái được xác định là cửa khẩu quan trọng nhất trên biên giới bộ của Việt Nam – là cửa ngõ quan trọng trong tiến trình hội nhập kích tế quốc tế giữa các nước trong khu vực với Việt Nam và Trung Quốc. Móng Cái còn có vị trí đặc biệt trong 2 hành lang kinh tế (hành lang kinh tế động lực Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh và Côn Minh Trung quốc), hành lang kinh tế Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh và Quảng Tây Trung Quốc và một vành đai kinh tế quanh Vịnh Bắc Bộ (Quảng Đông, Quảng Tây và Việt Nam).

Với những kết quả đạt được, ngày 24/9/2008, chính phủ ban hành Nghị Định số 03/ ND-CP về thành lập Thành phố Móng Cái trực thuộc tỉnh Quảng Ninh. Đây là vinh dự vô cùng lớn lao của Móng Cái và cũng thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Đảng và Nhà nước dành cho Móng Cái. Thành phố trẻ Móng Cái hôm nay đầy năng động, với sức sống mãnh liệt sẽ vững bước cùng đất nước tiến sâu vào thời kỳ hội nhập.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA THÀNH PHỐ MÓNG CÁI TRONG TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP

1. Tích cực, chủ động hội nhập; tranh thủ sự quan tâm chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh; vận dụng linh hoạt cơ chế, chính sách ưu đãi để tạo bước đột phá ngay trong giai đoạn đầu hội nhập và ngay trong những ngày đầu thành lập của một thành phố non trẻ.

2. Giữ vững và chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng: thương mại, du lịch, dịch vụ (70%); công nghiệp, xây dựng (18%); nông lâm ngư

ngiệp (12%). Phát triển kinh tế bền vững đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái.

3. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho mọi thành phần kinh tế đầu tư sản xuất kinh doanh hiệu quả để tạo nền kinh tế vững chắc cho thành phố.

4. Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, hướng sản xuất nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa theo cơ chế thị trường để biến nhà nông thành những nhà doanh nghiệp, doanh nhân giỏi nhằm ổn định xã hội nông thôn và giúp nhân dân vươn lên làm giàu.

5. Phát triển mạnh mẽ nền văn hóa mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, hướng hoạt động văn hóa phục vụ phát triển du lịch. Phát triển văn hóa trở thành nền tảng tinh thần của thành phố Móng Cái trong thời kỳ hội nhập.

6. Đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp.

7. Chăm lo đào tạo thế hệ trẻ để tạo nguồn nhân lực chất lượng cao sau này; tích cực đào tạo nghề, lao động tại chỗ; thu hút người tài đến Móng Cái sinh sống và làm việc.

8. Tích cực chăm lo đến đời sống vật chất tinh thần cho nhân dân, nhanh chóng thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các phường xã nhằm xây dựng thành phố Móng Cái dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

9. Phát triển gắn chặt với công tác đảm bảo quốc phòng, bảo vệ vững chắc từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc. Giữ vững ổn định xã hội, an ninh để tạo môi trường ổn định hỗ trợ phát triển kinh tế.

10. Duy trì và đưa lên một tầm cao mới mối quan hệ hữu nghị, hợp tác toàn diện với thị xã Đông Hưng, khu Phòng Thành và thành phố Nam Ninh (Trung Quốc). Thực hiện tốt chủ trương của Đảng và Chính phủ 2 nước về hợp tác 2 hành lang, 1 vành đai kinh tế động lực Việt – Trung.

1.1.2. Lịch sử và tên gọi của Trà Cổ:

“ Trà Loan hải đảo cam truyền hữu

Cổ độ cơ tâm nguyệt vọng cầu”

Đây là hai câu đối đặt ở ngôi miếu thờ ngoài bờ biển. Và tên gọi Trà Cổ chính là cách chơi chữ ghép 2 từ đầu của 2 câu đối trên. Ngoài ra cũng có ý kiến cho rằng: xưa kia người Trà Cổ có thói quen uống trà, và khi uống xong thường “khà” ở cổ nên gọi là Trà Cổ. Theo tương truyền người Trà Cổ có nguồn gốc từ Đồ Sơn. Xưa kia, có 12 gia đình đánh cá người Đồ Sơn bị bão to dạt về đất này. Sau đó 6 gia đình thấy mảnh đất này không thích hợp nên quay về, còn 6 gia đình còn lại thấy phong cảnh hữu tình, có thể sống bằng nghề đánh bắt nên đã ở lại sinh sống và lập làng. Ngày nay, để tưởng nhớ công ơn của những người lập làng nên phong các vị này là Thành Hoàng và thờ tại đình làng. Theo một cụ cao tuổi ở làng ghi chép lại: cách đây mấy trăm năm, người dân ở vùng Vạn Chè sống bằng nghề đánh bắt cá, trồng lúa, trồng rau để sinh sống. Càng ngày dân cư càng đông đúc thì di dân dần ra đất Trà Cổ ngày nay. Khi dân cư đã lập làng sống ổn định thì họ bắt tay xây dựng Đình, Đền, Chùa, Miếu mạo... Và đến ngày nay những di tích này đã trở thành những điểm du lịch hấp dẫn du khách từ trong và ngoài nước đến thăm.

1.2. Tài nguyên du lịch Trà Cổ:

1.2.1. Tài nguyên tự nhiên:

1.2.1.1. Vị trí địa lý:

Phường Trà Cổ nằm về phía Đông Nam của Thành phố Móng Cái. Phía Bắc giáp xã Hải Hòa, phía Đông giáp Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, phía Nam giáp biển, phía Tây giáp xã Bình Ngọc. Vị trí vào khoảng 21°25' VDB, 108°KĐĐ. Trà Cổ cách Hà Nội 334km, theo đường bộ Hà Nội – Hạ Long (151km) rồi theo đường 18 tới Móng Cái, đi tiếp 7km nữa là đến Trà Cổ. Ngoài ra có thể đi bằng canô hay tàu thủy chạy ven biển từ Hải Phòng đến Móng Cái 206km hoặc từ Hạ Long, cách 132 km.

Trà Cổ là một bán đảo mà bao quanh là bờ biển dài, được bồi tụ do sóng và dòng biển ven bờ tạo nên, có nước thủy triều lên xuống. Hiện nay, có hệ thống đê ngăn và có đường nối liền biển với đất liền nên đi lại rất thuận tiện.

Ven biển là những cồn cát cao 3 đến 4m, có làng mạc và dân cư đông đúc, chủ yếu sống bằng nghề nông và chài lưới.

1.2.1.2. Khí hậu:

Do cách xa các Thành phố khu công nghiệp, bên cảng nên Trà Cổ có khí hậu mát mẻ, không khí trong lành, không gian yên tĩnh. Nhiệt độ trung bình hàng năm là $22,7^{\circ}\text{C}$, có 4 tháng nhiệt độ dưới 20°C (tháng 12 đến tháng 3 năm sau), tháng nóng nhất thường ở mức $28 - 30^{\circ}\text{C}$. Độ ẩm không khí trung bình hàng năm là 82%, lượng mưa trung bình hàng năm là 2568mm, trung bình số giờ nắng dao động từ 1700 đến 1800h/năm. Trà Cổ nào mùa hè luôn có gió từ biển thổi vào rất trong lành. Hải tiết thịnh hành 2 loại gió lớn là gió Đông Bắc và gió Đông Nam. Chính vì những điều kiện khí hậu trên mà Trà Cổ rất thích hợp với loại hình du lịch nghỉ ngơi, tắm biển, thể thao dưới nước kết hợp với tham quan.

1.2.1.3. Sinh vật:

Sát bờ biển là các dải rừng phi lao chắn gió, giữ cát. Đây là thành quả lao động của người dân đã có công trồng và chăm sóc. Năm 1961, Bác Hồ đã tới thăm Trà Cổ, Bác khen ngợi và vận động bà con phải có ý thức trồng và bảo vệ rừng phi lao vừa có tác dụng chắn cát vừa tạo thành cảnh quan du lịch hấp dẫn. Hiện nay tại Trà Cổ có 230,44 ha đất có rừng.

Vùng lân cận bãi biển Trà Cổ có hệ sinh thái rừng ngập mặn sú vẹt. Tuy không thật điển hình nhưng cũng tạo nên cảnh quan độc đáo thu hút du khách.

Hàng năm dân cư ở đây đánh bắt được một lượng hải sản lớn có giá trị dinh dưỡng như: cua bể, tôm he, sò huyết, sái sùng, ghẹ...ngoài ra còn có một lượng cá rất phong phú về chủng loại. Trữ lượng hải sản này không

chỉ đủ cung cấp cho nhân dân mà còn đủ cung cấp cho khách du lịch và xuất khẩu. Các món ăn chế biến phục vụ khách du lịch theo văn hóa ẩm thực của Việt Nam, Trung Quốc hoặc kết hợp cả hai.

1.2.1.4. Bãi biển Trà Cổ_bãi biển trữ tình nhất Việt Nam:

Biển Trà Cổ, là biển mở được mệnh danh là “trữ tình nhất Việt Nam” – một vẻ đẹp còn nguyên vẹn hài hòa, bình dị với bãi cát trắng mịn màng trải dài phẳng lặng trong nền nước biển xanh biếc bốn mùa. Đến với bãi biển Trà Cổ du khách sẽ tìm được những khoảng khắc bình yên, thơ mộng để thả hồn vào nắng vào gió ở nơi đây.

Đến với biển Trà Cổ, du khách có dịp được thưởng thức mùi vị nồng nàn của biển, được đắm mình trong những buổi chiều yên lặng, được thả hồn ngấm hoắm hân xuống mà không bị ảnh hưởng bởi sự ồn ào của cuộc sống, của những đô thị náo nhiệt, bởi Trà Cổ cách xa trung tâm 7km. Và nơi đây cũng chưa có tác động nhiều của bàn tay con người, một bãi biển còn mang nhiều nét đẹp của tự nhiên, một vẻ đẹp giao hòa với trời đất. Sát bờ biển là những hàng phi lao râm mát cho khách nghỉ ngơi và ngồi uống nước. Tiếng gió thổi hòa vào những rặng phi lao vi vu như ru người ta đi vào giấc ngủ nhẹ nhàng và trong lành. Cảnh ở đây không đẹp như bất gặp ở Đồ Sơn, Hạ Long, Nha trang hay những bãi biển khác mà nó mang những nét thật khác biệt. Làn cát mịn màng hòa trong nước biển xanh ngắt mang dáng dấp của miền Trung nhưng lại có những dãy núi soi mình mang dáng dấp của biển miền Bắc. Sự hòa lẫn ấy tạo cho Trà Cổ một vẻ đẹp sông núi hiền hòa, một vẻ đẹp “trữ tình nên thơ”.

Bờ biển Trà Cổ có độ dài 17km từ mũi Gót ở phía Bắc đến mũi Ngọc ở phía Nam, đủ sức chứa hàng vạn khách du lịch tới nghỉ mát và tắm biển. Bãi biển có khí hậu mát mẻ, nồng nàn hương biển, tĩnh mịch và còn mang đậm nét “hoang sơ”, cho nên dù thời tiết có nóng nhất thì khách vẫn thấy mát mẻ, thoải mái vì có gió biển. Ở Trà Cổ ta chưa hề thấy sự hiện diện của bãi biển thương mại, rất ít quán hàng, hàng bán rong. Nếu bạn ,muốn

thường thức hải sản tươi sống thì có thể mua ngay trên bờ biển khi ngư dân đi đánh cá về. Ngoài ra, khách du lịch còn có thể kết hợp ngắm bình minh buổi sáng trên biển với việc tìm hiểu và xem người dân tại đây kéo lưới đoàn vào mùa đánh bắt. Đây là những điều thú vị mà không phải ở nơi nào cũng có được.

Khi rời biển Trà Cổ, khách du lịch sẽ thấy nhớ, nhớ vị mặn của biển, nhớ gió lành lạnh vào ban sáng và buổi tối của đời thôn dã, nhớ sự thanh bình của mảnh đất cực đông đất nước và cũng nhớ những cư dân chất phác nơi đây.

1.2.2. Tài nguyên nhân văn:

1.2.2.1. Di tích lịch sử văn hóa

1.2.2.1.1. Đình Trà Cổ

Đình Trà Cổ là công trình kiến trúc cổ, có quy mô lớn và đồ sộ bậc nhất Quảng Ninh và là một di tích đặc biệt quan trọng của Việt Nam đã được Bộ văn hóa thông tin cấp bằng công nhận là di tích kiến trúc nghệ thuật số 15/ VH-QĐ ngày 13/3/1974. Đình xây dựng vào thời Hậu Lê (thế kỷ 15) và được trùng tu, sửa chữa lớn nhiều lần về sau để thờ Thành hoàng làng là 6 vị Tiên Công có xây làng lập ấp. Theo các cụ già kể lại thì tổ tiên khi xưa vốn là người Đồ Sơn Hải Phòng làm nghề đánh cá, trong một lần gió bão 12 gia đình đã dạt vào đây. Trước cảnh hoang vu sù vệt lau sậy 6 gia đình chán nản đã nói

“ Ở đây ăn bổng lộc gì

Lộc sim thì chất, lộc si thì già”

Còn 6 gia đình kia thì tin tưởng ở mảnh đất hoang vu nay có cảnh quan thiên nhiên đẹp, nên đã nói:

“Ở đây vui thú non tiên

Tháng ngày lộc nước lấy tiền nuôi nhau”

Với thái độ lạc quan đó, họ quyết định ở lại khai phá vùng đất mới, lập làng, lập ấp, biến nơi này thành đông vui, nhộn nhịp như ngày

nay. Người Trà Cổ cho đến bây giờ vẫn truyền câu tục ngữ “ người Trà Cổ tổ Đồ Sơn” là như vậy.

Đình Trà Cổ ở phía Đông Nam phường Trà Cổ, giữa một khu dân cư đông đúc sống bằng nghề chài lưới, cách bờ biển khoảng 150m. Phía Nam đình là biển cả, phía bắc là biên giới Việt – Trung cách chừng 8km theo đường chim bay, phía đông và tây là các thôn Đông Thịnh, Nam Thọ, Tràng Vĩ và cách Móng Cái 8km theo đường tỉnh lộ. Đình quay theo hướng Nam, kiến trúc kiểu Đình (J) gồm 5 gian 2 chái tiền đường và 3 gian hậu cung. Mái lợp ngói mũi hài, trên bờ nóc đắp nổi lưỡng long châu nguyệt. Toàn bộ kiến trúc tuy đồ sộ, bề thế nhưng các đầu đao, con guột uốn cong hình rồng đã tạo cho đình những nét uyển chuyển, mềm mại. Hệ thống vì, kèo, cột gỗ lim theo kiểu giá chiêng tròng rường, chạm chỗ mềm mại, ghép mộng chắc chắn. Với tổng số 32 cây cột với 14 cây cột cái đường kính 65cm và 18 cây cột quân đường kính 45cm đều được sơn son thiếp vàng. Lòng Đình được đóng dầm ngang dọc, sàn Đình lát ván có tác dụng giữ cho bộ khung không bị xiêu vẹo và cũng là chỗ để phân biệt ngôi thứ trước đây của chế độ phong kiến. Hai đầu hồi là 2 bức hoành phi sơn son thiếp vàng đối diện nhau “ Nam sơn tịnh thọ (Nước Nam bền vững); địa cửu thiên trường (Đất vững trời dài)”. Trong hậu cung có bức chạm bông Sen vàng, ở giữa giả hoa văn ô vuông. Trước hậu cung có bức y môn bằng lụa thêu hình rồng phượng, đôi chim hạc cao 1,5m. Đầu đao của đình uốn cong vươn lên như những đầu đao của những ngôi đình ở đồng bằng Bắc bộ. Đầu bẩy được làm bằng những thân lim lớn, trạm trổ hình đầu rồng tinh xảo, nét đặc biệt là các bức trạm trổ không hề giống nhau.

Mặc dù nằm sát biên giới Việt – Trung nhưng những mảnh chạm, ghép ở đây được nghệ nhân trạm trổ kênh bong công phu và tỉ mỉ sắc nét. Bố cục cân xứng hài hòa tạo thành những bức tranh gỗ sống động đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật. Đề tài trang trí phong phú, đa dạng như: long, ly, quy, phượng; Tùng, cúc, trúc, mai; Lưỡng long châu nguyệt; Lưỡng long

tranh châu, long hóa vân... Được thể hiện trên 10 bức cốn 5 cửa vòng, đầu dư, câu đầu, bẩy hiên...đều mang đậm nét văn hóa cổ truyền của Việt nam nơi địa đầu của Tổ Quốc.

Hiện vật còn lưu giữ đến ngày nay còn 1 bộ kiệu bát công. 8 lọng ngai, 2 hạc rùa, một bộ bát biểu, 5 bức đại tự, 7 câu đối, 5 bức võng đều được chạm khắc công phu hình tiên nữ cưỡi rồng bay trong mây, dưới là sóng biển nhấp nhô,phần trên là hình rồng châu mặt trời, sơn son thiếp vàng và nhiều hiện vật có giá trị khác từ thời Lê, Nguyễn.

Đứng trước Đình vào những ngày đẹp trời, ta có thể bao quát được cả bãi biển bao la với dải cát dài, không khí thoáng đãng, thanh tịnh. Đây là một vị thế rất đẹp mà cha ông đã chọn để xây dựng đình.

Mặc dù được xây dựng tại vùng biên giới giáp với Trung Quốc, nhưng đình Trà Cổ hoàn toàn mang phong cách kiến trúc Việt Nam, mang đậm chất văn hóa của người Việt, không hề lai căng pha tạp đồng hóa với kiến trúc Trung Hoa, điều này đã khẳng định rằng cha ông ta ngày xưa đã rất coi trọng bản sắc văn hóa dân tộc. Đình Trà Cổ như một cột mốc khẳng định chủ quyền văn hóa của Việt Nam. Trải qua gần 600 năm thăng trầm của đất nước, không ít cơn binh lửa can qua nhưng đình vẫn giữ nguyên dáng vẻ và phong cách như xưa. Đình cũng đã được công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia.

Đình Trà Cổ không những có sức hấp dẫn thu hút biết bao du khách trong và ngoài nước bởi giá trị kiến trúc nghệ thuật, phong tục tập quán lễ hội mà còn là đề tài hấp dẫn cho các nhà nghiên cứu và là cột mốc văn hóa vững chắc khẳng định chủ quyền lãnh thổ Việt Nam nơi địa đầu của tổ quốc.

1.2.2.1.2. Chùa Vạn Linh Khánh hay còn gọi là chùa Nam thọ:

Nếu như đình Trà Cổ nằm “ưỡn ngực” khoe mình trước phong ba bão táp, đón những cơn gió mát lành của biển cả thổi về thì chùa Nam Thọ lại

khiêm tốn nép mình dưới bóng cây chay đại thụ, ngán lên những hồi chuông trong tĩnh lặng.

Chùa Nam Thọ được tọa lạc trên mảnh đất đầu làng, thuộc thôn Nam thọ phường Trà Cổ nên được gọi với cái tên quen thuộc là chùa Nam Thọ hay chùa Trà Cổ và có tên chữ là Linh Khánh tự (linh thiêng tốt lành). Chùa được xây dựng từ bao giờ thì không ai biết chính xác, nhưng thông qua những hiện vật, cổ thờ và tượng pháp còn lưu giữ lại khá đầy đủ đến ngày nay cùng với khuôn viên rộng lớn với nhiều cây cối um tùm bao bọc chứng tỏ ngôi chùa Việt nằm sát biên giới Việt – Trung này phải là một công trình lớn của thế kỷ 16.

Cho đến nay mặc dù thời gian đã làm cho cảnh cũ của chùa thay đổi nhiều nhưng nhìn tổng thể chùa Nam Thọ vẫn giữ được nét cổ kính trầm mặc của ngôi chùa cổ. Các công trình xây dựng gồm: Tam quan (hướng bắc), chùa chính, gác chuông, gác trống, nhà tổ, nhà mẫu, nhà sắp lễ, nhà chay, nhà mặn, nhà bếp, cổng phụ được quây lại với nhau thành một hình gần vuông theo kiểu chữ “ Hồi” (sự hội tụ của các dòng nước). Chùa chính gồm 4 tòa nhà cũng được quây lại với nhau thành một hình gần vuông. Đây là một kiểu kiến trúc độc đáo và hiếm thấy trong kiến trúc cổ truyền của dân tộc Việt Nam.

Ngoài nét độc đáo về kiến trúc ra, chùa Nam Thọ còn lưu giữ được 53 pho tượng cổ quý giá và nhiều đồ thờ tự khác có giá trị thẩm mỹ cao được làm bổ sung bởi nhiều thời trùng tu khác nhau không những của chùa mà còn của những nơi khác chuyển tới, do đó chùa như trở thành một Bảo tàng điêu khắc cổ thu nhỏ của vùng Đông bắc này. Các tác phẩm điêu khắc ở đây đã được nghệ nhân trạm trổ công phu, tinh xảo tạc lên những pho tượng mang đầy đủ hình dạng khác nhau, thể hiện nội tâm khác nhau. Đó là nét trầm tĩnh, đầy lòng tin và ẩn dấu trong một nụ cười kín đáo (tượng Tam thế - thế kỷ 16), hoặc sự đôn hậu thuần khiết (tượng Quan Âm tọa sơn – thế kỷ 16), hoặc sự ngộ nghĩnh đầy vẻ tự nhiên và bi hài về các hình

khối không cân xứng (tượng Thích Ca sơ sinh – thế kỷ 16), hoặc quý tướng thể hiện trí thông minh của đức phật (tượng Adida - thế kỷ 17), hoặc khuôn mặt lạc quan hỉ xả (tượng Di Lặc – thế kỉ 18), hoặc sự nhẫn nhục chịu đựng (Quan Âm Tống Tử - thế kỷ 18), hoặc sự trang nghiêm tôn kính (tượng Ngọc Hoàng – thế kỷ 19)...Đó chính là nguyên nhân tạo cho người xem sự hấp dẫn đến kỳ lạ mà nhiều chùa khác cùng thời không có được.

Cùng với không khí tung bừng của lễ hội đình Trà Cổ, một nét độc đáo của cư dân miền biển ở vùng đông bắc này thì hàng năm nhân dân địa phương cùng phật tử khắp nơi lại nô nức niềm vui cho ngày hội chùa hàng năm. Chùa Nam Thọ có 2 ngày hội chính đó là ngày mùng 8 tháng 4 âm lịch(lễ phật Thích ca) và ngày 17 tháng 11 âm lịch (lễ phật Adida). Tiếng lành đồn xa, ngày nay lễ chùa Nam Thọ không chỉ giới hạn trong phạm vi làng xã nữa mà đã lan rộng ra các vùng lân cận và cả nước láng giềng Trung Quốc càng làm cho chùa thêm phần linh thiêng nhộn nhịp.

Chùa Nam thọ thật sự là một địa chỉ văn hóa đáng quý của nơi địa đầu tổ quốc đã được Bộ Văn hóa thông tin cấp bằng công nhận là di tích nghệ thuật số 2/QĐ/ BVHTT ngày 26/1/1999.

1.2.2.1.3. Đền Thiên Hậu Thánh Mẫu(Đền Trà Cổ):

Đây là ngôi đền cổ, xuất hiện cùng với đình Trà Cổ. Đền thờ tượng bà Thiên Hậu Thánh Mẫu, tương truyền đó là một pho tượng trôi từ biển vào, nhân dân trong vùng vớt lên, thấy kì lạ nên đã lập đền thờ.Ngoài ra đền còn lập thêm ban thờ tứ mẫu. Lúc đầu, đền chỉ là một lán nhỏ trong rừng chầy, dần dần đền đã được tu bổ trở nên khang trang và tọa lạc trên một khu đất rộng như ngày nay. Hiện nay đền đã được tu sửa khang trang bề thế. Tuy đã phần nào mất đi dáng vẻ khi xưa nhưng đền vẫn còn lưu giữ nhiều dấu ấn. Trong đền có một cây chay cổ thụ có tuổi ước chừng khoảng 700 năm, cạnh đền có một cái giếng tiên có nước ngọt và rất mát. Tương truyền khi uống nước vào sẽ tan hết mọi ưu tư phiền muộn.

Đền có tiếng là linh thiêng, bởi vậy hàng năm lễ hội đền rất đông người từ nhiều vùng đến tham dự. Lễ hội chính là vào ngày 23 tháng 3 âm lịch, thường bắt đầu từ ngày 19, 20 và kéo dài trong 3 ngày. Đây là ngày sinh của bà Thiên Hậu Thánh Mẫu. Vào ngày hội, từ những người già tới các bà, các chị, các cô mặc áo nâu, áo dài thướt tha đi rước hội. Hội được rước hàng vài cây số đi theo đường lớn rồi vòng xuống đường biển rồi mới quay lại chùa. Đây là dịp để mọi người cầu sức khỏe, cầu trời yên biển lặng, mùa màng bội thu, đi biển an toàn và thu được nhiều kết quả.

1.2.2.1.4. Nhà thờ Trà Cổ:

Mảnh đất Trà Cổ bé nhỏ, thê nhưng lại xuất hiện một ngôi nhà thờ cổ kính, khá lớn và có kiến trúc rất đẹp. Nhà thờ được xây dựng từ những năm 1880, trong nhà thờ có một chuông cổ từ 80 năm trước. Sau một thời gian bị hư hỏng nặng, đến năm 1995 nhà thờ được trùng tu lại khang trang như ngày nay. Nhà thờ có hàng trăm bức phù điêu lớn được treo trên tường rất ấn tượng trả lại cho nhà thờ vẻ cổ kính như xưa. Nhà thờ là một điểm tham quan rất hấp dẫn du khách do có diện tích rộng và nét cổ kính nhìn từ bên ngoài.

1.2.2.1.5. Miếu Đồi: (được xây dựng tại thôn Nam Thọ).

Đây là ngôi miếu thờ Nguyễn Hữu Cầu cùng các vị thần. Miếu nằm ngay trên bờ biển Trà Cổ. Hàng năm vào ngày hội đình thì có lễ rước từ miếu về đình. Do ảnh hưởng của chiến tranh, miếu bị tan phá và xuống cấp trầm trọng nên sau đó đã được tu sửa lại vào năm 1995.

1.2.2.1.6. Nhà bia ghi dấu sự kiện Bác Hồ về thăm Trà Cổ:

Năm 1960, Bác Hồ về thăm Móng Cái nhưng chưa ra Trà Cổ. Đến năm 1961, Bác Hồ đã về thăm Trà Cổ. Đây là sự kiện có ý nghĩa rất lớn về mặt tinh thần cho người dân. Bác đã rất quan tâm đến vùng biên giới này. Khi được tận mắt nhìn thấy cảnh đẹp nơi đây, Bác khẳng định rằng: Trà Cổ là một danh thắng đẹp để phát triển du lịch. Bác khuyên nhân dân trồng cây để tránh gió, giữ cát và tạo cảnh quan. Việc được đón Bác đến thăm có

ý nghĩa vô cùng lớn cho việc phát triển du lịch sau này. Khi Bác ra về, cán bộ chính quyền cùng nhân dân ngỏ ý xin Bác cho phép được lập nhà bia để ghi dấu sự kiện này.

1.2.2.2. Lễ hội đình Trà Cổ:

Từ xa xưa, người Trà Cổ đã có những sinh hoạt văn hóa đặc sắc và đậm nét văn hóa cổ truyền của người dân Bắc Bộ. Và hoạt động tiêu biểu nhất chính là lễ hội đình Trà Cổ _ nét đặc sắc văn hóa của người Việt. Lễ hội đình Trà Cổ diễn ra tại ngôi đình làng Trà Cổ. Vào ngày hội, tất cả những con xa quê hương đều về tham dự. Nó không chỉ thu hút người dân mà còn thu hút khách thập phương từ mọi miền đất nước và cả khách nước ngoài. Lễ hội diễn ra hàng năm từ ngày 30/5 đến ngày 6/6 âm lịch.

* Lễ hội trước kia: Trước kia lễ hội diễn ra với rất nhiều hoạt động và nghi thức. Trước khi mở hội mấy ngày, vào ngày 25/5 đã có một đoàn thuyền rước từ Trà Cổ về quê tổ Đồ Sơn. Ngày 30/5 thì thuyền từ Đồ Sơn về đến Trà Cổ. Thuyền đi Đồ Sơn phải mất 3 ngày nhưng thuyền về Trà Cổ chỉ mất 2 ngày là về đến nơi. Tục truyền rằng đó là do có tổ tiên phù hộ nên tàu đi nhanh hơn. Và ngay đêm 30/5, dân chúng Trà Cổ tiến hành lễ rước nhang theo nghi thức cổ truyền, khói hương thơm ngát, đèn nến sáng trưng. Đình làng ngập trong tình cảm sâu lắng tôn nghiêm.

Sáng mùng 1/6 là lễ rước Vua ra bể (còn gọi là rước Vua ra miếu) với nghi thức rất đặc sắc. Có đội quân đi đầu cầm mã tấu, kiếm, chùy, cờ thần, bát âm, bát cữu. tiếp đến là người cầm cờ vía mặc áo đỏ, đai lưng thêu rồng, phượng lông lẩy. Người cầm cờ vía là người cường tráng, trẻ đẹp và là người có đạo đức, tiêu biểu của làng. Sau cờ vía là 12 ông đám cùng những người đi khênh kiệu. Sau họ có 2 cô đào, thường là người Vạn Xuân chuyên hát ả đào, vừa đi vừa hát trong nhịp trống phách xốn xang. Sau đó là các vị chức sắc và quần chúng đông đảo, kéo dài và vui náo nức.

Các ông đám là những người được chọn ra lo toan cho hội làng. Từ đầu năm mỗi ông đã nuôi một con lợn to gọi là Ông voi. Ông đám phải là

những người trung tuổi, khỏe mạnh, biết làm ăn, có đạo đức và lối sống lành mạnh. Những người được làng chọn này cũng rất vinh dự và tự hào, vì khi làm tốt công việc được giao thì gia đình cũng sẽ được lộc: mạnh khỏe, làm ăn có hiệu quả...Tuy nhiên trong vòng 1 năm lam ông đám họ phải kiêng kị rất nhiều như: kiêng cắt tóc, kiêng nói bậy, kiêng gần gũi vợ...Và mỗi người chỉ được làm ông đám một lần trong đời.Ngày 30/5, các ông đám rước ông voi lên đình làm lễ và thi ông voi nào to và đẹp hơn.các ông voi ở trong một chiếc cũi tốt, trang trí đẹp, được khênh bằng những đòn dóng chạm hình rồng phượng tinh xảo. Các ông voi cũng được trang điểm tô son đánh phấn trước khi lên đình. Ông đám nào có ông voi to béo nhất, cũi làm đẹp nhất thì sẽ được làng trao thưởng lớn. Từ ngày mùng 3 đến mùng 5, các ông đám chia nhau làm cỗ, hình thức như khao ở các làng đồng bằng Bắc bộ. Mỗi ngày có 4 ông đám rước cỗ ra đình tế thần, 2 ông làm cỗ mặn, 2 ông làm cỗ chay. Cỗ mặn gồm 2 con gà, 2 con phượng (thay bằng 2 con ngỗng), luộc chín, tạo dáng đẹp; còn các loại thức ăn chế biến từ thịt ngon và đẹp mắt. Còn cỗ chay là đủ các loại bánh, xếp thành tầng, đầy các thùng lớn bằng gỗ. Những thùng này đều có buộc những lạt tre to bản nhuộm hồng, nhuộm xanh, tựa như cách buộc bánh chưng ngày tết Nguyên đán.

Cỗ mặn, cỗ chay sau khi được tế thần thì các ông đám lại đem về nhà và mời bà con đến ăn hoặc để tại đình cho các cụ già và chức sắc trong đình thưởng thức. Trong ngày lễ hội, hầu như nhà nào trong làng cũng làm cỗ. Nhà nghèo làm cỗ nhỏ, vui trong gia đình. Nhà khá hơn thì làm cỗ to mời họ hàng, bạn hữu. Riêng 12 ông đám thì mời cả họ hàng xa, bè bạn và các vị chức sắc trong làng...Dịp này ở Trà Cổ, ai nấu ăn giỏi hay vùng đều được biết hết. Đây chính là hội thi làm cỗ, thi nấu ăn.

Lễ hội này cũng gồm 2 phần: phần lễ và phần hội. Phần lễ gồm rất nhiều nghi lễ phức tạp như: lễ nghênh thần, lễ yên vị,nhập tịch, đại lễ, lễ đóng cây tây đám, cất cây tây đám, lễ đại tế thần, lễ rước cờ đám cũ, lễ

tổng dâng, lễ ông đám mới, lễ cầu an... Tất cả những lễ này do ông Mo(là người được dân cử trông coi việc nhanh khói và giữ sắc thần) và ông thư chúc cử hành với sự tham gia đông đủ của các vị chức sắc, bà con dân làng. Vào ngày mùng 1 có rước đại lễ từ đình ra miếu làm lễ rồi quay về. Lễ rước này rước ngai và các sắc thần của nhà vua ban. Hiện nay ở đình Trà Cổ còn 6 chiếc ngai và 6 bản sắc thần.

Phần hội bao gồm rất nhiều trò chơi dân gian thi kéo co, thi vật, thi bắt vịt...và đặc biệt là thi bơi chải. Các thôn xóm chọn ra những người thanh niên to cao, khỏe mạnh, bơi giỏi để tham dự thi đấu với nhau. Đây là hoạt động mang tính cộng đồng làng xã và rất đặc sắc. Nó thu hút rất nhiều khách thập phương đến xem và cổ vũ.

* Ngày nay, lễ hội đã đơn giản hơn nhưng vẫn đầy đủ các phép tắc, nghi lễ. Lễ hội vẫn giữ được nét truyền thống và uy nghiêm của nó. Vào ngày hội có rất nhiều khách thập phương trong và ngoài nước đến làm lễ cầu sức khỏe, cầu may và công đức cho đình.

Vào ngày hội từ người già đến trẻ thơ đều háo hức và nô nức còn hơn ngày tết. Mọi người chuẩn bị quần áo mới và tinh thần để đi dự hội.

* Ý nghĩa: Lễ hội là dịp để người dân Trà Cổ tưởng nhớ công ơn và bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc của mình đến các vị thần linh, những người đã có công lập làng. Lễ hội cũng là dịp để cầu mạnh khỏe, bình an và yên ấm. Lễ hội cũng giúp thắt chặt tình làng nghĩa xóm, mở rộng giao lưu giữa các vùng miền với nhau, trao đổi kinh nghiệm làm ăn, củng cố tính cộng đồng. Lễ hội cũng là cơ hội giới thiệu những nét đẹp tự nhiên và nhân văn tới mọi miền đất nước.

Hiện nay ngoài đình Trà Cổ cũng còn 2 ngôi đình khác cũng thờ và thực hiện lễ hội như ở đây. Đó là đình tại thôn Tràng Vĩ (Trà Cổ) và đình làng Cẩm Hải thuộc thị xã Cẩm Phả. Do chiến tranh, một bộ phận dân di cư từ Trà Cổ lên và cũng lập đình thờ.

1.2.2.3. Đời sống cộng đồng của cư dân Trà Cổ:

Cuộc sống của người dân nơi đây trôi đi rất êm đềm và yên bình. Nhân dân sống chủ yếu bằng nghề chài lưới đánh bắt hải sản, ngoài ra có nghề nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Ngày ngày, họ đi ra khơi đánh cá và trở về với thành quả lao động của mình. Còn một bộ phận nhỏ có nhiều vốn thì hoạt động dịch vụ du lịch. Từ xa xưa người dân nơi đây đã có truyền thống yêu nước, dũng cảm đánh giặc ngoại xâm. Mọi người sống với nhau chan hòa tình cảm, chia cơm xẻ áo. Mỗi khi nhà nào có việc thì cả xóm, cả làng kéo nhau đến giúp đỡ. Mọi người chia nhau từng củ sắn, củ khoai, sống với nhau đậm đà tình làng nghĩa xóm. Và cho đến bây giờ, mặc dù đã có nhiều thay đổi về hoàn cảnh nhưng cái NẾP sống tình làng nghĩa xóm, sự cố kết cộng đồng thì vẫn còn tồn tại. Thời gian cứ trôi đi, cảnh vật cứ thay đổi, nhưng con người vẫn đôn hậu và hiền lành như xưa. Tính cố kết cộng đồng càng thể hiện rõ trong những ngày hội làng, mọi người góp sức làm cho hội đình làng được diễn ra tốt đẹp. Người dân Trà Cổ sống và gắn bó với biển, với sóng biển, gió biển nên họ cũng thật thà và mặn mà như nước biển vậy. Sự thật thà và lòng mến khách của cư dân miền biển này đã tạo cho khách du lịch tới thăm Trà Cổ một ấn tượng đẹp và khó phai. Mọi người cũng sống rất hòa thuận đoàn kết và luôn lạc quan, yêu đời. Một nét rất đặc trưng của những người dân làm biển là làm bao nhiêu, ăn phần ấy. Họ không bị những lo toan và tính toán đời thường ảnh hưởng đến tinh thần sống.

Trước kia, do hoàn cảnh chiến tranh, một phần dân cư tại đây đã di dân sang nước ngoài và hiện nay đã định cư ở một số nước như: Mỹ, Úc, Canada, Phần Lan, Anh, Pháp, Đức... Những người con nay khi định cư ổn định bên đó thì luôn nhớ về quê hương làng xóm của mình. Hàng năm họ vẫn về thăm người thân, thăm bà con làng xóm và góp tiền đầu tư xây dựng các công trình công cộng. Họ đã góp phần thay đổi bộ mặt và đời sống của người dân nơi đây. Đây cũng là một điều đáng quý và đáng ghi nhận. Bà

con cũng rộng lòng đón nhận sự trở về quê hương, nguồn cội của những người con xa xứ này.

Vào mùa đánh lưới đoàn, những hôm trời yên, biển lặng mọi người lại ra biển vào mỗi sáng sớm để kéo lưới đoàn. Mới tờ mờ sáng, từ trẻ con đến người lớn thậm chí cả những người già lại kéo nhau ra bãi để kéo lưới. Người nào khỏe thì đứng hàng đầu, người nào yếu thì đứng sau góp công. Khi kéo lưới mọi người lại đồng thanh “ hò dô” để kéo khỏe hơn. Sau đó chủ lưới sẽ giữ một phần cá, còn lại chia cho bà con. Trẻ con thì đi nhặt hoi những con cá nhỏ. Cá kéo được lên chia làm nhiều loại, cá to thì mang bán, nhỏ thì mang phơi gọi là cá Dụi. Đây là món rất đặc trưng của người Trà Cổ. Hoạt động này thể hiện tính cộng đồng rất lớn, đồng thời cũng là một hình ảnh đẹp và lạ đối với những khách du lịch từ xa tới. Khách sẽ thấy vô cùng ngạc nhiên và thú vị nếu sáng sớm ra ngắm bình minh, hưởng không khí trong lành buổi sớm và được xem người dân kéo lưới. Du khách sẽ hiểu được phần nào đời sống công việc của người dân và nếu muốn, họ có thể mua tôm cá tươi ngay tại bãi biển.

Những người dân quê em, dù chưa thật khéo léo, chưa thật ăn nói dịu dàng, được lòng người. Nhưng sự chịu khó, cần cù và thật thà của họ cũng thật đáng yêu, đáng quý và đáng trân trọng.

2. Thực trạng hoạt động du lịch Trà Cổ:

2.1. Đánh giá kết quả hoạt động du lịch:

Trà Cổ, vừa có tài nguyên tự nhiên lại có tài nguyên nhân văn. Với những tiềm năng và thuận lợi như thế Trà Cổ đã được rất nhiều khách du lịch trong và ngoài nước biết đến. Tại địa phương cũng đã tổ chức và hoạt động khai thác những tiềm năng này cho hoạt động du lịch. Trong những năm gần đây du lịch cũng mang lại những kết quả nhất định. Theo số liệu tại phường Trà Cổ:

Năm 2007: có 31.000 lượt khách

Năm 2008: có 22.535 lượt khách

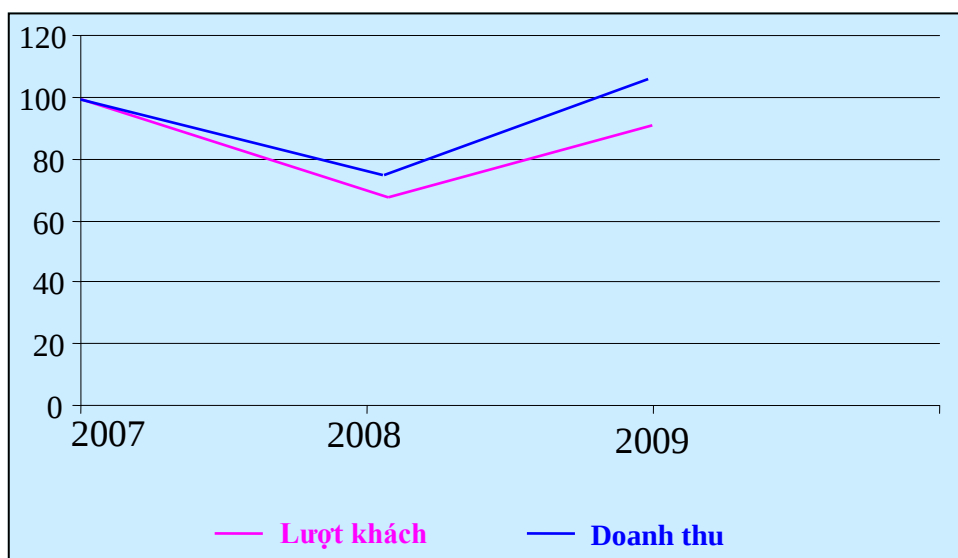
Tiềm năng và một số giải pháp phát triển du lịch Trà Cổ

Năm 2008 chỉ bằng 72,6% so với cùng kỳ năm 2007. Và 4 tháng đầu năm 2009, do trái mùa du lịch biển nên Trà Cổ mới chỉ có gần 400 lượt khách đến thăm. Dự tính cả năm nay do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế nên cả năm 2009 cũng chỉ có khoảng 30.000 lượt khách đến thăm.

Doanh thu ngành du lịch ước tính đạt 6,760 tỷ đồng.

Năm	2007		2008		2009(dự đoán)	
Chỉ tiêu	Tổng	%	Tổng	%	Tổng	%
Lượng khách (lượt)	31.000	100	22.535	72,6	30.000	96,7
Doanh thu (tỷ đồng)	24,8	100	19,1	77	27	108,8

Đồ thị tốc độ phát triển khách và doanh thu



Hàng năm có từ 28 đến 30 quốc tịch khác nhau là khách du lịch đến với Móng Cái và Trà Cổ như: Trung Quốc, Anh, Pháp, Mỹ, Nhật, Úc...

Qua những con số trên ta thấy rằng so với những tiềm năng của Trà Cổ thì con số trên là chưa nhiều. Với những điều kiện như thế Trà Cổ còn có khả năng đón và thu hút một lượng khách lớn hơn. Thêm vào đó nữa lượng khách đến năm 2008 có giảm hơn so với năm 2007. Kết quả này

có thể xuất phát từ nguyên nhân nền kinh tế khủng hoảng nhưng cũng có thể do khâu tổ chức du lịch, cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng được nhu cầu của khách. Sân golf quốc tế 18 lỗ ở đây trong năm 2008 số lượng khách cũng giảm đi rất nhiều, làm một số công nhân làm việc tại đây phải thất nghiệp.

Như vậy nhìn chung, những kết quả đạt được ở trên là chưa thật tương xứng với tiềm năng du lịch. Hoạt động du lịch gần đây giảm sút và chưa thật hiệu quả.

2.2. Đánh giá về khai thác các điểm du lịch:

2.2.1. Bãi biển Trà cổ:

Bãi tắm Trà Cổ là bãi tự nhiên, chưa có sự can thiệp của bàn tay con người. Sự hoang sơ của bãi biển cũng là một nét hấp dẫn du khách. Tuy nhiên khách chỉ đến đây tắm biển chứ chưa khai thác được nhu cầu tiêu dùng của khách. Có quá ít các quán hàng giải khát, ô che nắng và bàn ghế cho khách nghỉ ngơi, ngắm biển. Cũng chưa xuất hiện những cửa hàng bán đồ lưu niệm để kích thích nhu cầu mua của khách hàng. Mặc dù sự hạn chế của quan xá sẽ tốt cho môi trường du lịch nhưng cũng sẽ làm khách không nán lại lâu. Nếu ta phát triển các dịch vụ nhưng theo đúng quy hoạch và quy cách sẽ vừa không ảnh hưởng đến môi trường vừa thu hút được khách ở lại lâu hơn và kích thích nhu cầu tiêu dùng của khách, mang lại doanh thu cho người dân và địa phương. Buổi tối trên đường bờ biển vẫn chưa có đèn điện nên rất tối, khách muốn đi dạo chơi cũng ngại. Trên bờ biển cũng chưa có hệ thống các thùng đựng rác và các bảng chỉ dẫn khách. Đây là một hạn chế rất lớn trong việc quy hoạch tổ chức khai thác bãi biển.

Biển trà cổ còn một nét đặc biệt thú vị đó là nơi bà con đánh lưới và đập bè đánh cá. Mỗi khi bè cá về, khách du lịch có thể mua trực tiếp của người dân. Hoạt động này sẽ khiến khách cảm thấy mới lạ, thú vị đồng thời cũng mang lại lợi ích cho người dân và cho khách. Vì nếu bán lẻ cho khách

sẽ thu được giá cao hơn so với bán cho những người thu mua. Còn khách cũng lợi hơn so với mua ngoài quán.

Vì đây là du lịch biển, nên cũng không thể tránh được tính mùa vụ mà thậm chí du lịch ở đây còn mang tính thời vụ lớn. Khách du lịch chỉ đến với Trà cổ vào mùa hè, từ tháng 5 đến tháng 10, các tháng còn lại hầu như vắng khách. Điều này thật sự bất lợi cho sự phát triển của du lịch Trà Cổ và việc khắc phục tính mùa vụ vẫn còn là một vấn đề khó khăn cho những người làm du lịch.

Tại bờ biển, cũng đã có Ban quản lý du lịch quản lý hoạt động du lịch tại đây. Trong đó đã có xây dựng hệ thống bể bơi nước ngọt và nhà tắm nước ngọt. Có một số địa điểm để khách thuê phao và áo tắm để tắm biển.

2.2.2. Di tích lịch sử:

Như đã nêu ở trên, di tích lịch sử là một yếu tố vô cùng quan trọng để hình thành nên các tour tuyến du lịch. Di tích lịch sử là một tài nguyên có thể khai thác quanh năm và không bị ảnh hưởng của tính mùa vụ. Và tại Trà cổ, các di tích cũng đã được đưa vào khai thác phục vụ cho du lịch, nhưng nó chưa phải là điểm đến chính mà chỉ là kết hợp với du lịch tắm biển. Thậm chí có nhiều có tour du lịch, khách chỉ đi tắm biển chứ không đi thăm các di tích kể trên. Đồng thời mỗi di tích đều gắn liền với một lễ hội truyền thống như đã giới thiệu ở trên nhưng khách du lịch chưa biết đến nhiều và chưa tham gia vào lễ hội. Có thể do sự không thuận lợi về địa lý và giao thông nên đây vẫn chưa là lựa chọn đầu tiên của khách du lịch. Đối tượng tham gia lễ hội chủ yếu là người dân địa phương và các vùng lân cận cùng số ít khách du lịch. Như vậy địa phương cũng chưa có chính sách khai thác triệt để những di tích này cho hoạt động du lịch. Nhưng một điều đáng mừng là công tác bảo tồn, tôn tạo và trông coi di tích được thực hiện rất tốt. Tất cả đều được quản lý và trông coi nên lúc nào cũng giữ được vẻ cổ kính và linh thiêng. Đặc biệt là đình Trà Cổ, một di

tích có nhiều giá trị và mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc hiếm hoi tại vùng biên giới này. Khi bước chân tới cửa đình, du khách sẽ cảm nhận được sự trang nghiêm nhưng cũng thật êm ả của nó. Trước cửa đình, ngay cạnh cổng vào là một cây đa cổ thụ to lớn tỏa bóng mát cho đình. Khi vào trong đình sẽ cảm nhận được sự đơn giản nhưng cũng thoáng đãng của đình. Đó là nhờ ý thức chăm sóc và bảo vệ của những người trông coi đình cũng như của người dân nơi đây. Tuy nhiên, tại các di tích này do quy mô còn nhỏ nên không có hướng dẫn viên tại điểm. Nếu đoàn khách nào có hướng dẫn viên đi kèm thì cũng chỉ hiểu được sơ qua kiến trúc của đình chứ chưa thực sự thấy được ý nghĩa cũng như giá trị thực của di tích. Và mặc dù tại các di tích cũng đã có bảng thông tin về di tích một cách khái quát và khá đầy đủ nhưng nếu được nghe từ một người hiểu biết thì sẽ ấn tượng hơn nhiều. Điều này làm cho khách chỉ đến thăm cho biết chứ ít người mong muốn được quay lại vào những lần sau. Sự hiểu biết về di tích không phải ai cũng nắm được chính xác vì di tích ra đời đã lâu. Chỉ có những người già trong làng biết do được truyền từ tổ tiên chứ ngay đến cán bộ tại phường Trà Cổ cũng không hiểu rõ và chưa nhận thức đúng đắn vai trò của di tích đối với phát triển du lịch. Điều này cũng là do xuất phát điểm trình độ học vấn của cán bộ ở đây cũng chưa cao, đặc biệt là về du lịch.

Các di tích luôn là nhân chứng lịch sử xác thực về một thời kỳ đã qua, giúp cho con người thông qua đó hiểu biết thêm về lịch sử và tìm về cội nguồn quá khứ. Vậy phải làm thế nào để du khách đến và cảm nhận về điều đó và khi ra về vẫn còn muốn quay trở lại thì phụ thuộc rất lớn vào công tác tổ chức của các đơn vị có liên quan.

Mặc dù đặc trưng của các di tích là không mang tính mùa vụ nhưng ở đây các di tích vẫn bị ảnh hưởng bởi tính mùa vụ. Khách du lịch đến với Trà Cổ mục đích chính là tắm biển nên hầu như chỉ đến vào mùa hè cho nên đây cũng là thời điểm các di tích đón nhiều khách du lịch đến thăm. Còn ngoài ra, vào các ngày rằm, mùng 1 hay ngày lễ, ngày hội mới có

khách thập phương nhưng chỉ ở vùng xung quanh đền lễ chùa. Còn những ngày bình thường thì rất vắng khách.

Thế nhưng sẽ thật đáng tiếc nếu du khách đến với Trà Cổ mà không ghé qua các di tích này. Và mặc dù tất cả không được tập trung tại một nơi, nhưng cũng rất gần nhau. Từ nơi này đến nơi kia chỉ đi ô tô trong vòng một vài phút. Cũng thật đáng tiếc cho những ai chưa từng tới đây, vì khi bước chân vào cổng đình, cổng chùa nơi đây bạn sẽ thấy lòng mình thật nhẹ nhõm và lắng lại, xóa đi mọi ưu phiền của cuộc sống.

2.3. Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch:

2.3.1. Cơ sở hạ tầng:

2.3.1.1. Đường giao thông:

Đây là yếu tố có ảnh hưởng đến quyết định mua sản phẩm du lịch của khách du lịch. Nếu như giao thông thuận tiện sẽ kích thích người đi, nhưng nếu giao thông đi lại nguy hiểm, khó khăn thì làm du khách thấy nản và mệt mỏi vì không phải ai cũng có sức khỏe tốt và thích ngồi ô tô trong thời gian dài mà đương đi lại khúc khuỷu nguy hiểm cho họ.

Trà Cổ cách Hà Nội 334km và khách du lịch có thể đến với Trà Cổ theo 2 con đường: đường bộ và đường thủy. Đường bộ là đường quốc lộ nối hạ long với Móng Cái, rồi từ Móng Cái đi tiếp 7km nữa là tới Trà Cổ. Ngoài ra khách có thể đi bằng tàu thủy, theo ven biển từ Hải Phòng đến Móng Cái (132km, gần hơn đường bộ khoảng 50km). Đường quốc lộ 18 hiện nay đã bị xuống cấp nhiều, đặc biệt là đoạn Mông Dương – Móng Cái. Đường hẹp, có nhiều cua gấp, nhiều ổ gà lại là đoạn đường mà công-ten-nơ chạy rất nhiều. Và nếu đi vào trời mưa thì rất nguy hiểm vì 2 bên đường có rất nhiều vực sâu. Và đây cũng là lý do chủ yếu làm giảm đi sự hấp dẫn của Trà Cổ và chưa phải là lựa chọn ưa thích của du khách.

Nhưng hiện nay con đường này đang được nâng cấp và sửa chữa lớn, đặc biệt là đoạn Mông Dương – Móng cái để tạo thành tuyến đường cao tốc Nội Bài – Móng Cái. Như vậy trong một tương lai gần, hứa hẹn mở

ra nhiều cơ hội và thuận lợi để du lịch Trà Cổ ngày một thêm phát triển. còn đoạn đường từ Móng Cái đi Trà Cổ thì đã được xây dựng và mở rộng vào năm 1979. Hiện nay chỉ còn một đoạn ngắn tại thôn Nam Thọ là chưa được mở rộng do yếu tố di dân.

Thông thường khách du lịch đến Trà Cổ chủ yếu bằng đường bộ vì có thể ghé qua nhiều nơi khác của Quảng Ninh như Vịnh Hạ Long, đền Cửa Ông. Hiện nay do việc nâng cấp đường quốc lộ 18, trước mắt gặp một số khó khăn hơn do đường hẹp, dễ gây tắc đường, vào ngày mưa thì rất trơn, còn nắng thì có nhiều đoạn rất bụi. Khó khăn này có thể gây cản trở cho mùa du lịch biển năm nay của Trà Cổ nhưng đó chỉ là khó khăn tạm thời và trước mắt, còn về lâu dài, việc hoàn thiện con đường này không chỉ góp phần phát triển du lịch Trà cổ mà còn làm thay đổi bộ mặt kinh tế của thành phố Móng Cái nói riêng và của Quảng Ninh nói chung.

Việc nâng cấp con đường nay thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đến thành phố Móng Cái và cũng khẳng định được tầm quan trọng của kinh tế Móng Cái đối với Quảng Ninh nói riêng và đối với đất nước nói chung

2.3.1.2. Hệ thống điện nước:

Trà Cổ đã có đường điện lưới Quốc Gia 2kv và 100% dân cư được sử dụng điện. Tuy nhiên hệ thống điện công cộng chưa được đầu tư nhiều và còn hạn chế. Là một khu du lịch nhưng qua thực tế hiện nay cho thấy điện thấp sáng ngoài đường lớn và dưới bãi biển trước kia có nhưng giờ đã bị mất nhưng chưa được cấp lại. Lãnh đạo tại đây nói rằng kế hoạch sẽ nhanh chóng sửa chữa để phục vụ mùa du lịch tới nhưng không biết sẽ thực hiện được hay không. Ở đây còn rất hay mất điện làm ảnh hưởng đến sinh hoạt của du khách. Theo một Giám đốc khách sạn tại đây cho biết, trong thời gian qua, thành phố mới chỉ quan tâm đến phát triển ngoại thương chứ vẫn chưa coi trọng và đầu tư nhiều cho du lịch. Việc không có điện trên đường phố cũng như trên bãi biển ảnh hưởng lớn đến mỹ quan

của Trà Cổ. Mỗi buổi tối nếu khách du lịch muốn đi dạo mát hưởng gió và khí trời về đêm thì cũng e ngại nếu không có điện sáng.

Hiện nay ở đây mới có hệ thống nước ngầm phục vụ cho đời sống sinh hoạt của người dân cũng như sinh hoạt của khách du lịch chứ chưa có hệ thống nước máy sạch. Sắp tới Thành Phố cũng đã có kế hoạch cấp nước sạch về cho Trà cổ để đảm bảo sinh hoạt cho nhân dân đồng thời đáp ứng yêu cầu của khách du lịch tại các cơ sở kinh doanh nhà hàng, khách sạn.

Ở Trà Cổ cũng chưa có hệ thống thoát nước, xử lý nước thải và rác. Đây có thể là nguyên nhân làm ảnh hưởng đến cảnh quan trong một tương lai gần nếu như không có kế hoạch cụ thể.

2.3.2. Cơ Sở dịch vụ du lịch:

Ở Việt Nam: số cơ sở kinh doanh lưu trú có quy mô dưới 50 phòng chiếm tới 93%. Con số này phản ánh phần nào chất lượng và năng lực cạnh tranh thấp của doanh nghiệp kinh doanh lưu trú ở Việt Nam. Hầu hết các khách sạn dưới 50 phòng là các khách sạn 1 đến 2 sao, cơ sở vật chất kỹ thuật chưa đáp ứng được nhu cầu đi du lịch của khách du lịch. Các cơ sở này chủ yếu tập trung vào thị trường khách du lịch nội địa với khả năng thanh toán thấp và dễ tính. Đội ngũ kinh doanh và cán bộ quản lý ở cơ sở kinh doanh này hầu hết chưa được đào tạo bài bản chuyên nghiệp. Kỹ năng phục vụ và khả năng giao tiếp ngoại ngữ của nhân viên còn thiếu và yếu, đặc biệt là các khách sạn tại các vùng miền không phải là trọng điểm du lịch như Trà Cổ hiện nay. Có thể nói việc đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật và đào tạo nhân lực ở các khách sạn quy mô nhỏ và nhà nghỉ du lịch nội địa chưa được chú trọng. Các khách sạn này thường gặp khó khăn trong việc đón và phục vụ các đoàn khách lớn, trong quảng bá, xúc tiến thu hút khách, trong đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực và thực hiện các chương trình hành động của ngành. Các khách sạn nhà nghỉ có quy mô nhỏ nên chưa chú ý đến công tác xúc tiến, quảng bá, tiếp thị, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động bán toàn cầu (các mạng phân phối và đặt chỗ toàn cầu

GDS) nên khả năng thu hút khách quốc tế còn hạn chế. Những cơ sở lưu trú quy mô nhỏ gặp nhiều hạn chế trong đầu tư đổi mới trang thiết bị, áp dụng công nghệ quản lý hiện đại, nghiên cứu thị trường và quảng bá sản phẩm. Bên cạnh đó thị trường vốn ở nước ta chưa phát triển, lãi suất tiền cho vay cao và chưa có cơ chế tiếp cận các nguồn vốn ngân hàng. Hạn chế đó đã khiến những khách sạn nhỏ gặp khó khăn khi muốn nâng cấp, mở rộng quy mô xây dựng, nâng cấp tiên nghi, mở mang dịch vụ. các doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn trong kinh doanh như thiếu đất và mặt bằng để mở rộng quy mô phòng ngủ, phòng hội nghị và các dịch vụ bổ sung. Các khách sạn nhà nghỉ ở Trà Cổ cũng khó tiếp cận các nguồn thông tin thị trường đáng tin cậy để phục vụ việc đề ra các chiến lược kinh doanh sát với tình hình thực tế. Còn hạn chế về kinh nghiệm, kỹ năng quản lý và các mối quan hệ làm ăn trên thị trường. Trong khi đó ở Trà Cổ chi phí đầu vào, điện, viễn thông, thực phẩm còn cao và thiếu ổn định làm ảnh hưởng không nhỏ đến kinh doanh và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Hầu hết các khách sạn ở đây chưa thật chú trọng công tác tiếp thị dẫn đến hiệu quả kinh doanh thấp.

Hiện nay, theo thống kê trên địa bàn thành phố Móng Cái có gần 300 khách sạn, trong đó có 1 khách sạn 5 sao đầu tiên ở Quảng Ninh đạt tiêu chuẩn đã đi vào hoạt động. Đó là khách sạn Li Lai thuộc công ty cổ phần giải trí Lợi Lai. Ngoài ra còn có 2 khách sạn 3 sao. Dự tính đến năm 2010 sẽ có thêm một khách sạn 5 sao đi vào hoạt động. Hiện nay tổng số phòng đạt 2.780 phòng với 5.714 giường, trong đó có trên 30% giường, phòng đủ tiêu chuẩn đón khách sang trọng. Riêng ngoài Trà Cổ mới có gần 45 khách sạn, nhà nghỉ, 596 phòng = 1173 giường, có 150 nhà hàng ăn. So với năm 2007 thì vẫn không có sự gia tăng nhiều khách sạn, nhà nghỉ được đầu tư trang thiết bị hiện đại để có thể đáp ứng được nhiều nhu cầu của khách. Như vậy số lượng khách sạn ở Trà Cổ vẫn là ít, đồng thời chất lượng phòng, chất lượng phục vụ ở đây vẫn còn rất kém. Nhân viên tại các

nhà hàng và khách sạn chưa có trình độ, chuyên môn, kỹ thuật và thao tác nghiệp vụ còn non kém. Điều này thật sự gây bất lợi cho khách du lịch. Đối với những khách hạng sang, họ ra Trà Cổ và muốn nghỉ ngơi qua đêm ở Trà Cổ để hưởng không khí trong lành vào ban đêm ở Trà Cổ nhưng các phòng nghỉ ở đây chưa đáp ứng được nhu cầu của họ, chưa làm họ thấy hài lòng và thật sự thoải mái nên họ thường vào Móng Cái ăn nghỉ. Bất cứ khách du lịch nào khi đến với Trà Cổ đều muốn ở lại với Trà Cổ, muốn được đi dạo đêm thưởng thức khí trời trong lành tại đây. Nhưng việc chưa đáp ứng được yêu cầu về phòng, cả về số lượng và chất lượng sẽ làm khách không hài lòng. Theo như một số khách sạn ở đây cho biết, đến thời điểm khoảng tháng 4 thì hầu như các khách sạn lớn ở đây đã được đặt trước hết phòng. Những khách du lịch đến sau đều phải vào Móng Cái đặt phòng.

Về mảng dịch vụ, giải trí cũng được đầu tư khá đa dạng và phong phú. Trong thành phố Móng Cái có hệ thống chợ trung tâm rất lớn và đồ sộ cùng với các hệ thống chợ 2 chợ 3. Hệ thống hàng hóa cung cấp rất nhiều loại hàng hóa: từ quần áo, đồ điện tử đến hoa quả vải vóc. Ở đây hàng hóa có số lượng lớn từ Trung Quốc đưa sang đủ các chủng loại, kiểu dáng, giá cả lại phải chăng. Nếu như khách du lịch có mua nhiều hàng thì giá còn rẻ hơn rất nhiều.

Ngoài ra ở Móng Cái, còn các khu thương mại Hồng Vân, Hải Yến phục vụ cho những khách du lịch có khả năng chi trả cao. Trong Móng Cái cũng có rất nhiều hệ thống các khu vui chơi giải trí dành cho khách du lịch. Đặc biệt, ở ngoài Trà Cổ có khu vui chơi giải trí và sân golf quốc tế 18 lỗ dành cho người nước ngoài và những khách du lịch hạng sang đã đi vào hoạt động khá hiệu quả trong thời gian đầu. Tuy nhiên ở Trà Cổ, ngoài hệ thống vui chơi giải trí này thì hầu như chưa có khu vui chơi, giải trí nào khác.

Sau đây là kết quả hoạt động kinh doanh của một số khách sạn tiêu biểu ở Trà Cổ:

Bảng 1

Kết quả hoạt động kinh doanh của khách sạn Kim Hoàng trong 4 năm gần đây:

Các chỉ tiêu	STT	Đơn vị	2005	2006	2007	2008
Tổng doanh thu	1	Triệu đồng	8.900	9.500	10.800	8.200
Tổng chi phí	2	Triệu đồng	7.400	7.800	8.300	6.400
Số lao động	3	Người	60	71	80	85
Tổng lợi nhuận	4	Triệu đồng	1.500	1.700	2.500	1.800

Bảng 2

Kết quả hoạt động của khách sạn Hải yến trong năm 2008 và dự kiến năm 2009:

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	2008	2009 (dự kiến)
1	Tổng doanh thu	VN Đồng	3.292.138.984	3.599.440.000
2	Tổng chi phí	VN Đồng	2.375.186.691	2.398.168.260
3	Số lao động	Người	68	70
4	Tổng lợi nhuận	VN Đồng	916.952.293	1.201.271.740

Nhận xét: Khách sạn Hải Yến là khách sạn cỡ trung bình của Trà Cổ. Doanh thu năm 2008 thấp do ảnh hưởng của khủng hoảng. Nhưng đến năm 2009, dự đoán sẽ cao hơn do tình hình đã tương đối ổn định.

2.4. Đánh giá về môi trường:

Tài nguyên và môi trường chính là yếu tố cơ bản để tạo ra sản phẩm du lịch. Du khách ở những khu đô thị, khu công nghiệp có nhu cầu về các địa phương có môi trường trong lành hơn như môi trường núi, nông thôn và đặc biệt là miền biển. Hiện nay đại đa số các tỉnh có hoạt động du lịch sôi động nhất là những tỉnh có môi trường tự nhiên hoang sơ, môi trường trong lành. Một trong những mục đích về du lịch nghỉ biển cũng là

được về nơi có môi trường ít ô nhiễm. Và Trà Cổ đã và đang đáp ứng được điều đó.

Trà Cổ, do cách xa trung tâm, đô thị lại được bao bọc bởi biển cả bao la, sóng biển và gió biển. Đất ở đây là đất cát nên việc giao thông đi lại không tạo ra bụi nhiều, tạo ra môi trường sống, môi trường không khí đặc biệt. Trà Cổ cũng ít phương tiện lớn qua lại, không có hoạt động máy móc rất yên tĩnh và khoáng đãng. Khách du lịch về đây có thể du ngoạn cảnh biển, đắm chìm vào tiếng sóng biển và tiếng gió vi vu lùa vào rừng phi lao mà không bị ảnh hưởng bởi môi trường bên ngoài. Cũng do tác động phát triển du lịch ở đây còn chậm nên rất ít hàng quán, bãi biển vẫn giữ được nét hoang sơ. Chính quyền địa phương cũng rất quan tâm đến môi trường cảnh quan ven bờ biển, tổ chức, quản lý và hoạt động theo đúng quy định. Tổ chức trồng và chăm sóc các rừng phi lao để lấy bóng mát, tránh gió, giữ cát và cũng tạo cảnh quan môi trường nên thơ. Tuy nhiên ở đây vẫn yếu về khâu xử lý rác thải, nước thải hay các chỉ dẫn, khẩu hiệu bảo vệ môi trường để nhắc nhở khách du lịch có ý thức cao trong việc vứt rác thải bảo vệ môi trường.

Chưa tổ chức được những đội quân chuyên nghiệp hay tình nguyện đi thu gom rác thải và tuyên truyền về tầm quan trọng của môi trường và cảnh quan đối với phát triển du lịch.

2.5. Đánh giá về lao động trong ngành du lịch:

Việt Nam là một đất nước có tiềm năng du lịch vô cùng lớn. Nhận thức được điều này, trong những năm gần đây đã xuất hiện rất nhiều trường đại học, cao đẳng, trung cấp đào tạo chuyên ngành du lịch...cung cấp cho ngành du lịch một số lượng lớn lao động có trình độ, chuyên môn và hiểu biết sâu sắc về du lịch trong khoảng 5 năm trở lại đây. Đồng thời mở rất nhiều chương trình học tập và thi cấp thẻ hướng dẫn viên nội địa và quốc tế. Đảng và nhà nước đã đầu tư và tạo điều kiện rất nhiều để tạo ra một đội ngũ lao động lành nghề. Bởi vì hướng dẫn viên, những người làm du lịch

chính là những người trực tiếp tiếp xúc với khách du lịch, đại diện cho đất nước giao lưu với khách du lịch đặc biệt là khách du lịch quốc tế. Thông qua họ, khách du lịch có thể yêu hơn, hiểu hơn về con người và đất nước Việt Nam.

Hiện nay trong lĩnh vực du lịch của thành phố Móng Cái (gồm cả Trà Cổ) có 1.331 lao động gồm cả lãnh đạo và nhân viên. Trong đó về phía nhân viên có 224 lao động có trình độ đại học, 118 lao động trình độ cao đẳng và trung cấp, có 113 lao động có chứng chỉ chuyên môn hành nghề du lịch trên địa bàn. Nguồn lao động nay còn yếu về nghiệp vụ và ngoại ngữ, nếu có biết chỉ có tiếng Trung vì đây là khu vực biên giới gần Trung Quốc. Riêng Trà cổ có khoảng gần 400 nhân viên phục vụ trong các nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ. Do Trà cổ chưa xuất hiện công ty lữ hành nào nên không có hướng dẫn viên trên địa bàn.

Hiện nay, vì Trà Cổ chưa là trung tâm du lịch phát triển cho nên vấn đề số lượng và chất lượng du lịch ở đây vẫn chưa được quan tâm đúng mức. Lao động ở đây yếu về khả năng quản lý, nghiệp vụ, năng suất lao động không cao, yếu về ngoại ngữ và khả năng sử dụng cũng như hiểu biết về máy tính, thương mại, điện tử, internet. Đặc biệt số lao động được đào tạo về đúng chuyên ngành du lịch là hầu như chưa có. Điều nay xuất phát từ thực tế đây là vùng đất địa đầu của Tổ quốc, quá xa Thủ đô Hà Nội và các trường đại học lớn nên ít người muốn về đây làm việc trừ những người con của quê hương. Mà tại đây, số lượng sinh viên học sinh vào đại học là rất ít.

Theo ông Nguyễn Hữu Lễ (Trưởng phòng văn hóa – thông tin thành phố Móng Cái) cho biết: Do nhiều hạn chế mà số lao động trong ngành du lịch còn ít, hoạt động cũng kém năng động, kém hiểu biết về du lịch cũng như tiềm năng du lịch địa phương. Trong thời gian tới, Móng cái sẽ cố gắng tạo điều kiện cũng như cơ hội cho lao động trong ngành được học tập nâng cao chuyên môn nghiệp vụ. Đồng thời sẽ có các chính sách

thu hút nguồn nhân lực có chuyên môn nghiệp vụ, có trình độ từ các nơi khác tới để nâng cao đội ngũ lao động.

2.6. Đánh giá về tổ chức kinh doanh du lịch:

Tổ chức kinh doanh du lịch chính là phương tiện, là cầu nối trực tiếp giữa các điểm du lịch và khách du lịch. Là nơi tổ chức, xây dựng và thực hiện các chuyến đi du lịch, là tổ chức quyết định đến sự phát triển của du lịch. Ở bất kỳ điểm du lịch, khu du lịch, trung tâm du lịch nào cũng đều có các doanh nghiệp lữ hành hoạt động. Và Móng Cái cũng là một địa điểm hấp dẫn để hình thành các tổ chức kinh doanh du lịch bởi những lý do sau:

- Móng Cái là một cửa khẩu lớn ở miền bắc nói riêng và cả nước nói chung.

- Móng Cái giáp Trung Quốc, một thị trường khách lớn ở Việt nam, có cơ hội tổ chức các tour du lịch ra khỏi nước sang Trung Quốc và đón khách Trung Quốc đến thăm Việt Nam.

- Móng Cái có tiềm lực kinh tế và du lịch rất lớn: có khu du lịch Trà Cổ, Vĩnh Thục, Mũi Ngọc...

Những yếu tố trên tạo điều kiện để các doanh nghiệp lữ hành phát triển. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, cả thành phố Móng Cái mới chỉ có 40 doanh nghiệp lữ hành quốc tế và nội địa. Như vậy, so với tiềm lực tại đây thì con số này là còn rất ít và chưa có tác động nhiều lắm đến du lịch Trà Cổ. Các doanh nghiệp này chủ yếu tổ chức du lịch cho khách du lịch Trung Quốc và khách du lịch Móng Cái đến nơi khác du lịch chứ chưa mang nhiều khách tới cho Trà Cổ.

Riêng Trà Cổ, việc tổ chức kinh doanh du lịch còn chưa được chủ động, chưa có chính sách và hình thức thu hút khách du lịch, kích cầu, mà mới dừng lại ở việc đón khách du lịch một cách thụ động.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2:

Trên đây là những tiềm năng và một số đánh giá về hoạt động kinh doanh du lịch của Trà Cổ. Trà cổ có tài nguyên du lịch hấp dẫn nhưng những yếu tố khách quan và chủ quan cho nên du lịch Trà Cổ vẫn chưa thật phát triển và mang lại nhiều hiệu quả kinh tế cao cho địa phương.

Chương 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN HIỆU QUẢ VÀ BỀN VỮNG DU LỊCH TRÀ CỔ.

1. Một số thuận lợi và khó khăn để phát triển du lịch hiện nay ở Trà Cổ.

Việt Nam đã và đang bước những bước vững trải để hội nhập cùng thế giới. Trong thời kỳ và xu thế phát triển hiện nay, để đảm bảo tốc độ tăng trưởng ổn định là rất khó khăn. Cũng như các nước khác trên thế giới, du lịch Việt Nam trong năm qua cũng đã gặp những khó khăn nhất định do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Tuy vậy du lịch vẫn góp phần rất lớn vào tốc độ tăng trưởng của nước nhà. Du lịch Trà Cổ, tuy thật nhỏ bé như hạt cát giữa sa mạc nhưng cũng đã và đang cố gắng vươn cao, vươn xa, khẳng định mình trong ngành du lịch của nước nhà.

* Trong thời kỳ hiện nay. Du lịch Trà Cổ cũng có những thuận lợi nhất định để có thể phát triển du lịch. Cụ thể như sau:

- Trà Cổ được thiên nhiên ban tặng một bãi biển được đánh giá là trữ tình nhất trong cả nước với đường bờ biển kéo dài 17km, hoang sơ, cát mịn và nước biển trong xanh. Trà Cổ lại cách xa khu đô thị nên môi trường cực kì trong lành, dễ chịu và sáng khoái.

- Bên cạnh tài nguyên tự nhiên, Trà Cổ còn là một mảnh đất giàu tính nhân văn và mang đậm truyền thống dân tộc. Ở đây có một hệ thống các di tích lịch sử cổ kính, có giá trị và có lịch sử văn hoá lâu đời như: Đình Trà Cổ, nhà thờ Trà Cổ, chùa Vạn Linh Khánh, đền Thiên Hậu Thánh Mẫu...

- Trà Cổ cách trung tâm thương mại cửa khẩu Móng Cái 8km, nơi đáp ứng được nhu cầu mua sắm và tiêu dùng của khách du lịch.

- Trà Cổ là vùng đất biên giới, giáp Trung Quốc, nên có thể kết hợp cùng tour du lịch quốc tế qua thăm Trà Cổ rồi sang thăm Trung Quốc. Từ Móng Cái ta có thể làm thủ tục đi qua biên giới sang Đông Hưng ở ngay bờ bên kia sông Bắc Luân. Vừa mới qua khỏi cầu Bắc Luân ta đã thấy

một không khí hoàn toàn khác lạ. Nhà cửa, đường xá, ngôn ngữ, món ăn ...đã khác hẳn Móng Cái. Ngoài ra ta có thể đón khách sang thăm Trà Cổ và các địa danh khác của Việt Nam.

- Tỉnh Quảng Ninh và thành phố Móng Cái đã đưa ra kế hoạch về 2 dự án đầu tư tại Trà Cổ:

+Cụm tranh thông tin cổ động tại biên giới sa vĩ: với tổng số vốn khoảng 38.695.000.000 đồng. Công trình đang được xây dựng tại sa vĩ, điểm địa đầu của Tổ Quốc. Công trình đang được xây dựng và dự định hoàn thiện trong 2 năm. Đây là một bức tranh lớn. Bố cục tranh được thể hiện và tạo hình theo lối dàn trải. Toàn bộ nội dung là về văn hóa vùng miền và bản sắc dân tộc. Con sông Bắc Luân được cách điệu và hình tượng hóa thành nhân vật như một lời kể xuyên suốt theo dòng lịch sử và là điểm tựa để gắn kết nội dung theo trình tự. Thành phố Móng Cái cùng bản sắc và di tích nơi đây được cô đọng lại và kể thành một Việt Nam có bề dày lịch sử và truyền thống văn hóa.

+ Dự án khu du lịch sinh thái Trà Cổ: với Tổng số vốn đầu tư là 850.199.330.000 đồng. Công trình bao gồm: Khu trung tâm khánh tiết và công viên quảng trường nước; Khu bể cảnh và cảnh quan nghệ thuật;; Hạ tầng kỹ thuật; Khách sạn 5 sao và 4 sao; Khu biệt thự; Khu bungalow và spa cùng các công trình công cộng khác. Đây là dự án lớn đang được nghiên cứu đánh giá và đưa vào xây dựng.

- Tại Trà Cổ đã xây dựng khu nghỉ ngơi và vui chơi giải trí cho khách du lịch nước ngoài và khách du lịch có thu nhập cao: đó là khu du lịch Vĩnh Thuận, trong đó có các khu nhà ở tiện nghi và sân golf quốc tế 18 lỗ.

- Hệ thống đường giao thông tương lai sẽ được hoàn thiện, đã và đang được thi công. Đó là tuyến đường cao tốc Nội Bài – Móng Cái.

Như vậy, đây là những điều kiện vô cùng thuận lợi cho Trà Cổ, nếu như các dự án xây dựng được hoàn thành thì trong thời gian tới Trà Cổ như

được khoác trên mình một tấm áo mới, mở ra một tương lai rạng ngời cho du lịch phát triển.

* Bên cạnh đó thì du lịch Trà Cổ vẫn đã và đang gặp một số khó khăn sau:

- Do cuộc khủng hoảng kinh tế đã làm ảnh hưởng đến du lịch cả nước. Cụ thể như: Du khách quốc tế đến Việt Nam bắt đầu có xu hướng giảm từ tháng 3, giảm mạnh từ tháng 6 và rất mạnh từ tháng 9. Số khách du lịch quốc tế đến Việt Nam đã từ hơn 430,5 ngàn người/tháng, tăng 15% so với cùng kỳ 2 tháng đầu năm xuống còn hơn 330,7 ngàn lượt người trong tháng 3, giảm 65 ngàn lượt người chỉ còn bằng 83,9% so với tháng 2. Từ tháng 5 đến tháng 8 giảm 3,8% so với cùng kỳ năm 2007. Đến tháng 9 và tháng 10 đã tụt xuống dưới mức 300 ngàn và chỉ còn 291,6 ngàn lượt người/ tháng. Giảm 15,4% so với cùng kỳ năm 2007. Tổng số khách quốc tế đến Việt Nam trong 10 tháng đầu năm 2008 đạt gần 3,6 triệu lượt người, chỉ tăng 3,5% so với cùng kì năm 2007. Đây là một tốc độ tăng trưởng khách quốc tế đến Việt Nam thấp nhất từ năm 2004 đến nay (10 tháng năm 2004 đã tăng 27,5% năm, 10 tháng đầu năm 2005 tăng 20,3%; 2006 tăng 5% và 2007 tăng 16,6%). Điều này chứng tỏ sự tác động của cuộc khủng hoảng tài chính đến lĩnh vực du lịch nước ta là khá mạnh mẽ và rõ rệt. Và du lịch Trà Cổ cũng không nằm ngoài ảnh hưởng đó. Năm 2008 lượng khách tới Trà Cổ cũng giảm đi so với năm 2007. Đồng thời khách du lịch quốc tế đến đây cũng giảm nhiều. Hiện nay, do tình hình kinh tế chưa thật sự ổn định nên cũng ít nhiều ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch Trà Cổ mà cụ thể là trong năm nay.

- Việc nâng cấp giao thông, về sau này là rất tốt nhưng hiện tại lại gây khó khăn lớn cho việc di chuyển của khách du lịch. Bụi và đường rất trơn vào những ngày mưa to quá hoặc nắng to quá.

- Hệ thống cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật còn yếu kém, chưa đáp ứng được đầy đủ nhu cầu ăn, nghỉ và vui chơi giải trí của khách

du lịch.

- Đội ngũ lao động trình độ, chuyên môn nghiệp vụ và ngoại ngữ còn thấp.

- Sự tập trung quá nhiều người và thường xuyên tại điểm du lịch làm cho tài nguyên không kịp phục hồi và đi đến chỗ bị phá hoại. Hiện tượng tàn phá môi trường thông qua việc mua, lấy các tiêu bản tự nhiên để làm kỷ niệm trong chuyến đi như phong lan, nhũ đá...là còn khá phổ biến. Không ít các du khách còn để lại dấu ấn về sự có mặt của mình tại nơi du lịch. Tại nhiều điểm, do ý thức của du khách, trách nhiệm của người làm du lịch, sự quan tâm đầu tư và quản lý của chính quyền tự nhiên chưa tốt nên tình trạng xả rác thải bừa bãi trong mùa du lịch đã đến mức báo động. Mặt khác, các công trình xây dựng phục vụ khách phát tăng lên nhanh chóng vượt quá khả năng chịu tải của cơ sở hạ tầng nên chúng bị xuống cấp trầm trọng, góp phần gia tăng mức độ ô nhiễm môi trường. Tất cả các điều đó với các mức độ khác nhau (sẽ xảy ra khi du lịch tại một điểm nào đó phát triển) đều ảnh hưởng tới môi trường tự nhiên

2. Phương hướng và mục tiêu phát triển du lịch Trà Cổ:

2.1. Phương hướng:

Theo định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Ninh: từ nay đến năm 2010 thì khu vực phường Trà Cổ sẽ được quy hoạch là một khu đô thị, du lịch, dịch vụ và văn hóa, là một trong những khu vực trọng điểm phát triển kinh tế đô thị của thành phố Móng Cái nói riêng và tỉnh Quảng Ninh nói chung, là nơi thu hút đầu tư của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước.

* Phương hướng phát triển du lịch của thành phố Móng Cái:

- Phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch.
- Phát triển hệ thống cơ sở lưu trú và công trình dịch vụ.
- Phát triển hệ thống các công trình vui chơi giải trí.

- Tôn tạo, giữ gìn các di tích văn hóa – lịch sử và phát triển lễ hội truyền thống du lịch.

- Đầu tư phát triển du lịch sinh thái.

- Nâng cao trình độ quản lý và nghiệp vụ du lịch cho cán bộ và lao động trong ngành du lịch.

- Xây dựng phát triển hệ thống an ninh và an toàn du lịch.

- Xây dựng trung tâm thông tin, tư vấn đầu tư phát triển du lịch.

* Phương hướng của phường Trà Cổ:

-Xây dựng Trà Cổ thành khu du lịch tập trung và một điểm đến hấp dẫn của Móng Cái và Quảng Ninh.

- Xây dựng Trà Cổ thành một điểm quan trọng nằm trong chương trình du lịch: Du thị (Móng Cái) – Du ngoại (Trung Quốc) – Du hải (biển Trà Cổ và Bình Ngọc) – Du sơn (du lịch sinh thái).

- Chỉ đạo việc tu sửa và nâng cấp các nhà hàng, khách sạn để phục vụ khách du lịch vào mùa du lịch năm nay và sau này.

- Làm tốt công tác vệ sinh môi trường, đảm bảo cảnh quan cho mùa du lịch.

- Sửa chữa hệ thống điện công cộng để đảm bảo mỹ quan cho du lịch.

- Đảm bảo an ninh trật tự, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội để thu hút khách du lịch.

2.2. Mục tiêu

2.2.1. Mục tiêu chung:

* Mục tiêu về kinh tế:

- Tăng nhanh tỷ trọng của ngành du lịch trong cơ cấu kinh tế địa phương trên cơ sở phát triển các loại hình du lịch mới.

- Nâng cao hiệu quả kinh doanh du lịch, hiệu quả xã hội và việc làm cho nhân dân trên địa bàn sở tại.

- Tạo sự liên kết giữa du lịch với các ngành khác trong quá trình phát triển.

- Đẩy mạnh tốc độ phát triển kinh tế, phấn đấu tăng trưởng GDP bình quân hàng năm.

- Tận dụng mọi cơ hội để phát triển kinh tế, đối ngoại đặc biệt là trong lĩnh vực thương mại và phát triển du lịch.

*** Mục tiêu về văn hóa xã hội:**

- Phát huy bản sắc dân tộc, gìn giữ các di tích lịch sử văn hóa, bảo tồn các lễ hội truyền thống, bảo vệ văn hóa cổ truyền dân tộc không bị ảnh hưởng bởi các nền văn hóa lai căng khác; tiếp thu có chọn lọc văn hóa của nước láng giềng.

- Phát triển du lịch Trà Cổ, góp phần làm tăng thêm giá trị văn hóa dân gian của tỉnh và thành phố, đồng thời nâng cao trình độ dân trí, tạo công ăn việc làm cho người lao động.

- Phát triển du lịch văn hóa, lễ hội truyền thống, trùng tu các di tích lịch sử, đền đài, miếu mạo, góp phần làm tăng giá trị lễ hội trong lòng công chúng.

*** Mục tiêu về môi trường:**

- Phát triển du lịch phải gắn với việc bảo vệ môi trường trong sạch và có biện pháp tổ chức quản lý chặt chẽ để ngăn ngừa những ảnh hưởng tiêu cực mà hoạt động du lịch mang lại đối với môi trường xã hội địa phương.

- Phát triển du lịch phải gắn với bảo vệ môi trường sinh thái bền vững, phải có kế hoạch và cơ chế quản lý phù hợp với việc khai thác, tôn tạo các tài nguyên tự nhiên và nhân văn sao cho môi trường và cảnh quan tự nhiên không bị xâm hại mà còn được duy trì và bảo tồn tốt hơn.

2.2.2. Mục tiêu cụ thể:

2.2.2.1. Cơ sở vật chất phục vụ du lịch:

Để du lịch Trà Cổ phát triển một cách mạnh mẽ và bền vững mục tiêu trước tiên phải đề ra đó là nâng cao, tăng cường và hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật:

- Xây dựng được ít nhất 10 khách sạn đảm bảo chất lượng cho khách hạng sang và đủ điều kiện xếp hạng sao. Trong các khách sạn này đồng thời có nhà hàng, có các khu vui chơi giải trí phục vụ du khách.

- Đầu tư xây dựng các khu du lịch sinh thái, đảm bảo cho việc phát triển bền vững. Cung cấp đầy đủ hệ thống nước sạch cho người dân cũng như sinh hoạt của khách du lịch. Thiết lập hệ thống điện công cộng trên đường cũng như ngoài bờ biển để tạo cảnh quan du lịch và tạo điều kiện để khách đi dạo buổi tối.

- Đảm bảo vệ sinh thực phẩm tại các nhà hàng, khách sạn để khách hàng cảm thấy yên tâm và được bảo vệ.

2.2.2.2. Lao động trong ngành:

Con người là một yếu tố vô cùng quan trọng trong việc phát triển du lịch. Chính vì vậy mục tiêu đề ra là phải nâng cao năng lực, trình độ hiểu biết về du lịch và du lịch bền vững cho cán bộ quản lý du lịch ở đây. Đồng thời thu hút những nhân viên được đào tạo về chuyên ngành du lịch làm việc tại các cơ sở phục vụ, nâng cao chất lượng phục vụ cho du khách.

2.2.2.3. Khách du lịch và doanh thu du lịch:

Nếu khắc phục và đảm bảo được yêu cầu về cơ sở hạ tầng nói chung thì mục tiêu đặt ra là lượng khách du lịch phải tăng lên, đồng thời doanh thu du lịch cũng cần cao hơn. Mục tiêu đặt ra là đến năm 2010 lượng khách du lịch phải lên tới hơn 40.000 lượt khách và doanh thu năm 2010 phải đạt gần 10 tỷ đồng.

3. Các giải pháp chủ yếu để phát triển du lịch Trà Cổ:

3.1. Quy hoạch du lịch:

Tỉnh Quảng Ninh và thành phố Móng Cái cần có quy hoạch tổng thể với du lịch Trà Cổ. cần xác định được vị trí, vai trò của du lịch Trà Cổ trong sự phát triển kinh tế của thành phố nói riêng và tỉnh nói chung. Trên cơ sở đó đưa ra quy hoạch chi tiết với Trà Cổ như: quy hoạch nghỉ dưỡng, quy hoạch sinh thái, quy hoạch khu danh lam thắng cảnh, quy hoạch khu vui chơi giải trí...Có như vậy Trà Cổ mới có thể phát triển bền vững được.

Phát triển bền vững (Theo luật du lịch năm 2005): “Là sự phát triển du lịch đáp ứng được nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu về du lịch trong tương lai”.

Để du lịch Trà Cổ phát triển bền vững, khắc phục hạn chế, khai thác có hiệu quả tiềm năng và lợi thế, du lịch Trà Cổ (kể cả Bình Ngọc) cần đẩy mạnh thực hiện tốt một số giải pháp chung sau:

- Từ thực tiễn phát triển du lịch hiện nay, đi sâu nghiên cứu, đánh giá các loại sản phẩm du lịch, mô hình phát triển du lịch hoạt động hiệu quả, phù hợp ở Trà Cổ (kể cả Bình Ngọc) để từ đó không ngừng hoàn thiện nâng cao chất lượng, luôn luôn tạo ra nét mới, tạo sức hấp dẫn, tránh gây nhàm chán đối với khách du lịch.

- Phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ, vui chơi, giải trí, thể thao phù hợp với điều kiện lợi thế tự nhiên của địa Trà Cổ. Tiếp tục nghiên cứu, khai thác các sản phẩm du lịch mới, phát triển thêm các tuyến du lịch, khai thác lợi thế về biển, tài nguyên nhân văn của địa phương.

- Tạo môi trường thật sự thông thoáng, thuận lợi thu hút đầu tư và thúc đẩy du lịch không ngừng phát triển.

- Bảo vệ cảnh quan tự nhiên và môi trường.

- Nâng cao chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm soát quản lý chất lượng và giá cả các loại hình dịch vụ du lịch, giữ vững an ninh trật tự ở các khu du lịch, tiếp tục đầu tư đồng bộ, kết cấu hạ tầng giao

thông, điện nước gắn với phát triển cây xanh, thực hiện tốt chính sách ưu đãi đầu tư.

- Đẩy mạnh công tác giáo dục bồi dưỡng ý thức phát triển du lịch, nâng cao trình độ dân trí, năng lực giao tiếp, ứng xử của nhân dân, trước hết là ở các khu dân cư trong vùng du lịch và những lĩnh vực thường xuyên quan hệ với du khách.

3.2. Tăng cường hợp tác và thu hút vốn đầu tư:

Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật là một trong những yếu tố quan trọng góp phần tạo ra sự thu hút đối với khách du lịch. Trà Cổ dù là một mảnh đất giàu tiềm năng du lịch nhưng do cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật còn yếu kém mà làm giảm đi sự hấp dẫn đối với khách du lịch. Vì vậy để cải thiện tình hình này Trà Cổ cần phải tăng cường sự hợp tác và thu hút đầu tư từ bên ngoài.

Cần phải đầu tư vào hệ thống giao thông và điện công cộng. Đưa ra các dự án cụ thể và mang tính khả thi để nhà nước nhanh chóng tạo điều kiện cấp vốn cho công trình cao tốc hoàn thành đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng.

Ngoài ra nhà nước cũng cần tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vay vốn để nâng cao số lượng cũng như chất lượng các khách sạn, nhà hàng ở đây. Đồng thời việc xây dựng, sửa chữa phải đảm bảo không được ảnh hưởng đến môi trường, cảnh quan, cũng như cuộc sống hàng ngày của người dân sở tại.

Thu hút vốn đầu tư của các doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước, đặc biệt là Trung Quốc bằng cách kêu gọi và tạo điều kiện thuận lợi trong phạm vi cho phép và đảm bảo nằm trong tầm kiểm soát của cơ quan chức năng để đảm bảo an ninh, an toàn, chủ quyền quốc gia (vì biên giới thường là khu vực rất nhạy cảm).

Cần phải nghiên cứu và đưa ra các dự án có tính khả thi cao như xây dựng khu du lịch sinh thái, khu du lịch nghỉ dưỡng chữa bệnh, khu vui

chơi giải trí chất lượng cao. Các dự án này cũng cần đảm bảo có quy hoạch cụ thể để không ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường cũng như cuộc sống của dân sở tại. Đảm bảo việc phát triển bền vững. Các dự án này có thể do tỉnh, thành phố đưa ra để kêu gọi đầu tư và cũng có thể do các doanh nghiệp đưa ra và muốn đầu tư xây dựng tại Trà Cổ.

Chính quyền địa phương cũng như thành phố Móng Cái cần chứng minh tiềm năng và tính khả thi của du lịch Trà Cổ đồng thời tạo điều kiện tốt nhất nếu các doanh nghiệp có ý định đầu tư.

Nếu như có các dự án cụ thể và được nghiên cứu chi tiết đảm bảo được lợi ích của các bên, đồng thời các dự án thu hút sự tham gia của cộng đồng địa phương tạo thu nhập cho nhân dân trong vùng thì sẽ tạo điều kiện rất tốt để du lịch Trà Cổ phát triển.

3.3. Đa dạng hóa sản phẩm du lịch:

Một trong những hạn chế rất lớn của Trà Cổ là mang tính thời vụ cao. Mỗi năm, hầu như Trà Cổ chỉ bắt đầu đón đông khách từ tháng 5 đến tháng 10. Các tháng còn lại trong năm hầu như không có khách. Điều này gây lãng phí lớn cho tài nguyên và cơ sở vật chất tại đây. Lý do cơ bản ở đây là do Trà Cổ mới chỉ phát triển loại hình du lịch nghỉ biển, các loại hình du lịch khác vẫn chưa được khai thác và áp dụng có hiệu quả. Bên cạnh đó, sự đơn điệu về loại hình du lịch sẽ không giữ được chân khách ở đây lâu ngày. Khách du lịch đến với Trà Cổ hầu như chỉ trong vòng một hai ngày, thậm chí khách chỉ ra tắm biển rồi trở về luôn. Vậy để tăng sự hấp dẫn và giữ chân khách du lịch thì đa dạng hóa sản phẩm du lịch là thật sự rất cần thiết. Sau đây là một vài giải pháp cho sự đa dạng hóa sản phẩm du lịch:

- Đẩy mạnh loại hình du lịch nhân văn, đưa các di tích lịch sử vào chuyến tham quan của du khách. Đặc biệt phát triển loại hình du lịch này vào trái mùa du lịch biển, kết hợp với các tour du lịch Trung Quốc. Đồng thời khai thác có hiệu quả lễ hội đưa vào hoạt động du lịch. Lễ hội cỏ

truyền đình Trà Cổ diễn ra trong vòng 6 ngày và vào mùa hè nên có thể tổ chức các tour du lịch kết hợp tắm biển và tham gia lễ hội. Chính quyền địa phương cần đưa ra biện pháp thu hút khách du lịch tham gia, đồng thời các đơn vị lữ hành cần nắm bắt cơ hội xây dựng các tour du lịch vào đúng mùa lễ hội. Đây sẽ là một cơ hội tốt cho khách du lịch tham gia tìm hiểu đời sống cộng đồng cư dân miền biển. Lễ hội với rất nhiều hoạt động sôi động chắc chắn sẽ để lại ấn tượng tốt đẹp cho du khách, họ sẽ muốn đến vào lần sau. Trong lễ hội nên có chương trình giới thiệu về Trà Cổ cùng các tiềm năng và phát động chương trình du lịch biển Trà Cổ.

- Kết hợp du lịch Trà Cổ với các tour du lịch nước ngoài sang Trung Quốc. Trước và sau khi sang Trung Quốc, khách du lịch có thể đến với Trà Cổ.

- Kết hợp du lịch Trà Cổ với các điểm du lịch ở các phường xã lân cận như: du lịch Vĩnh Trung, Vĩnh Thục, Cái Chiên; du lịch cội nguồn xã Vạn Linh (vừa phát hiện khu di tích khảo cổ hậu kì đồ đá mới, cách đây 5 đến 6 nghìn năm, nơi phát tích người Việt cổ. Trong tương lai gần sẽ đưa vào phát triển du lịch; đồng thời đây cũng là điểm đầu tiên của khu thương cảng Vân Đồn xưa)

- Xây dựng loại hình du lịch mạo hiểm như: lặn biển, mô tô nư ớc ca nô kéo dù bay tạo cảm giác mạo hiểm và mới lạ cho khách du lịch.

- Xây dựng loại hình du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng (Đã có dự án xây dựng khu du lịch sinh thái, đang được nghiên cứu để đưa vào xây dựng) thu hút du khách đến với Trà Cổ quanh năm, và ở lại trong thời gian dài chứ không chỉ vào mùa hè. Khí hậu và môi trường ở Trà Cổ rất thích hợp với loại hình du lịch này. Nếu thực hiện được sẽ là yếu tố góp phần làm du lịch Trà Cổ phát triển bền vững.

- Xây dựng các tour du lịch cắm trại cho thanh thiếu niên. Ban quản lý du lịch ở đây nên tổ chức các hoạt động giao lưu, đốt lửa trại

đồng thời cho thuê lều, trại để thu hút nhóm khách thanh thiếu niên đặc biệt là học sinh, sinh viên...

- Xây dựng các dịch vụ vui chơi giải trí như: xây dựng các cửa hàng bán đồ lưu niệm cho khách du lịch, các điểm cho thuê áo tắm, ô che nắng, ghế nằm cho khách nghỉ trưa và tắm nắng...

Như vậy, sự đa dạng các sản phẩm du lịch sẽ tạo nên sự mới mẻ cho hoạt động du lịch tại Trà Cổ. Nó sẽ góp phần thu hút khách du lịch, để tạo ấn tốt và lôi cuốn họ trở lại vào những lần tiếp theo.

Sau đây là một số tour du lịch đã được các công ty du lịch đưa ra chào bán trên thị trường và hấp dẫn được khách du lịch:

Hà Nội - Móng Cái - Đông Hưng (Trung Quốc) - Hà Nội (03 ngày 02 đêm)

Tour mua sắm lý tưởng

Hà Nội – Trà Cổ - Móng Cái - Đông Hưng - Hà Nội (04 ngày 03đêm)

Du lịch nghỉ dưỡng, tắm biển-kết hợp mua sắm

Hà Nội – Trà Cổ - Vĩnh Thực - Móng Cái - Đông Hưng - Hà Nội (04 ngày 03đêm)

Du lịch nghỉ dưỡng, tắm biển, khám phá, mua sắm

Hà Nội – Hạ Long- Trà Cổ - Móng Cái - Đông Hưng - Hà Nội

Tour du lịch biển (4 ngày / 3 đêm – đi tàu cao tốc)

3.4. Xúc tiến quảng cáo:

Chất lượng phục vụ khách là một yếu tố vô cùng quan trọng để thu hút khách hàng, đồng thời nếu khách được phục vụ tốt, khách thấy hài lòng sẽ là một cơ hội tốt để khách hàng quảng cáo cho du lịch ở đây. Họ có thể về khoe với bạn bè, người thân, đồng nghiệp. Lúc đó mọi người sẽ được biết đến du lịch Trà Cổ. Những thông tin truyền miệng phản hồi từ khách là một hình thức quảng cáo rất tốt và hiệu quả trong du lịch vì nó đánh vào thị hiếu và sự tò mò của khách hàng. Đặc biệt khách hàng Trung Quốc là một tiềm năng rất lớn của Trà Cổ, chính vì vậy phải tận dụng những khách du lịch đến đây để quảng cáo cho địa phương. Không có gì

khách quan hơn “ tiếng lành đồn xa”.

Bên cạnh đó cần đưa thêm các thông tin lên mạng, đưa các hình ảnh và giới thiệu về các tiềm năng của Trà Cổ một cách khái quát để tất cả mọi người đều có thể biết đến và đến với Trà Cổ.

In các ấn phẩm đẹp giới thiệu về Trà Cổ. Kết hợp với các doanh nghiệp du lịch đóng trên địa bàn để giới thiệu nét độc đáo của du lịch tự nhiên, du lịch nhân văn của Trà Cổ.

Xây dựng cuốn phim giới thiệu toàn bộ tài nguyên du lịch và hoạt động du lịch hiện nay của Trà Cổ để bán cho khách du lịch và giới thiệu trên truyền thông đại chúng.

Thành phố Móng Cái cần tạo điều kiện xây dựng các biển quảng cáo, biển giới thiệu về Trà Cổ trên tuyến đường quốc lộ, tại cửa khẩu, tại các địa điểm quan trọng và tập trung nhiều người, tại các điểm nút giao thông và các khu đông dân...

Phối hợp với các đài báo ở tỉnh, thành phố và các tỉnh lân cận để đưa ra các phóng sự, phim tài liệu để giới thiệu và tuyên truyền rộng rãi cho du lịch Trà Cổ.

3.5. Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

Du lịch là một ngành kinh tế đòi hỏi phải có sự giao tiếp rộng và trực tiếp với khách, đòi hỏi trình độ nghiệp vụ, phong cách và thái độ giao tiếp của nhân viên du lịch. Vì vậy nguồn nhân lực ngành du lịch phải được đào tạo, nâng cao kiến thức nghiệp vụ và chuyên ngành.

Để nâng cao giá trị hiệu quả khai thác tiềm năng du lịch tại Trà Cổ đảm bảo việc phát triển du lịch thì vấn đề chất lượng nguồn nhân lực là rất quan trọng. Chính vì vậy hoạt động đào tạo chuyên môn, chất lượng nguồn nhân lực cần được quan tâm và triển khai một cách cụ thể:

- Cần phải coi trọng đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về quản lý tài nguyên nhất là các di tích lịch sử cho các cán bộ trực tiếp quản lý bãi biển và di tích tại Trà Cổ.

- Đào tạo, bồi dưỡng về trình độ, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ lao động dịch vụ hiện có: Hàng năm, mở các lớp đào tạo lại, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ lao động trực tiếp tại địa phương.

- Đặc biệt chú trọng nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường quản lý bền vững nói chung, quản lý bền vững về tài nguyên du lịch nói riêng; Nắm được kiến thức cơ bản nhất về quan điểm và những nguyên tắc phát triển du lịch bền vững.

- Để hoạt động du lịch Trà Cổ tiến tới chuyên nghiệp và đạt hiệu quả cao, cần phải đào tạo cán bộ hướng dân viên, đặc biệt là hướng dẫn viên tại các điểm di tích. Hoạt động này giúp du khách hiểu sâu sắc hơn về di tích đồng thời cũng khiến cho hoạt động tại di tích thêm sinh động, hiệu quả cao. Cần phải tổ chức tuyên truyền, giảng dạy cho đội ngũ cán bộ nhân viên ngành du lịch hiện có ở Trà Cổ hiểu sâu sắc về lịch sử cũng như các giá trị truyền thống quý báu của quê hương đồng thời tổ chức các lớp đào tạo nghiệp vụ hướng dẫn để họ có thể làm tốt công việc của mình.

- Có thể xây dựng lực lượng thuyết minh viên là người gắn bó với địa phương, đang sống ở địa phương làm nghề hướng dẫn du lịch nghiệp dư. Đặc biệt đào tạo các em là học sinh cuối cấp, những em học xong cấp 3 mà không có điều kiện học tiếp tham gia hướng dẫn khách, là thuyết minh viên cho các điểm du lịch ở Trà Cổ.

3.6. Tuyên truyền giáo dục người dân địa phương đối với hoạt động du lịch và khách du lịch:

Dân địa phương là một nhân tố quan trọng quyết định sự phát triển du lịch bền vững. Chính vì vậy việc lôi kéo và tạo điều kiện cho người dân tham gia vào hoạt động du lịch là việc làm rất cần thiết:

- Tuyên truyền tới nhân dân lợi ích của việc tham gia vào hoạt động du lịch tại địa phương, cả lợi ích về kinh tế và lợi ích về xã hội, cả lợi ích hiện tại và lợi ích trong tương lai. Từ đó động viên cộng đồng dân cư

địa phương tự nguyện tham gia vào phục vụ cho hoạt động du lịch phát triển.

- Giáo dục người dân những kiến thức cơ bản về du lịch, về nghiệp vụ cũng như thái độ đối với khách du lịch. Phải luôn nồng nhiệt và vui vẻ với khách khi khách tiếp cận mua hải sản hay hỏi thăm đời sống.

- Việc tuyên truyền, giáo dục người dân địa phương về hoạt động du lịch bằng nhiều hình thức sinh động như: biểu ngữ, bảng hướng dẫn, hoạt động văn hoá - nghệ thuật, liên kết với các đoàn thể tổ chức vận động, thi tìm hiểu về du lịch trong học sinh, thanh niên địa phương.

3.7. Xây dựng môi trường văn hóa du lịch

- Văn hóa du lịch là môi trường văn hóa xã hội đảm bảo cho sự phát triển du lịch lâu bền. Văn hóa du lịch được xem xét từ 2 góc độ:

- + Người dân địa phương: Đó là cách ứng xử với khách du lịch, cách giao tiếp với khách. Khách du lịch không chỉ đơn thuần là đối tượng khai thác du lịch mà chính họ đã đem lại sức sống cho điểm du lịch. Do đó mọi biểu hiện ý thức đều làm cho khách mất đi hứng thú du lịch ở đây. Ở các nơi du lịch phát triển thì hiện tượng tranh giành khách, bắt chẹt khách, chèo kéo khách, ăn xin...thực tế đã làm mất đi vẻ đẹp của môi trường xã hội cần thiết cho khách du lịch. Các hiện tượng đó làm nghèo nàn đi giá trị nhân văn cho du lịch. Thêm vào đó việc tái tạo, tu bổ các di tích lịch sử chỉ có thể thực hiện khi chính bản thân dân địa phương là người bảo vệ và sáng tạo ra những giá trị văn hóa đó.

- + Khách du lịch: cần có những quyết định nhằm giúp cho khách du lịch biết tôn trọng những giá trị tự nhiên và văn hóa của điểm du lịch. Đặc biệt cần có hướng dẫn chi tiết cho khách hiểu và có thái độ đúng mực với các phong tục tập quán của cư dân địa phương, những phong tục cần được duy trì và bảo vệ.

- + Nhân viên trực tiếp phục vụ khách du lịch: đó là thái độ ứng xử, tinh thần làm việc và lòng yêu nghề. Văn hoá du lịch phải được thực

hiện ngay tại các sản phẩm du lịch như ăn uống, lưu trú, giải trí...mà vai trò quyết định là của người phục vụ tạo lên sản phẩm đó.

Nói tóm lại xây dựng văn hóa du lịch là cách giải quyết quan hệ giữa dân cư địa phương và khách du lịch. Văn hóa du lịch là thật sự cần thiết đối với sự phát triển lâu dài của điểm du lịch. Sự hiếu khách luôn mang đến thành công trong du lịch. Hiếu khách là bản chất của người dân Trà Cổ cần được khôi phục và phát huy thích ứng trong điều kiện mới.

- Việc khai thác tài nguyên du lịch phải đi đôi với bảo vệ và tôn tạo. Đối với tài nguyên tự nhiên, khai thác du lịch đồng thời với bảo vệ tài nguyên môi trường, bảo vệ cảnh quan sinh thái; tuyên truyền ý thức bảo vệ môi trường sinh thái với người dân địa phương và khách du lịch. Hơn nữa các cơ quan chức năng có thẩm quyền phải có kế hoạch nghiên cứu, đầu tư, xây dựng các dự án một cách hợp lý, khoa học để không làm ảnh hưởng đến hệ sinh thái và môi trường. Lấy mục tiêu “phát triển bền vững” làm tiêu chí cho phát triển du lịch. Đối với tài nguyên nhân văn, các cơ quan phải có kế hoạch trùng tu và tôn tạo các di tích theo định kỳ, phát triển các lễ hội truyền thống, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

- Tổ chức đội quân chuyên nghiệp, bán chuyên nghiệp, tình nguyện của địa phương để bảo vệ môi trường tự nhiên và văn hoá của Trà Cổ. Kinh phí được xã hội hoá từ đóng góp của doanh nghiệp trên địa bàn. Nhiệm vụ của tổ chức này là:

- + Tuyên truyền, giáo dục bảo vệ môi trường.
- + Tổ chức thu gom rác thải trên bờ biển, tại các điểm du lịch.
- + Kiểm tra, kiểm soát, phát hiện hành động xâm hại môi trường.

3.8. Một số kiến nghị:

3.8.1. Với tỉnh Quảng Ninh:

- Xây dựng quy hoạch tổng thể và chi tiết phát triển du lịch trên bán đảo Trà Cổ (cả Bình Ngọc).

- Xây dựng các dự án cụ thể để kêu gọi đầu tư.
- Cơ sở hạ tầng nói chung có vai trò đặc biệt đối với phát triển du lịch. Cơ sở vật chất kỹ thuật đóng một vai trò quan trọng trong quá trình tạo và thực hiện sản phẩm du lịch cũng như quyết định mức độ khai thác của tiềm năng du lịch nhằm thỏa mãn nhu cầu của khách du lịch. Chính vì vai trò quan trọng như vậy nên sự phát triển ngành du lịch bao giờ cũng gắn liền với việc xây dựng, nâng cấp và hoàn thiện cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật. Hoạt động du lịch tại Trà Cổ đã hình thành và phát triển từ lâu, nhưng muốn phát triển và có kết quả tốt hơn nữa thì Tỉnh cần có chính sách đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ khách, đảm bảo nhu cầu ăn nghỉ, nhu cầu vui chơi giải trí cho du khách.
 - Nhanh chóng chỉ đạo hoàn thiện con đường quốc lộ Từ Mông Dương đến Móng Cái để đảm bảo giao thông đi lại thuận tiện và dễ dàng hơn.
 - Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp mở rộng quy mô và hình thức kinh doanh.
 - Đảm bảo vấn đề điện nước, thông tin liên lạc một cách tốt nhất cho khách du lịch.
 - Việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phải hài hòa với cảnh quan, không làm phương hại đến môi trường cảnh quan và đời sống của cư dân địa phương.
 - Giải quyết tốt các vấn đề phúc lợi xã hội cho người dân, giúp họ có ý thức bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống và xây dựng nếp sống văn hóa. Đó chính là yếu tố hình thành lên nguồn tài nguyên du lịch văn hóa địa phương.
 - Cần phải quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Quảng Ninh, định hướng đến năm 2020 để khai thác tiềm năng du lịch tại Trà Cổ - Móng Cái một cách hài hòa và có hiệu quả.

- Trên cơ sở kết quả khảo sát chất lượng sản phẩm du lịch, cần tăng cường phối hợp liên ngành, liên vùng nhằm phát triển hạ tầng du lịch và các sản phẩm đặc thù, tránh sự trùng lặp của các sản phẩm du lịch, xây dựng các sản phẩm du lịch mới chất lượng cao

- Tổ chức các sự kiện du lịch, các hội thảo, hội nghị, lễ hội quy mô để tăng cường thu hút khách du lịch quốc tế.

3.8.2. Đối với thành phố Móng Cái và phường Trà Cổ:

- Tích cực tạo điều kiện và thu hút đầu tư để hoàn hành cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho du lịch.

- Giải quyết tốt các vấn đề đất đai để xây dựng các công trình, các dự án du lịch nhưng vẫn đảm bảo cảnh quan và đời sống của dân cư.

- Mở các lớp đào tạo chuyên môn nghiệp vụ tại thành phố để đào tạo nguồn nhân lực có chuyên môn nghiệp vụ và hiểu biết về du lịch để đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch bền vững.

- Đưa ra các khuyến cáo với khách du lịch tại các di tích, bãi biển về bảo vệ môi trường và cảnh quan.

- Ban quản lý du lịch Trà Cổ cần quản lý chặt chẽ các di tích, luôn có sự quan tâm chăm sóc và bảo tồn di tích. Đồng thời bảo vệ môi trường, cảnh quan biển Trà Cổ luôn trong sạch và hấp dẫn khách.

- Ở Trà Cổ còn quá ít khách sạn do tập trung nhiều trong Móng Cái. Cần quy hoạch cụ thể và cân đối về cơ sở vật chất để khách có điều kiện ở lại qua đêm với Trà Cổ, hưởng không khí trong lành và thanh bình ở nơi đây.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3:

Trên đây là phương hướng, mục tiêu và một số giải pháp để phát triển du lịch Trà Cổ. Trong quá trình phát triển phải luôn đưa mục tiêu phát triển bền vững hàng đầu. Các giải pháp phải được hiện thực hoá đồng bộ. Cần nhận thức sâu sắc hơn nữa phát triển du lịch ở Trà Cổ không chỉ đạt mục tiêu kinh tế - xã hội mà còn là bộ mặt hình ảnh của Việt Nam đối với Trung Quốc.

PHẦN KẾT LUẬN

Du lịch ngày nay đã trở thành một nhu cầu không thể thiếu được trong đời sống văn hoá xã hội của mỗi một người dân và du lịch cũng trở thành một trong những ngành kinh tế quan trọng của nhiều nước trên thế giới. Hiệu quả kinh tế xã hội mà du lịch mang lại cho đất nước cho địa phương là rất lớn. Du lịch phát triển kéo theo sự phát triển của các ngành kinh tế khác trong hệ thống kinh tế quốc dân, giáo dục người dân ý thức bảo vệ môi trường và tình yêu thiên nhiên, giúp cho khách du lịch phục hồi sức khoẻ thể lực và tinh thần, tạo ra năng suất lao động cao hơn, đồng thời nó còn tạo ra cơ hội cho sự giao lưu hợp tác giữa các quốc gia, góp phần củng cố nền hoà bình và hữu nghị trên thế giới.

Quảng Ninh là một tỉnh có ngành khai thác than quy mô lớn nhất nước ta. Bên cạnh nguồn thu từ ngành công nghiệp này thì có thể nói du lịch là ngành mang lại nguồn thu lớn thứ 2 cho tỉnh Quảng Ninh. Quảng Ninh nổi tiếng với Vịnh Hạ Long, một kiệt tác thiên nhiên ban tặng đã 2 lần được UNESCO công nhận là Di Sản Thiên Nhiên Thế Giới; Một Yên Tử trung tâm phật giáo lớn nhất cả nước và một Trà Cổ bình yên và lãng mạn. Với những tiềm năng du lịch hiện nay Trà Cổ xứng đáng được coi là một điểm đến hấp dẫn cho khách du lịch trong và ngoài nước. Để đưa du lịch Trà Cổ lên một tầm cao mới, trở thành trung tâm du lịch của thành phố Móng Cái thì yêu cầu cấp bách đặt ra ở đây chính là:

- Vấn đề cơ sở vật chất – cơ sở hạ tầng.
- Tuyên truyền quảng bá rộng rãi cho du lịch Trà Cổ - Móng Cái khắp trong nước và nước ngoài.
- Có chế độ chính sách ưu đãi phát triển du lịch BIÊN GIỚI.
- Giáo dục nâng cao nhận thức của người dân địa phương và người làm du lịch.

Để những yêu cầu này có thể trở thành hiện thực thì cần sự quan tâm rất nhiều của thành phố Móng Cái và tỉnh Quảng Ninh, đồng thời là sự hợp

tác của chính quyền địa phương và người dân địa phương.

Hãy đưa Trà Cổ trở thành điểm đến hấp dẫn của Việt Nam, để không chỉ khách du lịch trong nước mà cả khách du lịch quốc tế cũng biết đến.

Hãy đến lắng nghe, đắm chìm và cảm nhận sự đậm đà, nồng ấm cũng như sự bình yên thơ mộng của Trà Cổ - mảnh đất địa đầu của tổ quốc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban quản lý khu vực bãi biển.
2. Ban quản lý các di tích lịch sử phường Trà Cổ.
3. UBND phường Trà Cổ, *Báo cáo tình hình nhiệm vụ công tác năm 2008, phương hướng nhiệm vụ 2009*.
4. Khách sạn Hải yến, *Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2008 dự kiến kế hoạch thu chi năm 2009 của khách sạn Hải Yến*.
5. Khách sạn Kim Hoàng.
6. Phòng văn hoá thể thao du lịch thành phố Móng Cái, *Báo cáo tóm tắt Quy hoạch dự án: xây dựng khu du lịch cao cấp Trà Cổ - Tp. Móng Cái- tỉnh Quảng Ninh; Thuyết minh PA Thiết kế sơ bộ - công trình cụm tranh thông tin cổ động tại biên giới Sa Vĩ – Móng Cái*.
7. PGS.TS Trần Đức Thanh, *Nhập môn khoa học du lịch*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 1999.
8. PTS Nguyễn Minh Tuệ, *Địa lý du lịch*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1992.
9. ThS Bùi Thị Hải Yến, *Tài nguyên du lịch*, NXB Giáo dục, 2007.
10. ThS Bùi Thị Hải Yến, *Quy hoạch du lịch*, NXB Giáo dục, 2006.
11. Nhà xuất bản quốc gia Hà Nội, *luật du lịch Việt Nam*, 2006

PHỤ LỤC

Hà Nội – Trà Cổ - Móng Cái - Đông Hưng - Hà Nội (04 ngày 03đêm)

Du lịch nghỉ dưỡng, tắm biển-kết hợp mua sắm

Ngày 1

Hà Nội - Trà Cổ

6h00: Khởi hành từ Hà Nội

8h00: Đến Hải Dương. Du khách dừng chân ăn sáng.

12h00: Đến Hạ long, Du khách ăn trưa.

13h30: Du khách lên xe, tiếp tục hành trình đi Trà Cổ.

17h30: Đến Trà Cổ. Du khách nhận phòng tại khách sạn bên bờ biển.

18h30: Du khách ăn tối, sau đó tự do dạo chơi, thưởng thức gió biển Trà Cổ về đêm.

Ngày 2

Trà Cổ

7h00: Du khách ăn sáng.

8h30 :Du khách tham quan nhà thờ Trà Cổ, Mũi Sa Vĩ, Sân gold, bãi Cồn Mang, tắm biển Trà Cổ.

12h00: Du khách ăn trưa.

14h30: Du khách tham quan Đình Trà Cổ, chùa Vạn Linh Khánh , .. và tiếp tục tắm biển, ngắm cảnh hoàng hôn Mũi Ngọc.

18h30: Du khách ăn tối (thưởng thức các loại Hải sản biển Trà Cổ) , sau đó dạo chơi, thưởng thức gió biển Trà Cổ về đêm.

Ngày 3

Trà Cổ - Móng Cái - Đông Hưng

6h30: ăn sáng.

7h30: Ra cửa khẩu Móng Cái làm thủ tục xuất cảnh sang Trung Quốc.

Thăm Đông Hưng với khu Phố Cổ, chợ Trung Tâm, đường Tân Hoa..., mua sắm đồ lưu niệm.

12h00: Du khách ăn trưa tại nhà hàng Trung Quốc.

14h00: Du khách làm thủ tục nhập cảnh về Việt Nam, sau đó đi tham quan và mua sắm tại chợ các chợ trung tâm (Móng cái).

18h30: Du khách ăn tối và tự do dạo chơi, nghỉ đêm tại Trà Cổ.

Ngày 4

Trà Cổ - Hà Nội

7h00: Du khách ăn sáng, sau đó trả phòng.

8h30: Du khách lên xe trở về Hà Nội.

12h00: Du khách ăn trưa tại Hạ Long.

13h30: Tiếp tục hành trình về Hà Nội.

17h00: Về đến Hà Nội, kết thúc chương trình.

Hà Nội – Trà Cổ - Vĩnh Thục - Móng Cái - Đông Hưng - Hà Nội (04 ngày 03đêm)

Du lịch nghỉ dưỡng, tắm biển, khám phá, mua sắm

Ngày 1

Hà Nội - Trà Cổ

6h00: Xe Khởi hành đi Trà Cổ.

8h00: Đến Hải Dương. Dừng chân ăn sáng.

12h00: Đến Hạ long, ăn trưa.

13h30: Du khách lên xe, tiếp tục hành trình đi Trà Cổ.

17h30: Đến Trà Cổ. Du khách nhận phòng tại khách sạn bên bờ biển.

18h30: Du khách ăn tối, sau đó tự do dạo chơi, thưởng thức gió biển Trà Cổ về đêm.

Ngày 2

Đảo Vĩnh Thục

7h00: Du khách ăn sáng.

8h30: Trả phòng khách sạn, lên xe đi mũi ngọc

9h00: Du khách lên tàu ra đảo Vĩnh Thục

9h30: Lên đảo, nhận dụng cụ để tự cắm trại theo hướng dẫn của HDV (nếu có)

11h00: Ăn trưa trên bãi biển

14h30: Du khách lên tàu thăm quan quanh đảo, thả neo câu cá, tắm biển, phơi nắng.

17h30: Đốt lửa trại, thưởng thức các món hải sản nướng, giao lưu văn nghệ với nhân dân trên đảo, ngủ đêm trên bãi biển.

Ngày 3

Móng Cái - Đông Hưng

6h30: Quý khách ăn sáng.

7h30: Lên tàu về Mũi Ngọc.

9h00: Đến Móng Cái, nhận phòng khách sạn, làm thủ tục đi thăm Đông Hưng với khu Phố Cổ, chợ Trung Tâm, đường Tân Hoa, mua sắm đồ lưu niệm, ăn trưa tại Trung Quốc.

14h00: Làm thủ tục nhập cảnh về Việt Nam, sau đó đi tham quan và mua sắm tại chợ các chợ trung tâm Móng cái.

18h30: Du khách ăn tối và dạo chơi, thăm quan chợ đêm, nghỉ đêm tại Móng Cái

Ngày 4

Móng Cái - Hà Nội

6h30: ăn sáng, sau đó trả phòng.

7h30: Lên xe trở về Hà Nội.

12h00: ăn trưa tại Hạ Long.

13h30: Tiếp tục hành trình về Hà Nội.

Hà Nội – Hạ Long- Trà Cổ - Móng Cái - Đông Hưng - Hà Nội
Tour du lịch biển (4 ngày / 3 đêm – đi tàu cao tốc)

Ngày 1

Hà Nội - Hạ Long

7h00: Từ Hà Nội khởi hành đi Hạ Long.

11h00: Lên thuyền thăm Vịnh Hạ Long, ăn trưa trên Vịnh

16h00: Trở lại Hạ Long, nhận phòng khách sạn, nghỉ ngơi, ăn tối, sau đó thăm thành phố. Nghỉ đêm tại Hạ Long

Ngày 2

Hạ Long - Trà Cổ

6h30: Ăn sáng

8h00: Đoàn lên tàu cao tốc cánh ngầm đi Trà Cổ. Đến Trà Cổ nhận phòng nghỉ sau đó đoàn thăm Nhà Thờ, Đình Trà Cổ, sân golf, mũi Sa vỹ, tự do thăm Cồn Mang nơi chấm nét bút đầu tiên của đất nước Việt Nam. tắm biển Trà Cổ. Ăn tối và nghỉ đêm tại Trà Cổ

Ngày 3

Trà Cổ

Du khách tự do tắm biển Trà Cổ hoặc có thể thuê xe đi chợ Móng Cái sang Đông Hưng – Trung Quốc thăm quan.

Ngày 4

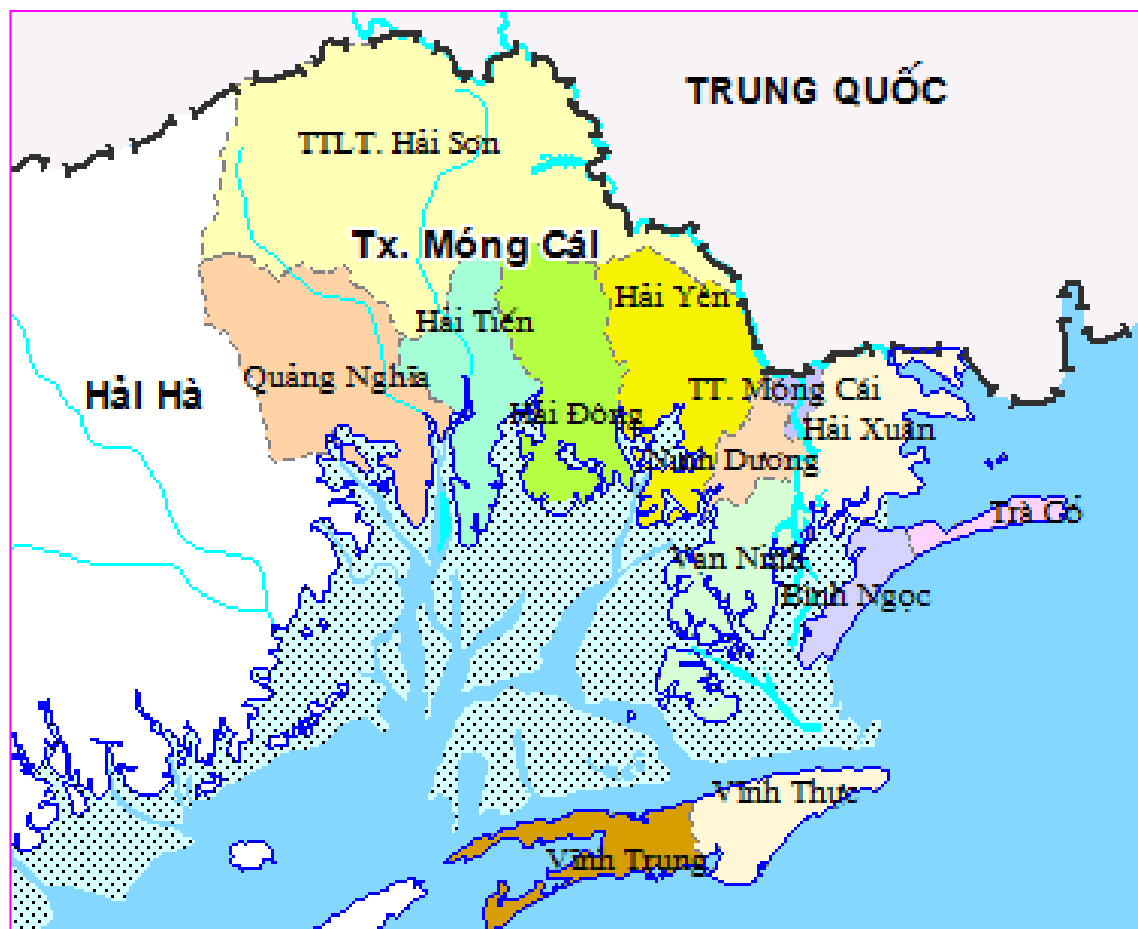
Trà Cổ - Hà Nội

6h30: Ăn sáng

8h30: Du khách rời Trà Cổ lên tàu cao tốc về Hà Nội, kết thúc chương trình.

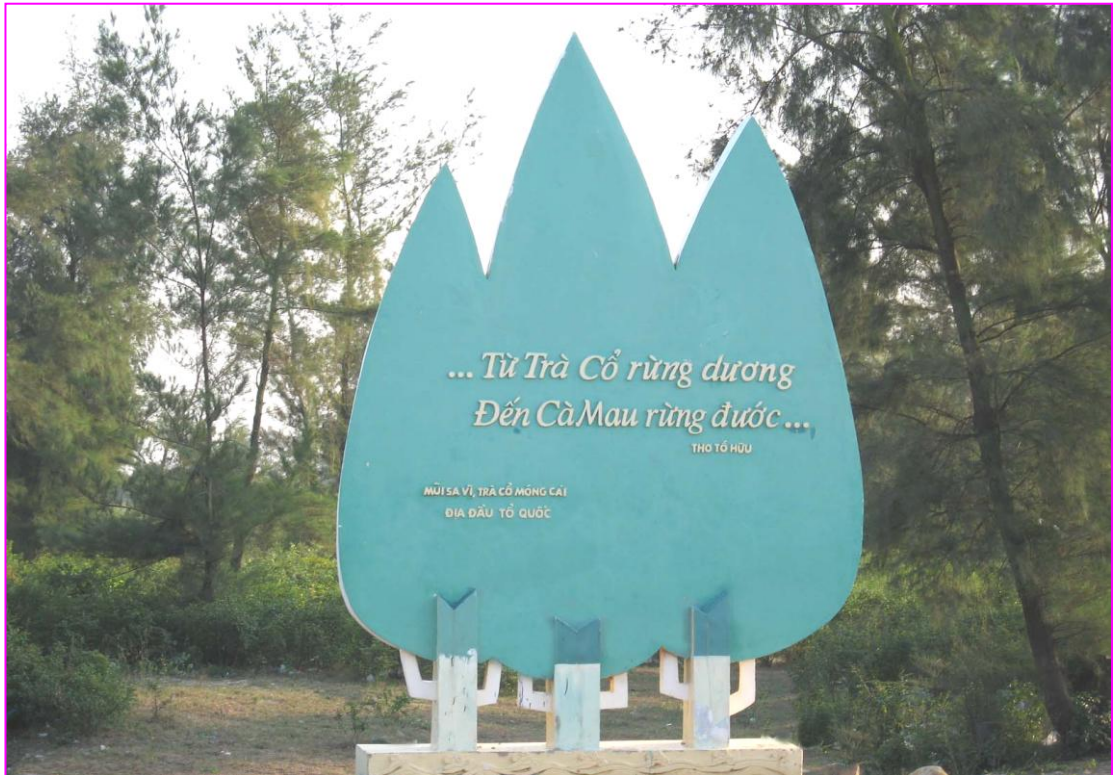


Bản đồ tỉnh Quảng Ninh



Bản đồ thành phố Móng Cái





Mũi Sa Vĩ hiện nay



Mô hình Mũi Sa Vĩ đang xây dựng



Biển Trà Cỏ



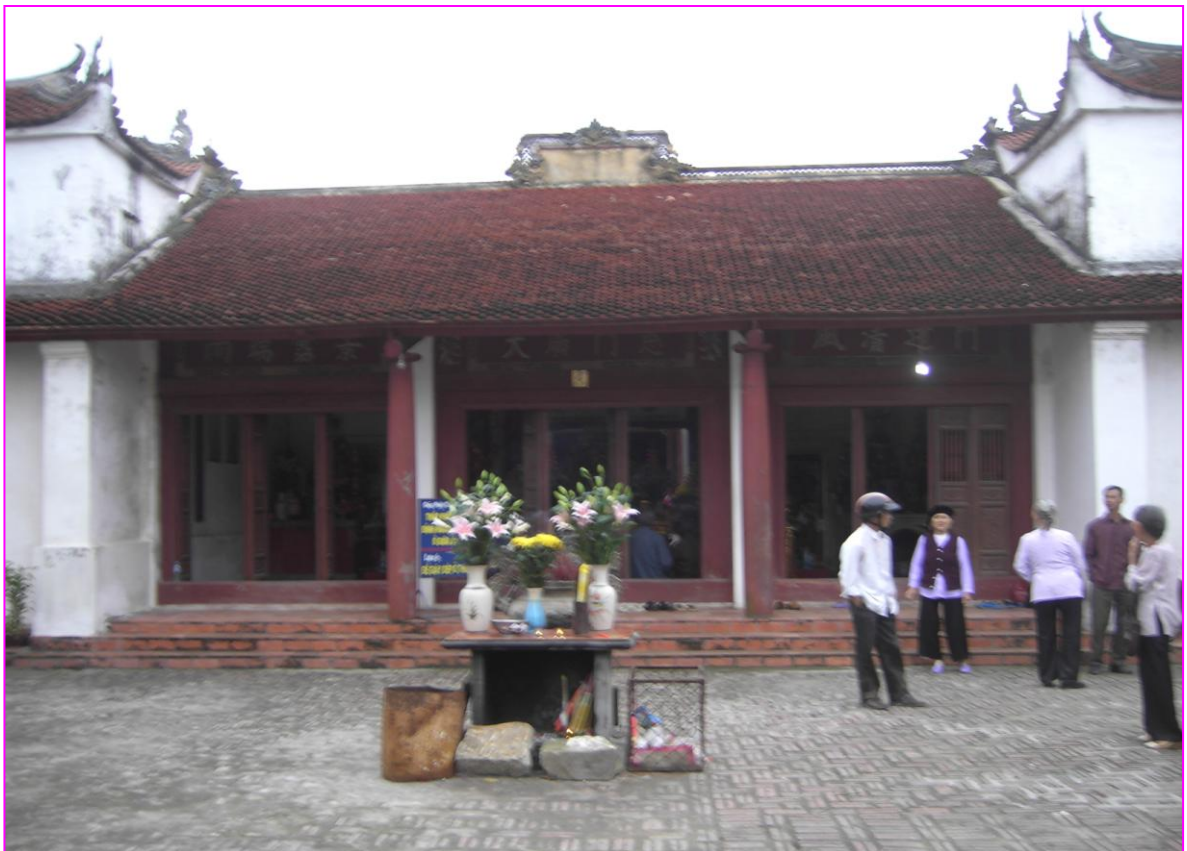
Đánh lưới trên biển Trà Cỏ



Đình Trà Cổ



Nhà Thờ Trà Cổ



Chùa Vạn Linh Khánh



Đám Rước trong lễ hội

LỜI CẢM ƠN

Là một sinh viên, được làm khoá luận là một vinh hạnh cho em. Trong quá trình làm và hoàn thành khoá luận em đã nhận được rất nhiều sự giúp đỡ.

Trước hết, em xin gửi lời cảm ơn tới tập thể các thầy cô giáo trong ngành văn hoá du lịch đã dìu dắt, dạy dỗ em trong suốt thời gian 4 năm ngồi trên ghế giảng đường Trường Đại học dân lập Hải Phòng.

Đặc biệt, em muốn gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất tới thầy giáo TS. Tạ Duy Trinh - người thầy trực tiếp hướng dẫn, chỉ bảo, giúp đỡ em trong suốt thời gian làm khoá luận.

Để có thể hoàn thành bài khoá luận này em cũng xin cảm ơn Phòng văn hoá thể thao du lịch thành phố Móng Cái, UBND phường Trà Cổ, Ban quản lý các di tích, các khách sạn đã tạo điều kiện giúp đỡ và cung cấp tài liệu cho em.

Và cuối cùng, em xin gửi lời cảm ơn tới gia đình và bạn bè đã tạo điều kiện và giúp đỡ em trong suốt thời gian qua.

Do thời gian nghiên cứu, tìm hiểu và do kiến thức còn hạn chế nên bài viết của em không tránh khỏi những sai sót. Em rất mong được sự góp ý và thông cảm của các thầy, cô giáo.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, tháng 7 năm 2009

Sinh viên

Đỗ Thị Mai Hương

MỤC LỤC

PHÂN MỞ ĐẦU	1
1-Lý do chọn đề tài	1
2-Mục đích nghiên cứu	2
3-Đối tượng	2
4-Nhiệm vụ.....	2
5-Phạm vi nghiên cứu	2
6-Phương pháp nghiên cứu	2
7-Cấu trúc của khoá luận.....	2
PHẦN NỘI DUNG	4
Chương 1:cơ sở lý luận về du lịch,tài nguyên du lịch	4
1. Khái niệm về du lịch	4
2. Vai trò của du lịch.....	6
2.1. Đối với kinh tế	6
2.2. Đối với xã hội	9
2.3. Đối với chính trị	12
2.4. Đối với sinh thái.....	13
3.Tài nguyên du lịch.....	14
3.1. Khái niệm về tài nguyên du lịch	14
3.2. Đặc điểm của tài nguyên du lịch.....	15
3.3. Vai trò của tài nguyên du lịch	15
3.4. Phân loại tài nguyên du lịch.....	17
3.4.1.Tài nguyên du lịch tự nhiên	18
3.4.1.1. Địa hình.....	18
3.4.1.2. Khí hậu	20
3.4.1.3. Nguồn nước.....	21
3.4.1.4. Sinh vật.....	21
3.4.2. Tài nguyên du lịch nhân văn	22
3.4.2.1. Di tích lịch sử văn hoá	22
3.4.2.2. Lễ hội.....	23

3.4.2.3. Các đối tượng gắn với dân tộc học	24
3.4.2.4. Các đối tượng văn hoá thể thao và hoạt động nhận thức khác. ...	25
4. Cơ sở hạ tầng_ cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch.....	25
4.1. Cơ sở dịch vụ trung gian	25
4.2. Cơ sở vận chuyển khách	26
4.3. Cơ sở lưu trú và ăn uống	26
4.4. Mạng lưới các cửa hàng thương nghiệp.....	26
4.5. Cơ sở thể thao.....	27
4.6. Cơ sở y tế.....	27
4.7. Các công trình thông tin văn hóa	27
4.8. Cơ sở dịch vụ bổ sung	27
5. Xu hướng phát triển du lịch hiện nay	27
Chương 2. Tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch Trà Cổ.	30
1. Tiềm năng du lịch Trà Cổ	30
1.1. Vài nét về Trà cổ và thành phố Móng Cái	30
1.1.1. Khái quát về thành phố Móng Cái	30
1.1.2. Lịch sử ra đời bán đảo Trà Cổ	34
1.2. Tài nguyên du lịch của Trà Cổ.....	34
1.2.1. Tài nguyên tự nhiên	34
1.2.1.1. Vị trí địa lý	34
1.2.1.2. Khí hậu	35
1.2.1.3. Sinh vật.....	35
1.2.1.4. Bãi biển Trà cổ	36
1.2.2. Tài nguyên nhân văn	37
1.2.2.1. Di tích lịch sử văn hoá	37
1.2.2.1.1. Đình trà cổ.....	37
1.2.2.1.2. Chùa vạn linh khánh(chùa Trà cổ).....	39
1.2.2.1.3. Đền thiên hậu thánh mẫu(đền Trà cổ).....	41
1.2.2.1.4. Nhà thờ Trà cổ.....	42
1.2.2.2. Lễ hội truyền thống: lễ hội đình Trà cổ	43
1.2.2.3. Đời sống cộng đồng của cư dân chài lưới Trà cổ	46

2. Thực trạng hoạt động du lịch Trà cổ.....	47
2.1. Đánh giá kết quả hoạt động du lịch.....	47
2.2. Đánh giá về khai thác các điểm du lịch	49
2.2.1. Bãi tắm	49
2.2.2. Các di tích lịch sử.....	50
2.3. Đánh giá về cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch	52
2.3.1. Cơ sở hạ tầng.....	52
2.3.2. Cơ sở dịch vụ du lịch	54
2.4. Đánh giá về môi trường	57
2.5. Đánh giá về lao động trong ngành du lịch	58
2.6. Đánh giá về tổ chức kinh doanh du lịch.....	60
Chương 3. Một số giải pháp phát triển có hiệu quả và bền vững	
du lịch Trà cổ.....	62
1. Một số thuận lợi và khó khăn để phát triển du lịch hiện nay.....	62
2. Phương hướng và mục tiêu phát triển du lịch Trà Cổ.....	65
2.1. Phương hướng	65
2.2. Mục tiêu.....	66
3. Các giải pháp chủ yếu phát triển du lịch Trà Cổ	69
3.1. Quy hoạch du lịch	69
3.2. Tăng cường đầu tư	70
3.3. Đa dạng hóa sản phẩm	71
3.4. Xúc tiến quảng cáo.....	73
3.5. Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.....	74
3.6. Tăng cường tuyên truyền giáo dục người dân địa phương đối với hoạt động du lịch và khách du lịch	75
3.7. Xây dựng môi trường văn hóa du lịch	76
3.8. Kiến nghị.....	77
PHẦN KẾT LUẬN	
TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	